

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**HOÀNG THỊ VIỆT TRINH**

**ĐỘC THOẠI NỘI TÂM CỦA CÁC NHÂN VẬT NỮ CHÍNH  
TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÁC HỌC**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Dương Thu Hằng**

**THÁI NGUYÊN - 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**Tác giả luận văn**

**HOÀNG THỊ VIỆT TRINH**

## **LỜI CẢM ƠN**

Trước hết, với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn tới PGS. TS Dương Thu Hằng – người đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các quý thầy cô trong Ban giám hiệu; Ban chủ nhiệm Khoa Ngữ Văn; quý thầy cô trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu khoa học.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân, bạn bè đã giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu khoa học và hoàn thiện luận văn này.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**Tác giả luận văn**

**HOÀNG THỊ VIỆT TRINH**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC BẢNG, BIỂU .....	v
MỞ ĐẦU.....	1
NỘI DUNG.....	9
Chương 1 .....	9
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	9
1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ liên quan .....	9
1.1.1. Truyện Nôm và phân loại truyện Nôm .....	9
1.1.2. Nhân vật nữ chính.....	11
1.1.3. Độc thoại nội tâm.....	12
1.2. Khái quát về tác giả, tác phẩm .....	14
1.2.1. Nguyễn Huy Tụ và tác phẩm <i>Hoa tiên kí</i> .....	14
1.2.2. Phạm Thái và tác phẩm <i>Sơ kính tân trang</i> .....	16
1.2.3. Nguyễn Du và tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> .....	17
1.3. Thống kê độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học .....	21
1.3.1. Độc thoại nội tâm của Dao Tiên trong <i>Hoa tiên kí</i> .....	21
1.3.2. Độc thoại nội tâm của Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong <i>Sơ kính tân trang</i> .....	21
1.3.3. Độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong <i>Truyện Kiều</i> .....	22
* <i>Tiểu kết chương 1</i> .....	22
Chương 2: ĐỘC THOẠI NỘI TÂM CỦA CÁC NHÂN VẬT NỮ CHÍNH TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÁC HỌC NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG .....	24
2.1. Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong <i>Hoa tiên kí</i> và <i>Sơ kính tân trang</i> ... 24	
2.1.1. Độc thoại nội tâm của Dao Tiên trong <i>Hoa tiên kí</i> .....	24
2.1.2. Độc thoại nội tâm của Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong <i>Sơ kính tân trang</i> .....	28

2.2. Độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong <i>Truyện Kiều</i> .....	32
2.2.1. Những độc thoại nội tâm về tình yêu .....	33
2.2.2. Những độc thoại nội tâm về tình cảm gia đình.....	41
2.2.3. Những độc thoại nội tâm về số phận và tương lai của Thúy Kiều.....	47
* <i>Tiểu kết chương 2</i> .....	55
Chương 3: ĐỘC THOẠI NỘI TÂM CỦA CÁC NHÂN VẬT NỮ CHÍNH TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÁC HỌC NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT...57	
3.1. Vai trò của độc thoại nội tâm trong việc xây dựng nhân vật có tính cách .....	57
3.2. Vai trò của độc thoại nội tâm trong việc cách tân thể loại truyện Nôm .....	76
3.2.1. Góp phần đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện.....	76
3.2.2. Góp phần đa dạng hóa điểm nhìn trần thuật .....	79
3.2.3. Góp phần gia tăng yếu tố trữ tình và bước đầu biến đổi mô hình kết cấu truyện Nôm .....	83
* <i>Tiểu kết chương 3</i> .....	85
KẾT LUẬN.....	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	89
PHỤ LỤC.....	94

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

<b>Bảng 2.1:</b> <i>Bảng thống kê số lượng câu thơ độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) theo nội dung phản ánh .....</i>	<b>33</b>
---	-----------

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

1. Trong lịch sử văn học dân tộc, truyện Nôm – đặc biệt là truyện Nôm bác học – chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Nó đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao của văn học quốc âm nói riêng và văn học trung đại Việt Nam nói chung. Truyện Nôm bác học phát triển nở rộ vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX với những nét độc đáo mới trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, trong đó phải kể đến những tác phẩm tiêu biểu có giá trị như *Hoa tiên kí* (Nguyễn Huy Tụ), *Sơ kính tân trang* (Phạm Thái)... và đặc biệt là *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

2. Nhân vật nữ chính trong các truyện Nôm bác học *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều* vừa mang những đặc điểm chung của nhân vật trong truyện Nôm nói chung, vừa có những nét riêng độc đáo trong từng tác phẩm. Tạo nên sự riêng biệt ấy của các nhân vật nữ chính không thể không nhắc đến nét độc đáo trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của mỗi tác giả, mà một phần quan trọng là nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật. Độc thoại nội tâm là phương thức biểu hiện đậm nét tâm lý, cá tính đặc trưng của nhân vật, là hình thức biểu hiện sâu sắc của con người cảm nghĩ – kiểu nhân vật ít gặp trong văn học trung đại Việt Nam. Vậy yếu tố độc thoại nội tâm được sử dụng với tần suất như thế nào trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu kể trên? Vai trò của nó trong việc xây dựng hình tượng các nhân vật nữ chính? Và hơn hết, độc thoại nội tâm đã góp phần như thế nào vào sự thành công của mỗi truyện Nôm bác học nói riêng và sự cách tân thể loại truyện Nôm nói chung?

3. Nghiên cứu về độc thoại nội tâm, đặc biệt là độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* không phải vấn đề mới, nhưng nhìn nhận, đánh giá nó trong sự phát triển thể loại truyện Nôm qua hệ thống các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu là vấn đề chưa được đặt ra trong bất kì công trình nghiên cứu nào. Có nhìn nhận trong dòng chảy ấy mới thấy hết được vai trò, ý nghĩa và tài năng kiệt xuất của Nguyễn Du trong việc sử dụng độc thoại nội tâm trong xây dựng hình tượng nhân vật Thúy Kiều và giá trị của độc thoại nội tâm trong việc tạo nên đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

Lựa chọn đề tài *Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học*, chúng tôi hi vọng có thể góp thêm một góc nhìn mới trong việc học tập và nghiên cứu một số tác phẩm truyện Nôm tiêu biểu.

## 2. Lịch sử vấn đề

Trước hết phải thấy rằng, nghiên cứu truyện Nôm đã có một bề dày lịch sử. Truyện Nôm trên hầu hết các phương diện đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Đặc biệt trong cuốn *Truyện Nôm nguồn gốc và bản chất thể loại*, Kiều Thu Hoạch đã có những nghiên cứu khá toàn diện về thể loại, từ nguồn gốc và quá trình phát triển thể loại, thi pháp đến chức năng tư tưởng – thẩm mỹ của truyện Nôm. Những nghiên cứu đã có là tiền đề quan trọng cho việc nghiên cứu từng tác phẩm truyện Nôm cụ thể.

Truyện Nôm là thể loại có số lượng tác phẩm vào loại lớn của văn học trung đại Việt Nam. Vấn đề phân loại truyện Nôm có nhiều ý kiến khác nhau nhưng cách phân loại phổ biến và có giá trị khoa học hơn cả là phân chia truyện Nôm thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học. Trong đó, truyện Nôm bác học là bộ phận tập hợp những tác phẩm đạt tới trình độ nghệ thuật điêu luyện. Tạo nên những đặc sắc nghệ thuật của truyện Nôm bác học bao gồm nhiều yếu tố, nhưng trong đó phải kể đến nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

Có thể nói, độc thoại nội tâm là yếu tố ít xuất hiện trong văn học trung đại nói chung, trong các truyện Nôm nói riêng. Trong lịch sử phát triển thể loại, truyện Nôm chủ yếu xây dựng con người hành động nhiều hơn con người cảm nghĩ. Ở một số truyện Nôm bác học có giá trị nghệ thuật cao, nhân vật nữ chính đã bước đầu được xây dựng với những suy nghĩ, tình cảm, tâm lí riêng. Trường hợp đó phải kể đến nhân vật Dao Tiên trong *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ, Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái. Có thể điếm qua một số nghiên cứu tiêu biểu về vấn đề này:

Trong dòng chảy của truyện Nôm, trước *Truyện Kiều*, *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ có lẽ là tác phẩm đã chú ý nhiều hơn cả đến việc miêu tả tâm trạng nhân vật, rõ nét nhất là nhân vật nữ chính – Dao Tiên. Nguyễn Lộc trong cuốn *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX)* đã nhận định: “Với *Hoa tiên*, nhân vật ít



*nhieu đã có bản sắc [...] Dao Tiên là một nhân vật có nội tâm và sống với khá nhiều dần vật”* [27, tr.229]. Tác phẩm đã khai thác mâu thuẫn giữa khát vọng tình yêu với quan niệm chật hẹp, gò bó của đạo đức phong kiến không phải bằng sự đối lập của hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện, mà bằng chính cuộc đấu tranh giữa lý trí và tình cảm trong bản thân nhân vật nữ chính Dương Dao Tiên. Đó cũng là nhân vật được tác giả xây dựng thành công hơn cả: *“Dao Tiên là nhân vật thể hiện sâu sắc nhất mâu thuẫn giữa lý trí và tình cảm. Mối giằng co ấy kéo dài với bao nhiêu dần vật suy nghĩ, trong đó những tình cảm mới cứ lớn dần lên mãi”* [27, tr.226].

*Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tự là tác phẩm truyện Nôm bước đầu đã chú ý đến miêu tả nội tâm nhân vật. Đến với tình yêu, nhân vật Dao Tiên đã thể hiện những mâu thuẫn giữa lý trí và tình cảm, giữa quan niệm của lễ giáo truyền thống và khát vọng tự do yêu đương. Những dần vật nội tâm ấy đã được thể hiện chân thực hơn với sự xuất hiện bước đầu của ngôn ngữ độc thoại nội tâm trong tác phẩm. Có thể nói, *“Ở truyện Hoa tiên, ngôn ngữ độc thoại của nhân vật chiếm tỉ lệ chưa nhiều so với một số truyện Nôm khác. Nhưng nó đã là một phương tiện có hiệu quả để khám phá và thể hiện chiều sâu tâm tư ẩn giấu bên trong nhân vật”* [65, tr.315]. Hơn thế nữa, tác phẩm còn mở đầu cho sự phát triển mạnh mẽ của hàng loạt truyện Nôm bác học trong giai đoạn tiếp theo: *“Trước Truyện Kiều thì Hoa tiên vẫn là truyện thơ thành công hơn cả. Có thể nói sự ra đời của Hoa tiên là một bước trưởng thành mạnh mẽ của thể loại truyện thơ, và báo trước sự ra đời của nhiều truyện thơ khác có giá trị sau này”* [27, tr.229].

Với *Sơ kính tân trang*, nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tác phẩm có thể nói vẫn còn nhiều thiếu sót. Nguyễn Lộc đã nhận xét: *“Các nhân vật của Phạm Thái còn nghèo nàn, sơ lược, không có bản sắc riêng. Phạm Thái hay gán ghép tâm lý của mình cho nhân vật, cho nên hình như nhân vật nào trong tác phẩm cũng có bóng dáng của Phạm Thái...”* [27, tr.248]. Mặc dù tác phẩm còn nhiều hạn chế về phương diện nghệ thuật, nhưng tác phẩm cũng đã có những đóng góp nhất định. Tác giả đã *“tỏ ra sắc sảo trong việc miêu tả tâm trạng, miêu tả cảnh vật, hay miêu tả từng bức chân dung [...] nắm bắt được cả một thoáng xao xuyến tinh vi của con người xen trong cái nhìn về cảnh vật”* [27, tr.248]. Nhìn chung, tâm trạng nhân vật trong tác

phẩm được miêu tả chủ yếu qua cái nhìn về thiên nhiên, cảnh vật, yếu tố độc thoại nội tâm rất ít xuất hiện và không có những ấn tượng đậm nét.

Đỉnh cao của thể loại truyện Nôm, cũng là đỉnh cao của văn học trung đại Việt Nam là kiệt tác *Truyện Kiều*. Trong suốt hành trình 200 năm từ khi tác phẩm ra đời cho đến nay, không thể kể hết những công trình nghiên cứu, tranh luận, khen chê về tác phẩm trên tất cả các phương diện. Có thể điểm qua một số phương diện nghiên cứu chủ yếu về *Truyện Kiều*: từ cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du đến thời điểm sáng tác, vấn đề văn bản tác phẩm, nội dung, nghệ thuật, những tranh luận và địa vị, ảnh hưởng của *Truyện Kiều* trong tiến trình văn học dân tộc.

Lịch sử nghiên cứu, bàn luận *Truyện Kiều* song hành cùng lịch sử 200 năm tồn tại của áng văn chương bất hủ này. Khó có thể nói hết sự say mê và sức sống trường tồn của *Truyện Kiều* trong lịch sử văn học dân tộc. Mọi vấn đề xoay quanh tác phẩm đều đã được quan tâm nghiên cứu. Nhưng “*Xưa nay quả chưa có ai hiểu hết và giải thích truyện “Kiều” đến một trình độ thỏa mãn*” [2, tr.7]. Nhìn lại bề dày lịch sử nghiên cứu *Truyện Kiều* suốt hai thế kỉ có thể nhận thấy rằng, để tìm được một hướng đi mới cho việc nghiên cứu tác phẩm là vấn đề không dễ dàng. Chính vì vậy, trong luận văn này, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu về độc thoại nội tâm của nhân vật nữ chính Thúy Kiều trong cái nhìn đối sánh với độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu trước *Truyện Kiều* là *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang*; qua đó thấy được quá trình vận động, bước phát triển của việc sử dụng độc thoại nội tâm trong các truyện Nôm bác học và vai trò của yếu tố đó trong sự cách tân thể loại thể hiện đỉnh cao ở kiệt tác *Truyện Kiều*.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã xây dựng một thế giới nhân vật phong phú, đa dạng. Phan Ngọc từng nhận xét: “*Truyện Kiều là quyển bách khoa thư của một ngàn tâm trạng*” [32, tr.183]. Trên dưới ba mươi nhân vật trong *Truyện Kiều* là trên dưới ba mươi con người với số phận và tính cách khác nhau. “*Có những nhân vật người đọc dõi theo hồi hộp trên nghìn câu lục bát, có nhân vật tuy chỉ thoáng qua vẫn để lại những nét tính cách khá rõ*” [26, tr.1121]. Nhân vật với những nét tính cách điển hình nhất trong tác phẩm là Thúy Kiều. Thành công của Nguyễn Du trong xây dựng nhân vật Thúy Kiều có sự góp phần quan trọng của nghệ thuật miêu tả tâm

lí nhân vật, trong đó chiếm một phần quan trọng là vai trò của độc thoại nội tâm. Có thể điểm qua một vài nghiên cứu tiêu biểu:

Trong cuốn *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Phan Ngọc đã chỉ ra số lượng những câu phân tích nội tâm đã chiếm 775 câu (24,2%), tức là gần một phần tư tác phẩm. Tỷ lệ đó đã cho thấy vấn đề tâm lý nhân vật được Nguyễn Du đặc biệt chú ý. Hơn thế nữa, khi đặt *Truyện Kiều* trong sự so sánh, đối chiếu với *Kim Vân Kiều truyện*, có thể thấy nhân vật trong *Truyện Kiều* nói rất ít nhưng người đọc vẫn hiểu được đầy đủ, tính cách nhân vật vẫn hiện lên rõ nét. Vì ngôn ngữ tác phẩm là ngôn ngữ của tâm trạng, mà để góp phần thể hiện tâm trạng ấy, độc thoại nội tâm là một phương thức nghệ thuật đặc lực.

Thành công trong nghệ thuật xây dựng tâm lí nhân vật phải kể đến “*phương pháp phân tích tâm lí tàn nhẫn*” bắt kể với nhân vật nào trong tác phẩm: “*con người bị phanh phui tàn nhẫn, hết kiệt, theo cái nghĩa hóa học của danh từ, không để lại một cái cặn nào hết, không chút nể nang nhân nhượng*” [26, tr.1042]. Nhân vật là nơi chứa đầy những mâu thuẫn, đối lập như chính con người của đời sống: “*Con người trong Truyện Kiều là thế, mỗi người là một thao trường tranh cãi, không bao giờ hết được*” [32, tr.150]. Độc thoại nội tâm trong *Truyện Kiều* tạo nên đời sống nội tâm đa dạng, phong phú và phức tạp. Mỗi nhân vật của tác phẩm “*đều sống với nội tâm của mình, cho nên khi giao tiếp với mọi người nhiều khi họ vẫn tự tách mình ra, theo đuổi những ý nghĩ riêng mà người khác không chấp nhận được*” [32, tr.101].

Trong *Truyện Kiều*, mỗi nhân vật hiện lên với tính cách điển hình, đặc biệt là nhân vật trung tâm – Thúy Kiều. Trong cuốn *Nghệ thuật tái tạo nhân vật Kiều trong Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du*, Nguyễn Hằng Thanh đã nhận xét:

Kiều trở thành nhân vật của muôn đời là nhờ bàn tay “ché tác” thần kì của Nguyễn Du. Và một trong những yếu tố tạo nên sự thành công ấy là độc thoại nội tâm. Bởi “rất dễ hiểu là hình thức độc thoại nội tâm rất được chú trọng vận dụng trong *Truyện Kiều*: không phải là thứ độc thoại dùng để giải thích hay báo trước sự diễn biến của câu chuyện, mà là sự lên tiếng của tâm tình, mà là tâm hồn tự soi bóng”.

[55, tr.113 – 114]

Thúy Kiều hiện lên với những tính cách vừa đa dạng, vừa thống nhất ấy không thể thiếu vai trò quan trọng của độc thoại nội tâm. Chính yếu tố đó đã góp phần tạo

nên sức sống lâu bền của nhân vật Thúy Kiều nói riêng và tác phẩm *Truyện Kiều* nói chung.

Độc thoại nội tâm trong *Truyện Kiều* còn có ý nghĩa quan trọng trong việc cách tân thể loại truyện thơ Nôm. *Truyện Kiều* với “lời văn đa chủ thể, nhiều lời nửa trực tiếp, độc thoại nội tâm đậm đà tính chất chủ quan, biểu hiện rõ nét của sự cảm thụ cá nhân, điểm nhìn cá thể của nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính” [26, tr.1213]. Đó là trình độ nghệ thuật mà không có bất kì một tác phẩm truyện Nôm nào đạt đến.

Nhìn nhận thành công và tài năng của Nguyễn Du trong việc sử dụng độc thoại nội tâm như một hình thức chủ đạo để miêu tả tâm lý nhân vật, xây dựng con người cảm nghĩ, thiết nghĩ phải đặt nhân vật Thúy Kiều trong sự đối sánh với các nhân vật nữ chính của một số truyện Nôm bác học tiêu biểu ra đời trước *Truyện Kiều*.

Qua các công trình nghiên cứu trên, có thể thấy rằng, độc thoại nội tâm trong *Truyện Kiều* chủ yếu được tìm hiểu lồng ghép trong những nghiên cứu về tâm lý nhân vật mà chưa được tìm hiểu cụ thể trong một đề tài riêng biệt, đặc biệt chưa được đặt trong cái nhìn đối sánh với việc sử dụng độc thoại nội tâm trong xây dựng các nhân vật nữ chính của các tác phẩm trong dòng truyện Nôm bác học. Tiếp thu những nghiên cứu đã có, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài *Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học* với mong muốn đóng góp thêm một cái nhìn có tính chất hệ thống về vấn đề này, cũng là để có được cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về những tác phẩm truyện Nôm có giá trị của văn học trung đại Việt Nam.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

Tìm hiểu yếu tố độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu, qua đó thấy được vai trò của độc thoại nội tâm trong xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa của việc sử dụng phương thức nghệ thuật đó trong việc cách tân thể loại truyện Nôm, cũng là góp thêm một góc nhìn mới về tác phẩm.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Thực hiện luận văn này, chúng tôi tập trung tìm hiểu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu. Trong khuôn khổ của luận văn, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu các nhân vật nữ chính là: Dao Tiên trong

*Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ, Trương Quỳnh Thu – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm tiêu biểu: Dao Tiên trong *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ, Trương Quỳnh Thu – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Chúng tôi sử dụng các văn bản tác phẩm trong: *Truyện Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tụ, Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu, Nxb Văn hóa, 1974), *Sơ kính tân trang* (Phạm Thái, Hoàng Hữu Yên hiệu đính và chú giải, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du, Ban văn bản Hội Kiều học Việt Nam hiệu khảo, chú giải, Nxb Trẻ, 2015) để khảo sát nghiên cứu cùng với các tài liệu tham khảo có liên quan đến đề tài.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Thực hiện luận văn, chúng tôi vận dụng đồng bộ các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp hệ thống*: nghiên cứu yếu tố độc thoại nội tâm trong mối quan hệ hệ thống với các phương diện khác của thể giới nghệ thuật tác phẩm.

- *Phương pháp tiếp cận văn hóa học và nghiên cứu thi pháp học*: sử dụng phương pháp tiếp cận văn hóa học để giải mã các hình tượng nghệ thuật, tìm ra nền tảng văn hóa của chúng. Đồng thời, vận dụng lý thuyết thi pháp về không gian, thời gian nghệ thuật, thi pháp nhân vật để làm sáng tỏ vai trò của độc thoại nội tâm trong tác phẩm.

- *Phương pháp nghiên cứu liên ngành*: kết hợp phương pháp nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu lịch sử - xã hội..., trên cơ sở kế thừa và khai thác thế mạnh của các ngành khoa học khác, tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố đó và văn học.

Ngoài ra, luận văn của chúng tôi còn sử dụng các thao tác nghiên cứu khác như khảo sát, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh...

#### **6. Đóng góp mới của luận văn**

- Đây là công trình đầu tiên khảo sát, thống kê đầy đủ, có hệ thống và đặt độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu thành đối tượng nghiên cứu chính; từ đó thấy được vai trò của độc thoại nội tâm trong

xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa của việc sử dụng phương thức nghệ thuật đó trong việc cách tân thể loại truyện Nôm. Qua luận văn này, chúng tôi mong muốn góp thêm một góc nhìn mới về độc thoại nội tâm trong dòng chảy của thể loại truyện Nôm, đặc biệt là vai trò quan trọng của nó trong *Truyện Kiều*.

- Góp thêm một tài liệu tham khảo hữu ích cho việc học tập, nghiên cứu các truyện Nôm tiêu biểu: *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang*, *Truyện Kiều* và truyện Nôm bác học nói chung.

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Luận văn của chúng tôi ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo* và *Phụ lục*, phần *Nội dung* được triển khai trong 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung liên quan đến đề tài

Chương 2: Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học nhìn từ phương diện nội dung

Chương 3: Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học nhìn từ phương diện nghệ thuật

## NỘI DUNG

### Chương 1

#### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

##### 1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ liên quan

##### 1.1.1. Truyện Nôm và phân loại truyện Nôm

Truyện Nôm là một thể loại tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam được viết bằng ngôn ngữ dân tộc, hình thành từ khoảng thế kỉ XVI, XVII và phát triển nở rộ vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Vấn đề thể loại truyện Nôm đã được nghiên cứu trong nhiều công trình khoa học. Đưa ra định nghĩa về truyện Nôm, các nhà nghiên cứu chủ yếu dựa vào đặc trưng thể thơ, ngôn ngữ và phương pháp sáng tác. Có thể điểm qua một vài định nghĩa về truyện Nôm.

Trong cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học*, các tác giả đã đưa ra định nghĩa: Truyện Nôm là “*Thể loại tự sự bằng thơ dài rất tiêu biểu cho văn học cổ điển Việt Nam, nở rộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, do viết bằng tiếng Việt, ghi bằng chữ Nôm nên được gọi là truyện Nôm*” [15, tr.372].

Tác giả Trần Đình Sử trong công trình *Thi pháp Truyện Kiều*, qua khảo sát những lời mở và kết của một số truyện thơ Nôm đã nhấn mạnh thêm: “*Truyện thơ Nôm là truyện viết ra để đọc, xem hoặc ngâm nga trong thư trai, phòng văn. Không có chữ Nôm thì không thể có truyện Nôm*” [52, tr.88].

Khi nghiên cứu về truyện Nôm, trong cuốn *Truyện Nôm – Nguồn gốc và bản chất thể loại*, tác giả Kiều Thu Hoạch đã nêu cách hiểu: “*Nói truyện Nôm, hoặc truyện thơ Nôm, thì ai cũng hiểu đó là một loại truyện thơ được ghi chép bằng chữ Nôm*” [18, tr.189].

Nhà nghiên cứu Lã Nhâm Thìn trong cuốn *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại* đã đưa ra những nhận xét khái quát về thể loại truyện Nôm:

Truyện Nôm là loại hình tự sự bằng thơ dùng ngôn ngữ văn tự dân tộc – chữ Nôm để sáng tác. Xét về thể thơ, một số tác phẩm được viết bằng thể thơ Đường luật, gọi là Truyện thơ Đường luật (như truyện Vương Tường, Lâm tuyền kì ngộ, Tô Công phụng sứ,...). Nhưng phần lớn truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát. Do đó nhiều khi, khái niệm truyện Nôm được dùng để chỉ những tác phẩm truyện thơ lục bát.

[66, tr.237]

Mặc dù các nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau về truyện Nôm nhưng có thể khái quát một số nét cơ bản về thể loại này như sau: *Truyện Nôm là loại hình tự sự bằng thơ, được viết bằng ngôn ngữ dân tộc là chữ Nôm. Ngoài một số lượng ít tác phẩm ở giai đoạn đầu được viết bằng thơ Đường luật, truyện Nôm chủ yếu sử dụng hình thức thơ lục bát. Truyện Nôm hình thành từ khoảng thế kỉ XVI, XVII và phát triển đến đỉnh cao với nhiều tác phẩm có giá trị vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX.*

Truyện Nôm là thể loại có số lượng tác phẩm vào loại lớn của văn học trung đại Việt Nam. Hình thành và phát triển trong suốt một thời gian dài, chịu sự chi phối khác nhau của hoàn cảnh lịch sử cũng như sự thay đổi đối tượng sáng tác, phân loại truyện Nôm là một vấn đề phức tạp. Căn cứ vào những tiêu chí khác nhau, có thể có những cách phân loại truyện Nôm như sau:

Căn cứ vào nguồn gốc đề tài, truyện Nôm có ba loại: loại lấy đề tài từ văn học dân gian Việt Nam, loại mượn cốt truyện có sẵn của văn học Trung Quốc, loại sáng tạo bằng hư cấu từ tác phẩm hoặc câu chuyện có thật ở Việt Nam.

Căn cứ vào tình trạng tác giả, truyện Nôm có hai loại: truyện Nôm hữu danh và truyện Nôm khuyết danh.

Căn cứ vào đối tượng sáng tác, truyện Nôm được chia thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học.

Có thể thấy rằng, mỗi cách phân loại truyện Nôm đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, vì vậy sự phân loại theo bất kì hình thức nào cũng chỉ mang tính tương đối. Tuy nhiên, phân loại truyện Nôm theo đối tượng sáng tác là cách phân loại phổ biến và có giá trị khoa học hơn cả. Sự phân chia thể loại thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học không chỉ đơn thuần phản ánh tiêu chí về đối tượng sáng tác, mà hơn thế nữa còn có sự phân biệt những đặc trưng về nội dung và nghệ thuật.

Truyện Nôm bình dân hầu hết là những tác phẩm khuyết danh. Căn cứ vào đặc điểm nghệ thuật, quan niệm nhân sinh và xã hội được thể hiện trong tác phẩm, có thể xác định tác giả của những sáng tác ấy là người bình dân, thuộc tầng lớp dưới trong xã hội. Tư tưởng của họ mặc dù có phần chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến nhưng cơ bản vẫn gần gũi với tư tưởng của quần chúng lao động, tư tưởng của người



bình dân. Tác phẩm được lưu truyền trong dân gian với ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, gần gũi lời ăn tiếng nói của người bình dân. Đặc trưng về nội dung của truyện Nôm bình dân được xác định:

Truyện Nôm bình dân thường được viết dựa theo những câu chuyện cổ dân gian của ta, chứ không phải dựa theo cốt truyện của Trung Quốc như truyện Nôm bác học. Nói cách khác, đó là những truyện dân gian được các nho sĩ bình dân nhận thức lại trên bối cảnh thực tế của tình hình lịch sử xã hội nước ta giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX, và được diễn ca lại bằng thể thơ lục bát.

[27, tr.508]

Khác với truyện Nôm bình dân, truyện Nôm bác học ngoài một số rất ít tác phẩm khuyết danh, còn hầu hết là có tên tác giả. Ngôn ngữ của truyện Nôm bác học trau chuốt, điêu luyện, sử dụng nhiều điển tích, điển cố, từ ngữ Hán Việt. Vì vậy, đó chắc chắn là những sáng tác của những người có trình độ học vấn uyên bác, thuộc tầng lớp quý tộc. Đặc trưng cơ bản của truyện Nôm bác học là:

Hầu hết loại truyện này được viết dựa theo những cốt truyện trong văn học cổ Trung Quốc, cá biệt mới có truyện được nhà thơ hư cấu, sáng tác. Nội dung của nó có nhiều mặt phong phú tiến bộ, đồng thời cũng ghi lại dấu vết đậm nét những mâu thuẫn và hạn chế trong thế giới quan và nhân sinh quan của tác giả, vốn là những người thuộc tầng lớp trên. Về nghệ thuật, một mặt thì những tác phẩm này được gia công chau chuốt nhiều, nhà thơ tỏ ra có một trình độ khá điêu luyện.

[27, tr.507]

Truyện Nôm bác học là bộ phận truyện Nôm có những tác phẩm đạt đến đỉnh cao về nội dung phản ánh và hình thức nghệ thuật, trong đó phải kể đến những tác phẩm tiêu biểu như *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tự, *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và đặc biệt là kiệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

### **1.1.2. Nhân vật nữ chính**

Nhân vật là một bộ phận quan trọng của tác phẩm văn học. Trong giáo trình *Lí luận văn học* (tập II), tác giả Phan Huy Dũng nêu định nghĩa: “*Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ*” [53, tr.73]. Như vậy, nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm văn học.

Con người và cuộc sống con người vô cùng đa dạng, muôn màu, vì vậy thế giới nhân vật trong văn học cũng phong phú như chính bản thân cuộc sống. Theo vai trò của nhân vật trong kết cấu tác phẩm, có thể phân chia nhân vật văn học làm ba loại: nhân vật chính, nhân vật trung tâm và nhân vật phụ. Trong khuôn khổ luận văn, chúng tôi chỉ làm rõ khái niệm *nhân vật chính*.

Nhân vật chính là nhân vật xuất hiện nhiều trong tác phẩm, tham gia vào hầu hết các sự kiện chính được miêu tả, giữ vị trí then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện và là cơ sở quan trọng để nhà văn triển khai đề tài trung tâm hay tưởng nghệ thuật cơ bản của mình. Nhân vật chính thường được khắc họa đầy đặn ở các mặt, khiến cho độc giả nhớ mãi.

[53, tr.85]

Trong tác phẩm văn học, căn cứ vào vai trò của nhân vật đối với kết cấu cũng như vị trí của nhân vật trong việc thể hiện đề tài, chủ đề, tư tưởng tác phẩm, có thể xác định nhân vật chính, từ đó xác định nhân vật nữ chính trong các truyện *Nôm Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều* lần lượt là: ***Dao Tiên; Trương Quỳnh Thu – Thụy Châu; Thúy Kiều***. Trong luận văn này, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê và tìm hiểu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính như đã xác định ở trên.

### **1.1.3. Độc thoại nội tâm**

Độc thoại nội tâm trở thành đối tượng được quan tâm nghiên cứu nhiều từ những năm đầu thế kỉ XX. Ở Việt Nam, những nghiên cứu riêng biệt về độc thoại nội tâm chưa nhiều, tuy nhiên các tác giả cũng đã đưa ra những định nghĩa, chỉ ra những đặc trưng cơ bản của độc thoại nội tâm. Có thể điểm qua một vài định nghĩa tiêu biểu:

Trong cuốn *Từ điển văn học* (bộ mới), độc thoại nội tâm được hiểu là “*Khái niệm chỉ phát ngôn của nhân vật nói với bản thân mình, trực tiếp phản ánh quá trình tâm lý bên trong, là kiểu độc thoại thầm (hoặc lầm bầm), mô phỏng hoạt động suy nghĩ – cảm xúc của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó*” [35, tr.445].

Các tác giả cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi) cũng đưa ra định nghĩa về độc thoại nội tâm. Độc thoại nội tâm là “*Lời phát ngôn của nhân vật nói với chính mình, thể hiện trực tiếp quá trình tâm lí nội tâm, mô phỏng hoạt động cảm xúc, suy nghĩ của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó*” [15, tr.122]

Tác giả Nguyễn Thái Hòa trong cuốn *Những vấn đề thi pháp của truyện*, căn cứ vào tính đối thoại bên trong của độc thoại nội tâm cũng đưa ra cách hiểu: “*Thực ra, độc thoại nội tâm cũng là hình thức đối thoại của nhân vật, trong đó người đối thoại cũng chính là mình, nói cách khác đó là một sự phân thân: mình nói chuyện với mình, một mình đóng cả hai vai người nói và người nghe và nói lại bằng một giọng khác, một cách suy nghĩ khác*” [17, tr.77].

Như vậy, từ những định nghĩa trên có thể khái quát một số đặc trưng cơ bản của độc thoại nội tâm. Thứ nhất, đối tượng hướng đến của lời độc thoại nội tâm là chính bản thân chủ thể độc thoại. Lời độc thoại nội tâm được nhân vật phát ngôn nhằm nói với chính mình, để giao tiếp với chính mình. Từ đặc trưng trên chi phối hình thức tồn tại cơ bản của lời độc thoại nội tâm là những lời nói ngậm ả trong nội tâm nhân vật. Thứ ba, nội dung phản ánh cơ bản, trực tiếp của độc thoại nội tâm là quá trình tâm lý nội tâm sâu sắc, dòng cảm xúc, suy tư từ thẳm sâu tâm hồn, tình cảm con người.

Khi nghiên cứu về độc thoại nội tâm, tác giả Tamara Motilova cũng đã chú ý đến các hình thức tồn tại của độc thoại nội tâm:

Nó xuất hiện như diễn từ không biểu đạt thành lời của các nhân vật hoặc như diễn từ của tác giả, nhân danh mình mà nói, nhưng có thể coi như đã mượn từ vựng và giọng điệu của nhân vật; hoặc như đối thoại bên trong, ở đó giọng nói của nhân vật bị xẻ làm đôi thành hai giọng phân biệt và đối nghịch; nó xuất hiện dưới hình thức một chuỗi kết luận có tổ chức cũng như qua những ý kiến mơ hồ và hỗn loạn.

[dẫn theo 10, tr.69-70]

Qua đây, tác giả đã chỉ ra những hình thức tồn tại của độc thoại nội tâm. Thứ nhất, đó là lời độc thoại nội tâm mà tác giả “*nhân danh mình mà nói, nhưng có thể coi như đã mượn từ vựng và giọng điệu của nhân vật*”, đây là dạng độc thoại nội tâm dưới hình thức ngôn ngữ nửa trực tiếp. Thứ hai, độc thoại nội tâm dưới dạng những lời đối thoại bên trong của nhân vật, hình thức ngôn ngữ ở đây là ngôn ngữ trực tiếp tự do. Thứ ba, độc thoại nội tâm xuất hiện qua “*những ý kiến mơ hồ và hỗn loạn*”, đây chính là dòng ý thức. Ngoài ra, độc thoại nội tâm cũng xuất hiện dưới hình thức bài thơ trữ tình do chính nhân vật viết ra.

Trong văn học, lời độc thoại nội tâm không nằm trong mối quan hệ tương tác với người nghe trực tiếp như lời đối thoại nhưng qua đó cũng thể hiện sự giao tiếp một cách gián tiếp – hơn nữa đó lại là một sự giao tiếp đặc biệt. Bằng cách thể hiện quá trình tâm lý bên trong, lời độc thoại nội tâm góp phần diễn tả phần cảm xúc, suy nghĩ sâu kín nhất của nhân vật văn học.

Độc thoại nội tâm là một vấn đề phức tạp, việc đưa ra một định nghĩa về độc thoại nội tâm cũng chưa thống nhất. Mặt khác, những nghiên cứu về độc thoại nội tâm chủ yếu được tiến hành đối với các tác phẩm truyện ngắn và tiểu thuyết mà rất ít tiến hành đối với các tác phẩm văn học trung đại. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc nghiên cứu, trong khuôn khổ luận văn này, chúng tôi quan niệm: *Độc thoại nội tâm là những suy nghĩ ngầm ẩn trong nội tâm nhân vật, là lời phát ngôn của nhân vật nhằm nói với chính mình; phản ánh quá trình tâm lý nội tâm sâu sắc, dòng cảm xúc, suy tư trong đáy sâu tâm hồn, tình cảm của nhân vật.*

## **1.2. Khái quát về tác giả, tác phẩm**

### **1.2.1. Nguyễn Huy Tự và tác phẩm *Hoa tiên kí***

#### **1.2.1.1. Tác giả Nguyễn Huy Tự**

Nguyễn Huy Tự (1743 – 1790), tên khác là Yên, tự là Hữu Chi, hiệu là Uẩn Trai, quê ở làng Trường Lưu, xã Lai Thạch, huyện La Sơn, nay thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Miền núi Hồng sông Lam quê hương Nguyễn Huy Tự là mảnh đất nuôi dưỡng nhiều nhân tài lỗi lạc như Đặng Dung, Nguyễn Thiếp, Ngô Đức Kế, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Du... Đặc biệt, dòng họ Nguyễn Huy ở làng Trường Lưu cùng với dòng họ Nguyễn ở làng Tiên Điền là hai dòng họ nổi tiếng nhất về truyền thống khoa bảng và truyền thống văn học.

Nguyễn Huy Tự nổi tiếng là người học rộng biết nhiều, con đường công danh của ông cũng khá thuận lợi. Nguyễn Huy Tự lấy hai người vợ đều là con gái của Thái bảo Toán quận công Nguyễn Khản, từng làm đến chức Tể tướng, là anh em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Du. Vợ cả của Nguyễn Huy Tự là bà Nguyễn Thị Bành, sau khi người vợ cả qua đời, em gái bà dù đã có chồng và con nhưng vì mến mộ tài năng của Nguyễn Huy Tự đã bỏ cả chồng và con riêng để lấy ông. Hai dòng họ Nguyễn Tiên Điền và Nguyễn Huy Trường Lưu có mối thâm tình sâu sắc và điều đó chắc hẳn đã có

ảnh hưởng đến những sáng tác văn chương nổi tiếng của những nhân tài của hai dòng họ sau này. Có thể nói, “*Mối thâm tình phóng khoáng và mãnh liệt vượt ra ngoài khuôn phép của người vợ thứ hai này chắc đã làm thức tỉnh cái phần sâu sắc nhất trong tâm hồn nghệ sĩ của Nguyễn Huy Tụ và có thể đây đã là một bản mẫu quan trọng giúp nhà thơ sáng tạo nên những hình tượng đẹp đẽ trong truyện thơ Hoa tiên*” [65, tr.16].

Có thể thấy, truyền thống lịch sử, văn hóa của vùng đất sông Lam núi Hồng cùng với truyền thống văn chương nhiều đời của dòng họ Nguyễn Huy Trường Lưu đã góp phần hun đúc nên con người, tài năng của tác giả *Truyện Hoa tiên*. Và *Hoa tiên kí* – tác phẩm gần như duy nhất của Nguyễn Huy Tụ có vị trí như thế nào trong lịch sử văn học dân tộc?

#### 1.2.1.2. Tác phẩm *Hoa tiên kí*

*Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ có nguồn gốc từ ca bản “*Đệ bát tài tử Hoa tiên kí*”, là cuốn sách đứng hàng thứ tám trong tám cuốn sách được xếp vào loại sách tài tử của văn học cổ Trung Hoa. Nguyễn Huy Tụ đã dựa vào ca bản này để diễn Nôm *Hoa tiên*, nhưng “*cái phần cốt lõi nhất, quan trọng nhất làm nên giá trị của Hoa tiên kí thì chính Nguyễn Huy Tụ đã tự tay xây đắp lên với một trình độ nghệ thuật già dặn*” [68, tr.14].

Về thời điểm Nguyễn Huy Tụ sáng tác *Hoa tiên kí* còn có nhiều ý kiến khác nhau. Từ tiểu sử tác giả, Hoàng Xuân Hãn và Hoài Thanh đều đoán tác phẩm được Nguyễn Huy Tụ sáng tác khi còn trẻ. Căn cứ phương diện ngôn ngữ của tác phẩm, Lại Ngọc Cang khẳng định thêm: “*Nguyễn Huy Tụ đã viết truyện Hoa tiên khoảng giữa thế kỷ XVIII, từ năm 1759 (năm ông tới Thăng Long) đến năm 1768 (năm được bổ ra làm quan ở Sơn Tây), lúc này ông vào khoảng 17 – 26 tuổi*” [68, tr.12]. *Hoa tiên kí* là câu chuyện tình yêu của giới quý tộc thượng lưu phong kiến:

Ở đây “tam cương ngũ thường” được đề cao; trai thì trọn bề “trung hiếu” và gái không đi ra ngoài “tiết, hạnh”. Có những biến cố, loạn ly nhưng không có gia đình nào phải tan vỡ, mà chúng chỉ làm nền cho một sự sum họp đề huề hơn, trọn vẹn hơn, phải đạo hơn. Nhưng trong khung cảnh có vẻ gò bó ấy đã lấp lánh một câu chuyện tình. Mối tình đẹp đẽ giữa Phương Châu và Giao Tiên đã tạo nên một sức lay động lớn.

[65, tr.20, 21]

Nếu như thế kỷ XVII văn học đánh dấu sự phát triển bằng sự xuất hiện của hàng loạt các truyện Nôm bình khuyết danh thì đến thế kỷ XVIII sự phát triển nở rộ của các truyện Nôm hữu danh, đưa thể loại truyện Nôm nói chung lên một bước phát triển mới. *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ là tác phẩm có ý nghĩa mở đầu cho sự phát triển mạnh mẽ của dòng truyện Nôm bác học, “*sự ra đời của Hoa tiên là một bước trưởng thành mạnh mẽ của thể loại truyện thơ, và báo trước sự ra đời của nhiều truyện thơ khác có giá trị sau này*” [27, tr.229]. Sự ra đời của truyện *Hoa tiên* đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của thể loại truyện Nôm, là “*một sự kiện văn học quan trọng mà độc đáo*” [65, tr.141]. *Hoa tiên kí* không chỉ là tác phẩm có ý nghĩa mở đầu, mà hơn thế nữa, tác phẩm còn ảnh hưởng đậm nét đến những truyện Nôm bác học sau này, đặc biệt đối với kiệt tác *Truyện Kiều*. Có thể nói, “*Rõ ràng là Nguyễn Huy Tụ đã cung cấp cho Nguyễn Du, không chỉ kinh nghiệm sáng tác một truyện Nôm, mà còn có khá nhiều thao tác, và văn liệu của ông đã được Nguyễn Du tiếp nhận nguyên vẹn*” [65, tr.149].

### **1.2.2. Phạm Thái và tác phẩm *Sơ kính tân trang***

#### **1.2.2.1. Tác giả Phạm Thái**

Phạm Thái (1777 – 1813), tự là Đan Phượng, hiệu Chiêu Lý, quê làng Yên Thị, xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Ông mồ côi mẹ từ khi lên bốn tuổi, cha là võ tướng dưới thời Cảnh Hưng.

Phạm Thái có mối tâm giao với một người bạn là Trương Đăng Thụ, cả hai cùng nuôi chí cần vương nhưng Trương Đăng Thụ sớm qua đời. Khi thi hài bạn được đưa về quê nhà thuộc làng Thanh Nê, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam (nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình), ông đến viếng mộ bạn và cha bạn là Kiến Xuyên hầu Trương Đăng Quý yêu mến, lưu lại ở nhà mình. Cũng từ đây, Phạm Thái quen biết rồi yêu em gái bạn là Trương Quỳnh Như. Hai người trai tài gái sắc, ý hợp tâm đầu đã cùng nhau xướng họa thơ văn để thể hiện tình yêu của mình. Hoàng Hữu Yên đã nhận xét: “*Quả thật đây là hiện tượng có một không hai dưới thời Nho giáo đang thịnh, lúc tục lệ phong kiến đang là khuôn phép rất khắc nghiệt đối với tình yêu nam nữ, nhất là những lứa đôi xuất thân quý tộc như Phạm Thái và Trương Quỳnh Như!*” [54, tr.10].

Mối tình đẹp với nữ sĩ Trương Quỳnh Như đã trở thành nguồn cảm hứng chính cho những sáng tác văn chương của Phạm Thái. Nhưng tình yêu ấy không trọn vẹn, về sau Quỳnh Như vì bị ép lấy người khác đã tự vẫn. Tình yêu ấy trở thành mối tình hận, khắc sâu trong lòng Phạm Thái những buồn đau muôn thuở khôn nguôi. Từ đây, cuộc sống của ông là những tháng ngày lang thang đây đó, đắm mình trong rượu, sáng tác thơ văn để gửi gắm tâm sự riêng. Mối tình với Trương Quỳnh Như đã in những dấu ấn sâu sắc trong cuộc đời Phạm Thái, cũng là nguồn cảm hứng chi phối những sáng tác có giá trị nhất của ông: “Phần thơ văn tình yêu này được coi là di sản lớn và có giá trị nhân văn cao nhất của văn nghiệp nhà thơ Kinh Bắc” [54, tr.11].

#### 1.2.2.2. Tác phẩm *Sơ kính tân trang*

*Sơ kính tân trang* ra đời vào lúc thể loại truyện Nôm đang phát triển mạnh mẽ, chiếm ưu thế cả về số lượng và chất lượng. Nằm trong dòng mạch cảm hứng trữ tình – tình yêu nói chung của văn chương thế kỷ XVIII nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng thể loại, *Sơ kính tân trang* là một tác phẩm hoàn toàn thuần túy Việt Nam, không có sự vay mượn cốt truyện từ văn học Trung Hoa.

*Sơ kính tân trang* là câu chuyện tình của chính cuộc đời tác giả, tác phẩm có tính chất tự truyện. Câu chuyện tình với Trương Quỳnh Như là hình mẫu để Phạm Thái viết nên mối tình Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư trong tác phẩm. Thấp thoáng trong hình bóng nhân vật chính là cuộc đời và tình yêu của tác giả. Điểm đặc sắc của *Sơ kính tân trang* là tính chất tự truyện, nhưng câu chuyện trong tác phẩm không chỉ dừng lại ở mối tình buồn đau, dang dở mà Phạm Thái đã viết thêm đoạn tái thế tương phùng. Nó vừa phù hợp với truyền thống kết thúc có hậu của truyện Nôm nói chung, vừa là một giấc mộng mang màu sắc lãng mạn, một ước vọng của chính bản thân tác giả về tình yêu và hạnh phúc cuộc đời. Mặc dù phương diện nghệ thuật tác phẩm còn nhiều hạn chế nhưng chính tính chất tự truyện và nét thuần túy Việt Nam từ quê hương, cảnh sắc, con người đã tạo những đặc sắc, độc đáo riêng cho *Sơ kính tân trang* trong dòng truyện Nôm bác học đương thời.

#### 1.2.3. Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*

##### 1.2.3.1. Tác giả Nguyễn Du

Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Giữa Nguyễn Du và Nguyễn Huy Tự có thể

tìm thấy mối quan hệ trước hết về quê hương. Đây nổi tiếng là vùng đất địa linh nhân kiệt, là mảnh đất đã sản sinh những nhân tài lỗi lạc suốt các thế kỷ. Cổ ngữ có câu: “*Hồng lĩnh sơn cao, song Ngư hải khoáng; nhược trị minh thời, nhân tài tú phát*” (Non Hồng cao, biển Ngư rộng; gặp thời sáng sủa, nảy nở nhân tài) là để chỉ mảnh đất này. Mối liên hệ về quê hương giữa Nguyễn Du và Nguyễn Huy Tự còn được giới nghiên cứu chỉ ra qua việc đưa ra thuật ngữ “Hồng Sơn văn phái”. Thuật ngữ này “*để nhấn mạnh truyền thống văn học của một vùng văn hóa nổi tiếng*”, “*để xác nhận một mối quan hệ ảnh hưởng văn học đặc biệt giữa hai dòng họ danh gia thế phiệt của một vùng, trong một thời phát triển vàng son của văn học cổ điển dân tộc*” [65, tr.242].

Nguyễn Du xuất thân trong một gia đình đại quý tộc phong kiến. Thân phụ Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm, đậu nhị giáp tiến sĩ, từng giữ chức Tế tướng trong triều đình. Anh cả là Nguyễn Khản, đậu đồng tiến sĩ, làm quan đến chức tham tụng. Không chỉ có vậy, gia đình Nguyễn Du còn có nhiều người cùng làm quan to dưới triều Lê. Bởi vậy dân gian mới có câu ca dao:

*Bao giờ ngàn Hồng hết cây,  
Sông Rum hết nước, họ này hết quan.*

Dòng họ Nguyễn Du không chỉ nổi tiếng về truyền thống khoa bảng mà còn nổi tiếng về truyền thống văn chương với nhiều danh sĩ như Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khản, Nguyễn Nễ, Nguyễn Đạm, Nguyễn Thiện... và hơn hết là đại thi hào Nguyễn Du. Xuất thân gia đình đại quý tộc với truyền thống văn chương nhiều đời đã có ảnh hưởng sâu sắc đến tài năng, con người Nguyễn Du. Mặt khác, cũng phải nói về mối quan hệ thân thiết giữa dòng họ Nguyễn Tiên Điền và Nguyễn Huy Trường Lưu – đó là cơ sở để sau này Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* đã tiếp thu nhiều phương diện từ *Hoa tiên kí*.

Nói đến ảnh hưởng từ yếu tố gia đình đến tác giả *Đoạn trường tân thanh*, không thể không nhắc đến ảnh hưởng của người mẹ. Thân mẫu Nguyễn Du là người con gái xứ Kinh Bắc, mảnh đất vốn có tiếng phong lưu tao nhã, dịu dàng với những làn điệu dân ca quan họ đậm thắm, đậm chất trữ tình. Vì vậy, nói về ảnh hưởng của quê hương, gia đình đến con người Nguyễn Du, Đào Duy Anh đã nhận xét:



Nhờ ảnh hưởng của mẹ mà ông đã thừa thụ được cái tính dịu dàng, nhã nhặn, phong lưu và đa tình của người Kinh Bắc, cũng như nhờ ảnh hưởng của cha, ông đã hưởng chịu được hào khí của đất Hồng Lam và hùng tâm của người Nghệ Tĩnh, cùng lòng tiết nghĩa, khiêu văn chương do gia truyền xuống trải bao nhiêu đời.

[2, tr.16, 17]

Nguyễn Du từ nhỏ đã được biết đến là người khôi ngô, thông minh lại ham đọc sách. Thời thơ ấu và niên thiếu, Nguyễn Du sống trong vàng son, nhung lụa của cuộc sống quý tộc giàu sang. Nguyễn Du đã được chứng kiến tất cả những hào hoa, tráng lệ của mảnh đất kinh kì và cuộc sống xa hoa vào buổi xế chiều của triều đình Lê – Trịnh. Trong thời gian này, nhà thơ có điều kiện thuận lợi để dùi mài kinh sử, có dịp hiểu biết về cuộc sống của giới quý tộc phong kiến. Những yếu tố này đã để lại dấu ấn trong sáng tác của Nguyễn Du sau này.

Giữa buổi loạn ly, cuộc sống quý tộc giàu sang của Nguyễn Du đã bị cơn bão táp của thời đại đẩy lùi vào quá khứ. Năm 1789, khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, đánh tan 28 vạn quân Thanh, nhà Lê sụp đổ, Nguyễn Du về quê vợ Thái Bình sống nhờ người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn. Mưu đồ khôi phục nhà Lê thất bại, ông chán nản trở về Tiên Điền. “Mười năm gió bụi” trong cảnh sống thiếu thốn, chật vật nhưng chính giai đoạn này đã giúp Nguyễn Du có điều kiện hiểu biết quần chúng và ngôn ngữ nghệ thuật dân gian. Điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành phong cách ngôn ngữ trong sáng tác chữ Nôm của Nguyễn Du, đặc biệt là *Truyện Kiều*. Đến năm 1802 khi Nguyễn Ánh lên ngôi, Nguyễn Du ra làm quan dưới triều Gia Long. Trong thời gian này, Nguyễn Du có dịp đi sứ Trung Quốc. Đây là cơ hội để nhà thơ có dịp tiếp xúc với nền văn hóa Trung Hoa đã quen thuộc qua sử sách, văn chương, mở rộng vốn hiểu biết và tầm khái quát những vấn đề xã hội.

Cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX là giai đoạn khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến Việt Nam. Một thế kỷ trôi qua đã chứng kiến nhiều biến động lớn lao, những đổi thay long trời lở đất. Chính hoàn cảnh thời đại ấy đã khiến Nguyễn Du phải băn khoăn: “*Một phen thay đổi sơn hà; Mảnh thân, chiếc lá biết là về đâu!*”. Điều này cũng dẫn đến sự phức tạp trong tư tưởng của Nguyễn Du, thái độ của Nguyễn Du đối với các triều đại, đồng thời cũng gắn liền những bước chuyển biến trong tư tưởng của tác giả.

Từ ảnh hưởng của quê hương, gia đình, từ cuộc đời của chính Nguyễn Du trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, tất cả những yếu tố đó đã làm nên tài năng, nhân cách nhà đại thi hào và tập đại thành của văn học dân tộc: *Đoạn trường tân thanh*.

#### 1.2.3.2. Tác phẩm *Truyện Kiều*

Cũng như nhiều truyện Nôm bác học đương thời, Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* dựa vào cốt truyện có sẵn của văn học Trung Hoa là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Đây là một tiểu thuyết dài hai mươi hồi, được sáng tác vào khoảng cuối đời Minh.

Vấn đề cần đặt ra là Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* vào thời điểm nào? Hoàng Xuân Hãn cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trong thời gian 1814 – 1820. Đào Duy Anh lại phủ nhận ý kiến đó và cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trong những năm từ 1805 – 1809, khi ông giữ chức quan Đông các. Mặc dù còn những tranh luận nhưng ý kiến của Đào Duy Anh là quan điểm được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Vấn đề thời điểm sáng tác *Truyện Kiều* tuy chưa được xác định chính xác nhưng có thể nói, *Truyện Kiều* ra đời sau và đã chịu ảnh hưởng đậm nét từ *Hoa tiên kí* – tác phẩm có ý nghĩa mở đầu cho dòng truyện Nôm bác học. “*Nguyễn Du hiểu biết rõ đặc sắc của Hoa tiên, đã tiếp thu nó một cách trân trọng, nhưng đồng thời biết rõ mọi nhược điểm của Hoa tiên; bởi vậy Truyện Kiều là một kiệt tác hoàn chỉnh về mọi phương diện cho đến từng chi tiết, từng chữ*” [65, tr.182].

Sáng tác *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã dựa khá sát vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Nhưng nếu như *Kim Vân Kiều truyện* không phải một tác phẩm xuất sắc thì *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được coi là một kiệt tác. Giá trị của *Truyện Kiều* nằm chính ở sự sáng tạo đó. Nguyễn Lộc đã chỉ ra:

Thực tế thì nhà thơ đã bỏ đi khoảng một phần ba những những chi tiết trong tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân, và thêm vào một khối lượng cũng khá lớn. Nguyễn Du đã bỏ đi những chi tiết kể lể dài dòng, những đoạn miêu tả có tính chất tự nhiên chủ nghĩa, nhiều khi thô鄙, có hại đối với mỹ cảm của người đọc, và không nhằm phục vụ chủ đề của tác phẩm. Đồng thời, nhà thơ thêm vào đó rất nhiều đoạn tả cảnh, tả tình nhằm nêu rõ tính cách và tâm trạng của nhân vật.

[27, tr.356]

Nhưng sáng tạo của Nguyễn Du không đơn thuần nằm ở việc thêm hay bớt so với cốt truyện vay mượn. *Truyện Kiều* trở thành kiệt tác cũng bởi vì “Nguyễn Du đã sáng tạo lại chủ yếu là với những nguyên liệu của mình, những điều nghe thấy, cảm xúc suy nghĩ của mình trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam, ở thời đại Nguyễn Du. Linh hồn câu chuyện trước hết là những tình cảm của Nguyễn Du” [27, tr.363].

Cảm hứng nhân đạo là cảm hứng chủ đạo đã chi phối, nâng đỡ, làm nên sức sống lâu bền của *Truyện Kiều*: “Có thể nói *Truyện Kiều* là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại nhà thơ đang sống, trong đó Nguyễn Du muốn làm nổi bật sự đối lập gay gắt giữa quyền sống của con người, nhất là của người phụ nữ, với sự áp bức của chế độ phong kiến trong lúc suy tàn” [27, tr.367]. Bên cạnh nội dung nhân đạo sâu sắc, làm nên giá trị *Truyện Kiều* còn phải kể đến một trình độ nghệ thuật xuất sắc của Nguyễn Du, trong đó có sự góp phần quan trọng của việc vận dụng thành công độc thoại nội tâm trong tác phẩm. Khó có thể nói hết sự say mê và sức sống trường tồn của *Truyện Kiều* trong lịch sử văn học dân tộc. Nói đến *Truyện Kiều* là nói đến một kiệt tác, một tác phẩm có một không hai trong lịch sử văn chương Việt.

### **1.3. Thống kê độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học**

#### **1.3.1. Độc thoại nội tâm của Dao Tiên trong *Hoa tiên kí***

Trong *Hoa tiên kí*, Dao Tiên độc thoại nội tâm ba lần với 34 câu thơ, chiếm 2,2% trong tổng số dung lượng tác phẩm (Xem thêm *Phụ lục 1*, trang 94-95). Khi bước vào ngưỡng cửa của tình yêu, Dao Tiên độc thoại nội tâm khi trần trọc, xót xa cho Phương Châu và nuối tiếc tuổi xuân đang từng ngày trôi đi. Khi trái tim đã rung động trước Phương Châu, Dao Tiên ước mong có một cuộc duyên tình để tâm hồn được bình yên. Đến khi nghe tin Phương Châu đã hứa hôn, Dao Tiên nghĩ Phương Châu phụ tình mình nên đốt ki vật.

#### **1.3.2. Độc thoại nội tâm của Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang***

Trong *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính được thể hiện chủ yếu qua hình thức những bài thơ trữ tình do chính nhân vật viết ra. Đó là tâm sự của Trương Quỳnh Thư khi Phạm Kim phải về quê mà chưa kịp cầu hôn, khi

bị tên Đô đốc ép hôn hay tâm sự của Thụy Châu gửi trong tiếng đàn tha thiết giúp đôi lứa nhận ra nhau và có được kết thúc hạnh phúc viên mãn. Trong tác phẩm, nhân vật nữ chính độc thoại nội tâm trong 32 câu thơ, chiếm 2,2% trong dung lượng tác phẩm (Xem thêm *Phụ lục 2*, trang 96-97).

### 1.3.3. Độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong *Truyện Kiều*

Đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều thể hiện những phương diện rộng lớn, bao quát trong cảm xúc của nhân vật, từ tiếng nói về tình yêu, nỗi nhớ gia đình tha thiết đến những suy ngẫm, triết lí về tương lai, số phận, cuộc đời. Độc thoại nội tâm trong tác phẩm xuất hiện dày đặc, đậm nét nhất là ở nhân vật Thúy Kiều, chiếm tổng số 238 câu thơ, tức là khoảng 7,3% dung lượng tác phẩm (Xem thêm *Phụ lục 3*, trang 98-106). Trong tiếng nói về tình yêu, Thúy Kiều độc thoại nội tâm khi nhớ về người yêu, từ Kim Trọng, Thúc Sinh đến Từ Hải nhưng sâu sắc nhất vẫn là những tình cảm dành cho Kim Trọng. Suốt quãng đời lưu lạc mười lăm năm, chưa bao giờ Thúy Kiều thôi nhớ về gia đình, Kiều độc thoại nội tâm như nhắc nhở chính mình nhớ về công ơn cha mẹ mà nàng chưa thể báo hiếu cho trọn vẹn. Đồng thời, mười lăm năm chìm nổi với bao đắng cay, tủi nhục đã khiến Kiều không biết bao nhiêu lần thổn thức với những suy ngẫm nội tâm cay đắng về tương lai, số phận, cuộc đời.

Như vậy, sự ra đời của tác phẩm *Hoa tiên kí* đánh dấu bước khởi đầu của dòng truyện Nôm bác học. Trước *Hoa tiên kí*, trong văn học trung đại Việt Nam rất ít xuất hiện độc thoại nội tâm. Ở những truyện Nôm bác học như *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm đã bước đầu xuất hiện, nhưng phải đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm chiếm một phần quan trọng trong dung lượng tác phẩm và tạo nên những ấn tượng thực sự đậm nét.

#### \* *Tiểu kết chương 1*

Trong chương 1, chúng tôi tiến hành tìm hiểu một số vấn đề làm cơ sở cho việc nghiên cứu đề tài.

Trong lịch sử văn học trung đại Việt Nam, truyện Nôm là một thể loại có số lượng tác phẩm khá đồ sộ, được viết bằng ngôn ngữ dân tộc, hình thành từ khoảng thế kỉ XVI, XVII và phát triển nở rộ vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX.

Trong dòng truyện Nôm bác học, những tác phẩm tiêu biểu phải kể đến *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ, *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Độc thoại nội tâm là một vấn đề phức tạp và xoay quanh nó còn những ý kiến chưa thống nhất. Qua việc tìm hiểu một số định nghĩa tiêu biểu, chúng tôi xác định các đặc trưng bản chất cũng như những hình thức biểu hiện cơ bản của độc thoại nội tâm, đồng thời đưa ra cách hiểu về độc thoại nội tâm để sử dụng trong khuôn khổ luận văn này.

Trong chương 1, chúng tôi cũng trình bày những nét khái quát nhất về tác giả, tác phẩm làm cơ sở cho việc nghiên cứu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính ở những chương sau. Đồng thời, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê việc sử dụng độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính: Dao Tiên trong *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tụ; Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (Xem thêm các *Phụ lục 1, 2, 3*).

Những tiền đề lí luận và thực tiễn như trên là cơ sở cho việc tìm hiểu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học từ phương diện nội dung và nghệ thuật mà chúng tôi sẽ trình bày ở những chương tiếp theo.

## Chương 2

### ĐỘC THOẠI NỘI TÂM CỦA CÁC NHÂN VẬT NỮ CHÍNH TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÁC HỌC NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

*Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều* là những truyện Nôm bác học tiêu biểu cho giai đoạn văn học nửa cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX. Từ thực trạng xã hội và sự chuyển biến của tư tưởng thời đại, trong giai đoạn này, “*Dường như phần đông các tác giả đương thời muốn thông qua việc miêu tả những mối tình vừa thể hiện một khát vọng lí tưởng tự do, vốn bị lễ giáo ràng buộc, vừa bày tỏ được thái độ của mình đối với hiện thực của xã hội*” [54, tr.17]. Vì vậy, chủ đề tình yêu là sự gặp gỡ của các truyện Nôm *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều*. Nhưng riêng ở kiệt tác *Truyện Kiều* – tác phẩm đỉnh cao trong dòng truyện Nôm bác học, nội dung phản ánh của tác phẩm thể hiện những phương diện phong phú, đa chiều của đời sống xã hội. Trong chương này, chúng tôi nghiên cứu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính Dao Tiên, Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu và Thúy Kiều nhìn từ phương diện nội dung để thấy được những nét chung và riêng, sự kế thừa và phát triển của độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong từng truyện Nôm bác học tiêu biểu.

#### 2.1. Độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang*

##### 2.1.1. Độc thoại nội tâm của Dao Tiên trong *Hoa tiên kí*

*Hoa tiên kí* là tác phẩm có địa vị quan trọng, sự ra đời của tác phẩm có ý nghĩa mở đường cho thể loại truyện Nôm bác học trong văn học trung đại Việt Nam. Có thể nói, “*Hoa tiên chủ yếu là một ca khúc tình yêu. Hơn thế nữa, là bản đạo đầu trong hành khúc trái tim của truyện thơ Nôm thời kì trung đại, là một hiện tượng mở đầu cho bước chuyển hướng loại hình văn học trung đại*” [65, tr.217].

*Hoa tiên kí* là một bài thơ đẹp về tình yêu giữa cặp nhân vật tài tử giai nhân Phương Châu và Dao Tiên. Trong cảnh lầu son gác tía của cuộc sống quý tộc phong kiến, những nhân vật chính đều được miêu tả là những con người có dung mạo và tài năng hơn người. Chàng Phương Châu xuất thân dòng dõi trâm anh quyền quý, “*Gắm*

*hoa tài mạo gồm hai*”. Còn Dao Tiên cũng là người con gái với dung mạo tựa vẻ đẹp của thiên nhiên: “*Môi đào ánh mặt phù dung/ Xiêm pha bóng tuyết trắng lông ngán râu*”.

Mặc dù xuất thân trong gia đình quý tộc phong kiến nhưng học hành không phải chí hướng của Phương Châu mà chính tình yêu mới là khát vọng của chàng trai tuổi trẻ. Mang sẵn trong mình ước mơ tình yêu ấy nên Phương Châu đã say mê Dao Tiên ngay từ lần đầu tiên nhìn thấy nàng chơi cờ trong đình cùng Thái Cơ và hai tỷ nữ. Từ đó trở đi, “làn xiêm trắng” đã để lại trong lòng chàng trai bao nhớ nhung, khiến chàng có thể bất chấp cả đạo lí thánh hiền để đi theo tiếng gọi tình yêu. Có thể nói, “*Tình yêu mạnh mẽ của chàng trai đã phá vỡ bức tường lễ giáo, mở ra cho tâm hồn Dao Tiên niềm hạnh phúc dạt dào của kẻ yêu và được yêu*” [68, tr28].

Từ những khảo sát về độc thoại nội tâm được trình bày trong *Phụ lục 1*, có thể thấy nội dung phản ánh trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật Dao Tiên đều hướng về tình yêu. Đó là những trăn trở, băng khuâng từ lúc tình yêu mới chớm nở hay những mong ước hạnh phúc và cả sự căm giận, đau đớn khi nghĩ người yêu phụ tình nàng. Mặc dù chỉ xuất hiện ba lần nhưng những lời độc thoại nội tâm đã góp phần thể hiện một Dao Tiên tình tứ, ý nhị, e lệ nhưng cũng đầy khát khao yêu đương.

Nếu như Phương Châu đến với tình yêu bằng tất cả sự mãnh liệt, sâu sắc của tuổi trẻ thì Dao Tiên lại bước vào cánh cửa tình yêu khá rụt rè, e ngại. Dao Tiên điển hình cho nhân vật phụ nữ sống theo quan điểm đạo đức phong kiến, không bao giờ đi chệch khỏi con đường của lễ giáo truyền thống, nhưng không có nghĩa nàng không mang trong mình khát vọng tình yêu. Với nhân vật Dao Tiên, “*nàng muốn yêu nhưng đến với tình yêu dè dặt và luôn muốn giữ cho mình “cái vỏ” đoan trang, nề nếp*” [65, tr.314]. Dao Tiên đến với tình yêu bằng sự rụt rè, ngần ngại của người phụ nữ quý tộc phong kiến. Nguyễn Lộc đã nhận xét: “*Dao Tiên không giống Thúy Kiều, mới lần đầu gặp Kim Trọng mà “Tình trong như đã mặt ngoài còn e”, và về nhà lúc nào cũng tơ tưởng. Dao Tiên cũng không mạnh dạn như Quỳnh Thư của Phạm Thái...*” [27, tr.225]. Dao Tiên có cái ý nhị, rụt rè của những người con gái “kín cổng cao tường” trong truyền thống phong kiến Việt Nam nhưng cũng đầy khát khao yêu đương, chỉ có điều những khao khát ấy giằng co với chuẩn mực đạo đức truyền thống đã ăn sâu trong con người nàng. Nếu như lúc đầu, Dao Tiên từng trách tỷ nữ khi để Phương

Châu xông vào trong đình khi nàng đang chơi cờ, từng mảng Bích Nguyệt dùng “*Đặt bày phong nguyệt gièm pha cương thường*” thì từ khi đọc được bài thơ họa của Phương Châu, trái tim Dao Tiên đã bắt đầu chớm nở những rung động tình yêu. Đặc biệt, những lời tâm sự của Vân Hương, Bích Nguyệt “*có tác dụng như những tiếng đàn “réo rắt”, đốt cháy trong lòng nàng ngọn “lửa hằng” phiền muộn, liên tục giày vò nàng buổi sớm ban chiều*” [68, tr.29]. Trong lòng Dao Tiên là tâm trạng băng khuâng pha chút xót xa:

*Bàn riêng những chuyện mới rồi:  
“Mấy lời Hương Nguyệt thực lời nói ngay.  
Lân la mười sáu xuân chày,  
Tơ kia quán, bóng kia xoay, mấy mà?  
Xót thay cho kẻ vì ta,  
Liều gầy trắng lạnh, sa đà bấy lâu.  
Giá nào, nào dễ mấy đâu,  
Duyên nào, nào biết về sau nường nào?”*

Tiếng gọi tình yêu và những bài học đạo đức phong kiến trong thế giảng co trong trái tim Dao Tiên. Nhưng qua thời gian, càng ngày Dao Tiên càng cảm nhận được ý nghĩa của cuộc sống, của tuổi trẻ, từ đó nhận ra ý nghĩa của tình yêu. Nếu trước đây Dao Tiên từng trách tỳ nữ “*Tự ta đóng nguyệt cài mây/ Buồng thom gió lọt mây may gió tà*” thì giờ đây nàng lại thấy những lời của hai tỳ nữ thủ thi bên tai “*thực lời nói ngay*”.

Trái tim Dao Tiên đã chớm nở những cảm xúc về tình yêu khi nàng xem bài thơ họa trên tường và nghe những lời tâm sự của Hương, Nguyệt. Đến lần thứ hai khi gặp lại Phương Châu ở vườn hoa, con tim nàng đã thực sự rung động mạnh mẽ trước tình yêu. Nàng có thể rụt rè khi gặp gỡ nhưng tiếng nói nội tâm luôn là cảm xúc thành thật với lòng mình:

*Thảo nào Nguyệt nói Hương bày,  
Thấy tình thực cũng thiết thay là tình.  
Dừng đừng nước vốn xuôi dòng,  
Hoa sao hoa khéo vẫn ghềnh chiều xuân.*



*Lời đầu quyển luyến thanh tân,  
Rủ rê gió Sở mây Tần bởi ai?  
Nói chi phong vị lâu dài,  
Trách chi lữ huông khách hoài khiến sao.*

Cuộc gặp gỡ Phương Châu ở vườn hoa đã cho Dao Tiên những cảm xúc, ước ao về một tình yêu thực sự. Những tâm sự của Phương Châu đã khiến Dao Tiên phải đem lòng quyến luyến, mặc dù nói chàng nhường đường nhưng khi trở về phòng thì Dao Tiên lại cảm thấy “*Một phen gặp gỡ, thêm rầu một phen*”. Nếu như nàng luôn đứng đưng như “*nước vốn xuôi dòng*” thì lòng Phương Châu vẫn như “*Hoa sao hoa khéo vẫn ghềnh chiều xuân*”, và Phương Châu phải chịu cảnh “*lữ huông khách hoài*” cũng vì tình yêu với nàng. Điều đó đã gọi lên những xúc động trong trái tim Dao Tiên về một tình yêu chân thành mà Phương Châu dành cho nàng.

Dao Tiên đến với tình yêu bằng những rụt rè, e ngại, bằng sự đấu tranh nội tâm để bước qua rào cản của lễ giáo phong kiến. Nhưng khi yêu và được yêu, nàng cũng thể hiện một trái tim yêu mãnh liệt và sâu sắc: cùng nhau thề thốt dưới trăng, khóc biệt nhau dưới bóng liễu. Đến khi nghe tin hôn sự, Dao Tiên đau đớn vì nghĩ rằng Phương Châu phụ mình:

*Nàng nghe ngán ngọc thám bào,  
Phận đành là thế, dù sao cũng đành.  
Rối lòng tính quẩn toan quanh,  
Lẽ gì mình tỏ cho mình chút vay.*

Tình yêu vừa đây thôi còn mặn nồng, còn bao bịn rịn, lưu luyến khi đôi lứa biệt li thì giờ đây Dao Tiên lại trải qua cảm giác đau đớn vì sự phụ bạc của Phương Châu. Trước hoàn cảnh đó, nàng đốt hết những kỉ vật gợi nhớ về tình yêu trong tâm trạng đau đớn, trong sự xót xa từ sâu thẳm trái tim của một người phụ nữ luôn khao khát tình yêu. Những câu hỏi liên tiếp là tiếng nói của một tâm trạng rối bời, quẩn quanh mà đầy giận dữ:

*Buồng riêng thức thức phô bày,  
Lòng nào vui những vật này với ai.  
Cảm nào kẻ biện thiêng tai,  
Dù say, ai với ai nài điều say?*

*Cờ nào kẻ đấu ngang tay,  
Dù mê, ai với ai vầy cuộc mê?  
Thơ nào kẻ họa vắn quê,  
Giấy kia dù xướng nên đề ai liên?  
Vẽ nào kẻ nhận nét truyền,  
Bút kia dù trượng nên phiến ai xem?  
Nào gương, nào chỉ, nào kim,  
Nào ai mà để chi thêm bận bưng.*

Dao Tiên đến với tình yêu bằng sự rụt rè, do dự nhưng sống với tình yêu bằng sự chân thành, sâu sắc. Chính vì vậy, khi nghe tin Phương Châu đã hứa hôn, Dao Tiên đau lòng, giận dữ mà đốt hết tất cả kỉ vật vì giờ đây “*Nào ai mà để chi thêm bận bưng*” nhưng nàng lại giữ lại tờ giấy “*hoa tiên*” ghi lời thề trăm năm với Phương Châu. Dao Tiên có thể đốt hết những kỉ vật gợi nhớ về Phương Châu nhưng lời thề trăm năm thì nàng vẫn trân trọng giữ lại.

Sự ra đời của *Hoa tiên kí* với những thành công về nội dung ý nghĩa có công mở đầu cho sự giải phóng về quan niệm tình yêu trong đời sống tinh thần trong lòng xã hội phong kiến với khuynh hướng nhân văn chủ nghĩa là âm hưởng chủ đạo: “*Tình yêu – đó là thi hứng của thời đại, cũng là thi hứng của Nguyễn Huy Tự, một trong những nhà thơ xung kích tấn công vào cấm địa của ý thức hệ tôn giáo trung cổ nói chung*” [65, tr.231]. Đọc thoạt nội tâm trong *Hoa tiên kí* mặc dù chỉ xuất hiện với một số lượng rất hạn chế nhưng có ý nghĩa đánh dấu bước khởi đầu mới cho việc xây dựng nhân vật có tính cách trong truyện Nôm bác học. Có thể nói, “*Từng dáng điệu, dù chỉ là thoáng qua, của con người đang rạo rục vì yêu đương đều được tác phẩm ghi lại một cách gọn gàng mà đầy đủ ý nghĩa*” [68, tr.31]. Nội dung của *Hoa tiên kí* chính là nguồn thi liệu quan trọng cho các nhà thơ sau kế thừa, trong đó phải kể đến Nguyễn Du với kiệt tác *Truyện Kiều*.

### **2.1.2. Đọc thoạt nội tâm của Trương Quỳnh Thu – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang***

Khác với *Hoa tiên kí* và *Truyện Kiều* là tác phẩm vay mượn cốt truyện từ văn học cổ Trung Hoa, *Sơ kính tân trang* là tác phẩm thuần túy Việt Nam được sáng tác bằng hư cấu từ cuộc đời của chính tác giả Phạm Thái. *Sơ kính tân trang* được viết nên từ mối tình hận “*muôn thủa khôn nguôi*” giữa Phạm Thái và nữ sĩ Trương Quỳnh

Như – “*sự kiện quan trọng nhất chi phối cuộc đời tài hoa của nhà thơ Kinh Bắc*” [54, tr.9]. Nét độc đáo của *Sơ kính tân trang* so với các truyện Nôm đương thời chính là ở tính chất tự truyện và sự hư cấu qua phần “tái thể tương phùng”. Ở phần sau của tác phẩm, Phạm Thái đã thể hiện một ước mơ về tình yêu khi sáng tạo hình tượng nhân vật Thụy Châu – hậu thân của Trương Quỳnh Thư. Xét về phương diện nội dung, tác phẩm là câu chuyện về tình yêu tự do, phóng khoáng, không chịu sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Có thể nói, “*Viết lại về mối tình này, truyện thơ Sơ kính tân trang thể hiện cốt truyện vừa thực, vừa mộng. Phần đầu chắc chắn là thực, là tự truyện không hơn không kém, nhưng phần sau chỉ là một giấc mộng mang đậm màu sắc lãng mạn*” [54, tr.13].

Tình yêu trong *Sơ kính tân trang* là tình yêu hoàn toàn tự do, vượt trên những quan niệm khắc kỉ của lễ giáo phong kiến. Nếu như ở *Hoa tiên kí*, nhân vật nữ chính Dao Tiên rất e dè, do dự khi đến với tình yêu thì ở *Sơ kính tân trang*, Trương Quỳnh Thư ngay từ đầu đã hết sức mạnh dạn, táo bạo. Có thể nói:

Nếu xã hội tuổi trẻ và tình yêu trong *Truyện Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự còn vướng víu về sự ràng buộc bởi ý thức hệ phong kiến trong tình yêu và hôn nhân, thì phải nói xã hội tuổi trẻ và tình yêu trong cuốn tự truyện của Phạm Thái là hoàn toàn cởi mở và phóng khoáng, đắm say mà không buông tuồng, réo rắt véo von như điệu thơ nốt nhạc.

[54, tr.19]

Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư đến với tình yêu rất tình cờ. Đến tuổi trưởng thành, Phạm Kim rời nhà đi ngao du sơn thủy khắp mọi miền đất nước và dừng chân ở Thúy Hoa Dương, cách lầu trang của Trương Quỳnh Thư không xa. Nhân chuyện tỳ nữ Hồng của Trương Quỳnh Thư bẻ trộm mẫu đơn mà tiểu đồng Yên được chiêm ngưỡng dung nhan tuyệt thế của Quỳnh nương. Phạm Kim làm thơ, từ tỏ tình riêng và được Quỳnh nương đáp lại. Từ đó trở đi, đôi trai tài gái sắc làm thơ, từ đối đáp để bày tỏ tình yêu. Khi Phạm Kim vừa định cầu hôn thì không may tin nhà đưa tới, chàng phải gác lại để về quê. Trước lúc phải chia xa, Trương Quỳnh Thư đã gửi gắm những tâm sự thầm kín của nàng vào “bức cầm đề” để tỏ lòng mình cùng Phạm Kim:

*Hương lửa tình này để nói năng,  
Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng?*

Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư yêu nhau đặng đặng hai thu. Trước lúc phải chia li vì Phạm Kim về quê, lần đầu tiên Trương Quỳnh Thư tỏ nỗi lòng mình với người yêu bằng lời độc thoại nội tâm. Nghĩ về tình yêu, Quỳnh Thư nghĩ về “huong lửa” – những biểu tượng của tình yêu và hẹn ước lứa đôi.

Tin nhà Phạm Kim vừa đến khiến đôi lứa tạm thời phải chia xa, nỗi buồn trong lòng Trương Quỳnh Thư vẫn còn đó thì nàng lại bị viên Đô đốc chôn kinh kì đến hỏi và ép nàng làm vợ. Trong tâm trạng rối bời ấy, nàng không biết làm gì ngoài việc cất tiếng than với chính mình:

*Quỳnh nương thấy nói hỡi hùng,  
Than rằng: “Phận bạc má hồng góm thay!  
Lời nguyện vãng vãng còn đây,  
Kim lang biết nổi nước này hay không?”*

Tin dữ bất ngờ đưa đến, Quỳnh Thư hỡi hùng khi nghĩ về thực tại trước mắt. Rồi nàng trách sao má hồng phận bạc, lại nghĩ đến tình yêu với Phạm Kim với lời thề nguyện lứa đôi trước khi chia xa vẫn còn vang vọng. Quỳnh nương đã nghĩ đến cái chết nhưng nỗi lòng nàng với người yêu còn chưa bày tỏ:

*Cũng toan giếng thăm cho xong,  
Nhưng còn nghĩ lại tấm lòng chưa an.  
Thà rằng được thấy mặt chàng,  
Tỏ bày tâm sự thở than ân tình.  
Rồi mình sẽ tính phận mình,  
Cho toàn một ước, cho mình một nguyện.*

Khi bị viên Đô đốc ép hôn, Trương Quỳnh Thư muốn lựa chọn cái chết để tỏ lòng mình nhưng nàng vẫn muốn được “tỏ bày tâm sự” cùng người yêu. Trước hoàn cảnh mà cuộc đời đưa đến, nàng chỉ còn biết trách nguyệt lão xe tơ dở dang khiến đôi lứa phải chia lìa và tự thương xót cho chính mình:

*Bẽ bàng thân phận liễu bờ,  
Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu ủ chiều.  
Vì ai thèo đánh khơi trêu,  
Khiến hồng nhan gặp lắm điều gian truân.*

*Ngán ngảm thay phận hồng quân,  
Thù gì con tạo, tiếc xuân riêng mình.  
Ngỡ rằng dì gió cũng bênh,  
Mà van vỉ nói rằng tình bấy nay.  
Ai ngờ nên nổi nước này,  
Nào bà Nguyệt lão? Nào thầy Thiên tiên?  
Long đong ngán nhẽ phận duyên,  
Nợ nần này phải đĩnh nguyên kiếp sau.  
Gửi đưa một bức về hầu,  
Chữ tình xin ngỏ cho nhau kéo mà.*

Tình yêu đẹp của đôi trai tài gái sắc chưa kịp đơm hoa kết trái thì những tai họa bất ngờ ập xuống cuộc đời Quỳnh Thư. Không thể tìm được sự lí giải cho số phận, cho cuộc đời, nàng chỉ còn biết trách tạo hóa khéo trêu người, trách kiếp má hồng phận bạc. Trước số phận nghiệt ngã, Quỳnh nương gửi thư gọi Phạm Kim về và đang đêm cùng chàng tâm sự. Không thể tìm được lối thoát cho cha khi bị ép gả con gái, cũng không có lối thoát cho cuộc đời, cho tình yêu, Trương Quỳnh Thư đã lựa chọn cái chết và cùng Phạm Kim hẹn ước tương phùng ở kiếp sau. Một tình yêu đẹp bỗng chốc trở thành bi kịch, đó cũng là nguyên mẫu của mối tình hận muôn thuở khôn nguôi giữa Phạm Thái và nữ sĩ Trương Quỳnh Như ở hiện thực.

Cuộc tình Phạm Kim – Trương Quỳnh Thư kết thúc trong nước mắt khi Quỳnh nương lựa chọn cái chết còn Phạm Kim vì quá đau lòng mà sinh bệnh rồi bỏ đi tu. Nếu như phần đầu của tác phẩm là những trang viết tự truyện thì câu chuyện giữa Phạm Kim và Thụy Châu lại hoàn toàn là một giấc mộng mà tác giả sáng tạo nên. Đó cũng chính là nét độc đáo của *Sơ kính tân trang* so với *Hoa tiên kí*, *Truyện Kiều* cũng như hầu hết các tác phẩm cùng thể loại.

Trương Quỳnh Thư chết nhưng con người nàng còn nặng nợ trần duyên, được đầu thai vào nhà Trương Công. Thụy Châu là con gái nhưng tính tình phóng túng, lớn lên cải trang làm nam nhi đi ngao du khắp chốn và gặp “nhà sư” Phạm Kim. Tình yêu giữa Thụy Châu và Phạm Kim là tình yêu giữa một “đạo sĩ” và một “nhà sư” – đó là sự phóng túng trong tình yêu mà không mối tình nào trong truyện Nôm có được.

“Trong tác phẩm này những thanh niên đến với tình yêu một cách tự do, không sợ sệt và không hề tính toán” [27, tr.237]. Tình yêu giữa Phạm Kim và Thụy Châu được tiểu đồng bắc cầu đưa mối, rồi sau này nhờ tiếng đàn mà họ nhận ra nhau.

*Nhân duyên khéo ngẩn ngơ thay,  
Chẳng hay dì gió quấy rầy làm sao?*

Sáng tạo thêm “tái thể tương phùng” qua hình tượng nhân vật Thụy Châu – hậu thân của Trương Quỳnh Thư, Phạm Thái muốn thể hiện một ước mong, một khao khát tình yêu mà cuộc đời tác giả không bao giờ có được, cùng là nỗi day dứt khôn nguôi trong trái tim nhà thơ: “*Kết thúc có hậu đậm màu sắc lãng mạn này của câu chuyện vừa thể hiện sự thách thức của tác giả đối với hiện thực đen tối và tàn bạo của xã hội, vừa bày tỏ quan niệm sống của Phạm Thái: đeo đuổi tình yêu đắm say đến cùng trời cuối đất là khát vọng, đồng thời là lý tưởng của ông, của con người nói chung*” [54, tr.18].

Trong *Sơ kính tân trang*, tình yêu luôn mang màu sắc tự do, phóng túng. Những con người trẻ tuổi trong tác phẩm đã chạy theo tiếng gọi của cảm xúc, của trái tim, bất chấp những khuôn khổ chật hẹp của lễ giáo phong kiến. Có thể nói, “*Tình yêu đối với đám thanh niên trong tác phẩm này không trừ một ai, nó là lẽ tự nhiên trong đời sống. Nó như hơi thở, như khí trời. Không nơi nào không có tình yêu*” [27, tr.240]. Độc thoại nội tâm trong tác phẩm dù xuất hiện chưa nhiều và chưa thực sự tạo được ấn tượng đậm nét nhưng cũng bước đầu khắc họa nhân vật Thụy Châu và rõ nét hơn là Trương Quỳnh Thư với những cung bậc cảm xúc trong tình yêu. Đặc biệt, nét độc đáo trong lời độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong tác phẩm chính là hình thức thể hiện qua các bài thơ trữ tình do nhân vật viết ra, là phương tiện kết nối giữa đôi trai gái trong tình yêu.

## **2.2. Độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong *Truyện Kiều***

Trong *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính Dao Tiên và Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu chỉ phản ánh nội dung về tình yêu; còn trong *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm của nhân vật nữ chính Thúy Kiều phản ánh những phương diện rộng lớn, bao quát hơn về cuộc sống. Bên cạnh tình yêu, Thúy Kiều còn độc thoại nội tâm để phản ánh các nội dung về tình cảm gia đình và những triết lí, suy ngẫm về số phận, tương lai của chính mình.

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng câu thơ độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) theo nội dung phản ánh

STT	Nội dung phản ánh của lời độc thoại nội tâm	Số lượng câu thơ	Tỷ lệ
1	Tình yêu	60/238	25 %
2	Tình cảm gia đình	52/238	22 %
3	Số phận, tương lai	126/238	53 %

Sự phân chia lời độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều theo nội dung phản ánh như trên chỉ có tính tương đối để tiện cho quá trình nghiên cứu. Bởi lẽ, trong những suy ngẫm về tình yêu có cả những dự cảm về tương lai, số phận; trong tình cảm nhưng nhớ về quê hương chắc chắn có cả bóng hình của cha mẹ và người yêu. Độc thoại nội tâm vốn là ngôn ngữ của tình cảm, cảm xúc, mà ngôn ngữ của trái tim đôi khi không thể tách bạch một cách rạch ròi.

### 2.2.1. Những độc thoại nội tâm về tình yêu

Nội dung tình yêu là nét chung trong lời độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính ở các truyện *Nôm Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều*. Cùng sử dụng hình thức độc thoại nội tâm để diễn tả những cung bậc cảm xúc trong tình yêu nhưng các nhân vật nữ chính ở mỗi tác phẩm lại có những nét riêng biệt. Nếu như Dao Tiên trong *Hoa tiên kí*, Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* trước sau chỉ yêu một người, trọn vẹn dành tình cảm cho một người thì ở *Truyện Kiều*, vì những hoàn cảnh đặc biệt mà trái tim yêu của Thúy Kiều có cả Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải. Nếu như ở tác phẩm *Hoa tiên kí*, tình yêu của nhân vật Dao Tiên đi từ những rụt rè, e ngại đến chấp nhận tình yêu và có cả những đau khổ, oán giận khi nghĩ người yêu phụ mình nhưng đến cuối cùng vẫn là mối tình chung thủy; ở *Sơ kính tân trang*, từ Trương Quỳnh Thư đến Thụy Châu đều là hiện thân của một quan niệm tự do, phóng túng trong tình yêu và hôn nhân thì đến *Truyện Kiều*, tình yêu Thúy Kiều lại có những cung bậc cảm xúc riêng.

*Một Thúy Kiều – ba tình yêu*, đó là nét đặc biệt của Thúy Kiều so với các nhân vật nữ trong các truyện *Nôm* bác học và cả trong văn học Việt Nam trung đại. Một cuộc đời nàng đã yêu ba người, nhưng bằng ba cảm xúc khác nhau trong tình yêu.

Thúy Kiều đến với tình yêu bằng những rung cảm đầu đời cùng Kim Trọng – chàng thư sinh “*Văn chương nét đất, thông minh tính trời*”. Tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng thật tươi đẹp, thơ mộng nhưng rồi cũng thật chua xót. Hai con người trai tài gái sắc gặp gỡ nhau trong tiết thanh minh, trong một cuộc du xuân đầy màu sắc tươi sáng của cỏ cây, hoa lá, vạn vật mùa xuân. Đặng Thanh Lê từng nhận xét: “*Buổi hội ngộ đẹp đẽ, nên thơ giữa Thúy Kiều và Kim Trọng mở đầu cho thiên tình sử diễm lệ và đau buồn nhất trong văn học cổ điển Việt Nam*” [24, tr.42].

Tình yêu cùng Kim Trọng mới chớm nở nhưng ngay từ phút giây ban đầu đó, trong nội tâm Thúy Kiều đã lo lắng và có những dự cảm chẳng lành về tình yêu với chàng Kim:

*Một mình lặng ngắm bóng nga,  
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời:  
“Người mà đến thế thì thôi,  
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!  
Người đâu gặp gỡ làm chi,  
Trăm năm biết có duyên gì hay không?”*

Vừa mới gặp gỡ nhau, Thúy Kiều và Kim Trọng yêu nhau vì những rung động của con tim, một tình yêu không vụ lợi, không toan tính: “*Mối tình giữa Thúy Kiều và Kim Trọng trong Truyện Kiều là một mối tình đẹp đẽ không phải chỉ vì hai bên là trai tài gái sắc, mà vì phù hợp với quy luật tự nhiên của cuộc sống*” [26, tr.1020]. Nhưng với một trái tim đa cảm, ngay từ giây phút ban đầu của tình yêu ấy, Thúy Kiều đã có những dự cảm, những băng khuâng lo lắng về tương lai.

Và cuộc đời trớ trêu chẳng buông tha cho người tài sắc! Qua giấc mộng Đạm Tiên, Thúy Kiều đã từng nghĩ về cuộc đời mình:

*Cứ trong mộng triệu mà suy,  
Thân con thôi có ra gì mai sau!*

Giấc mộng ấy khiến Kiều luôn day dứt, bản thân lo âu giờ đây đã linh ứng vào cuộc đời nàng. Vừa mới đây thôi, Thúy Kiều và Kim Trọng còn hạnh phúc, đắm say trong tình yêu, cùng nhau thề non hẹn biển dưới vàng trăng vàng vạc; vậy mà tai bay vạ gió bất ngờ ập đến, cơn gia biến khiến nàng phải bán mình để cứu cha và em, phải



hi sinh hạnh phúc, tương lai và lời thề trăm năm cùng Kim Trọng. Kiều không còn lựa chọn nào khác ngoài việc hi sinh tình yêu, dù cho đó là quyết định đau đớn và day dứt – day dứt không chỉ một lần mà suốt mười lăm năm lưu lạc Kiều chưa bao giờ nguôi ngoai.

Khi việc nhà đã tạm bề yên ổn là lúc Thúy Kiều nghĩ về mối tình của nàng cùng Kim Trọng. Trước khi ra đi cùng Mã Giám Sinh, Kiều đau đớn cho mối tình còn dang dở với chàng Kim:

*Phận dầu dầu vậy cũng dầu,  
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!  
Công trình kẻ xiết mấy mươi,  
Vì ta khăng khít cho người dở dang.*

Trong tình yêu với Kim Trọng, nếu như trước đây Thúy Kiều chủ động “*Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*” thì giờ đây nàng hoàn toàn bị động trước hoàn cảnh, trước cuộc đời. Kiều chỉ biết chấp nhận và xót xa cho cuộc đời của chính mình. “*Ta khăng khít*” – “*người dở dang*” tạo nên một sự đối lập đầy chua xót. Hạnh phúc ngày hôm qua mà hôm nay đã nhuộm màu bi kịch. Kiều nghĩ về lời thề nguyên trăm năm cùng Kim Trọng:

*Thề hoa chưa ráo chén vàng,  
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa!  
Trời Liêu non nước bao xa,  
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!  
Biết bao duyên nợ thề bồi,  
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?*

Lời thề nguyên vẫn còn đây nhưng Thúy Kiều cô đơn chỉ có một mình. Nàng giấu những tâm sự của mình vào lời độc thoại nội tâm đầy chua xót. Khoảng cách không gian “*Trời Liêu non nước bao xa*” khiến Thúy Kiều nghĩ đến sự chia cách mãi mãi như một định mệnh: “*Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?*”.

*Tái sinh chưa dứt hương thề,  
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.  
Nợ tình chưa trả cho ai,  
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan!*

Thúy Kiều nghĩ rằng kiếp này nàng không còn nhân duyên cùng Kim Trọng, Kiều luôn day dứt vì nàng đã phụ chàng Kim, và lời thề nguyện còn dang dở hãy để kiếp sau nàng báo đáp cho chàng. Suy nghĩ của Thúy Kiều mang màu sắc tư tưởng luân hồi của nhà Phật. Mọi tình bền chặt như trúc mai theo nàng suốt mười lăm năm lưu lạc, mỗi lần nhớ quê hương đều thấp thoáng trong đó bóng hình người yêu, dù cho hoàn cảnh đọa đầy thì trong trái tim Kiều vẫn luôn có chỗ dành cho Kim Trọng.

Nghĩ về quá khứ đã lỗi hẹn cùng Kim Trọng, nghĩ về giá trị cao quý nhất của người con gái sắp rơi vào tay một kẻ xa lạ như Mã Giám Sinh, Thúy Kiều tuyệt vọng nghĩ về tương lai và tương lai đó cũng không hề tươi sáng:

*Trùng phùng dù họa có khi,  
Thân này thôi có ra gì mà mong.  
Đã sinh ra số long đong,  
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?*

Quá khứ, hiện tại và cả tương lai – cuộc đời Kiều phủ một màu u ám. Kiều nghĩ về ước mong gặp lại, nhưng mong ước ấy cũng chỉ là “họa có khi”. Ngay cả khi có cơ hội tái ngộ, thân phận Kiều trong hoàn cảnh ấy cũng “có ra gì”. Kiều ý thức được hoàn cảnh của mình – ý thức bằng một trí tuệ thông minh, một trái tim đa cảm – càng ý thức sâu sắc bao nhiêu, Kiều càng cảm thấy xót xa cho chính cuộc đời nàng bấy nhiêu. Một dấu hỏi lớn đặt trước một cuộc đời đầy sóng gió, thăng trầm; lấy gì để lí giải cho số kiếp long đong suốt mười lăm năm đoạn trường của một phận hồng nhan?

Nỗi nhớ gia đình và nỗi nhớ người yêu luôn hiện hữu trong trái tim Kiều suốt mười lăm năm lưu lạc. Trên con đường “*Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây*” trong buổi ra đi với Mã Giám Sinh, trái tim Kiều vẫn hướng về người tình Kim Trọng:

*Dặm khuya ngát tạnh mù khơi,  
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông!*

Giữa cảnh vật thê lương của đất trời, trên con đường nơi đất khách, Thúy Kiều trước tiên nghĩ về mối tình với Kim Trọng. Kiều thấy “thẹn” trước lời hẹn ước trăm năm, “thẹn” với lời thề nguyện đồng tâm dưới trăng khi xưa cùng Kim Trọng. Đối với Kim Trọng, tình yêu của Thúy Kiều là một tình cảm trong sáng, chân thành, yêu vì những rung động của con tim. Vì vậy, mỗi lần nhớ về Kim Trọng là một lần Thúy

Kiều thấy thẹn với lòng mình, mỗi lần nghĩ về người tình đầu tiên là một lần Kiều nhớ về lời thề đôi lứa:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,  
Tin sương luống những rày trông mai chờ.  
Bên trời góc bể bơ vơ,  
Tám son gột rửa bao giờ cho phai.*

Lần thứ hai Thúy Kiều nhớ nhà, nhớ người yêu là khi nàng một mình cô đơn ở lầu Ngưng Bích. Thúy Kiều nhìn tình yêu bằng khoảng cách xa xôi “bên trời góc bể”. Khi tâm thân đã qua tay kẻ buôn thịt bán người như Mã Giám Sinh, Thúy Kiều nhớ về người yêu mà trong đó có cả cảm giác xót xa cho chính thân phận mình. Nỗi đau của nàng lúc này là ý thức về nhân phẩm: “*Tám son gột rửa bao giờ cho phai*”. Đến khi mắc lừa Sở Khanh mà phải chấp nhận tiếp khách, khi tâm thân Kiều đã chịu đủ mọi đọa đày, nhục nhã thì khi nhớ về Kim Trọng, kí ức tình yêu hiện về trong tâm trí Kiều vẫn là lời thề vàng đá:

*Nhớ lời nguyện ước ba sinh,  
Xa xôi ai có biết tình chẳng ai?  
Khi về hỏi liễu Chương Đài,  
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!  
Tình sâu mong trả nghĩa dày,  
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?*

Tình yêu giữa nàng và Kim Trọng có những lời thề nguyện “*Vàng trắng vàng vạc giữa trời/ Đình ninh hai miệng một lời song song*”, có những kỉ vật trao nhau, nhưng mối duyên cùng với những kỉ vật “chiếc thoa này với tờ bồi” nàng đã nhờ Thúy Vân thay mình trả nghĩa, nên giờ đây nàng chỉ còn giữ lại cho mình kí ức về một tình yêu đẹp. Tâm trạng Thúy Kiều là sự nỗi thương nhớ cha mẹ, nỗi sầu người yêu hòa vào tình quê hương tha thiết:

*Mối tình đòi đoạn vò tơ,  
Giác hương quan luống lẫn mơ canh dài.  
Song sa vò võ phương trời,  
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.*

Khi phải ra đi cùng Mã Giám Sinh, trên bước đường lưu lạc nơi đất khách quê người, cuộc đời Thúy Kiều trải qua bao biến cố mà chính nàng cũng không bao giờ ngờ đến. Kiều ngỡ rằng mình phải lấy một kẻ mà nàng gọi là “giống hôi tanh” như Mã Giám Sinh đã là điều bất hạnh, nhưng nào biết đâu cuộc đời trớ trêu lại đẩy nàng rơi vào lầu xanh của Tú Bà. Để thoát khỏi kiếp sống nhơ nhớp ấy, Kiều đã chấp nhận lấy Thúc Sinh – một kẻ thương gia giàu có đủ sức cứu vớt cuộc đời nàng ra khỏi kiếp sống đọa đầy chốn lầu xanh.

Thúy Kiều lấy Thúc Sinh nhưng tình cảm của nàng với chàng Thúc không bao giờ giống tình yêu mà nàng dành cho Kim Trọng. Kiều lấy Thúc Sinh là chuyện có tính toán, trước hết để thoát khỏi cuộc sống lầu xanh ê chề, tủi nhục. Thúc Sinh với tính cách hời hợt, “quen nét bốc rời” không đủ để hiểu thấu một tâm hồn sâu sắc và trái tim đa cảm của Thúy Kiều. Vì vậy, khi sống cùng Thúc Sinh, Kiều cũng không thôi nhớ về Kim Trọng, nhớ về lời thề nguyện hẹn ước lứa đôi:

*Tóc thề đã chắm ngang vai,  
Nào lời non nước nào lời sắt son.*

Tình yêu của Thúy Kiều với Kim Trọng là mối tình say đắm, đậm sâu, mối tình đi qua mọi thử thách thời gian, thử thách của lòng người. “*Cái giá trị trường cửu là giá trị tinh thần. Bởi vậy, dù ở đâu và lúc nào, Kiều vẫn hướng đến Kim Trọng, hướng đến mối tình năm xưa, vẫn hướng đến con người cách xa muôn dặm ấy*” [26, tr.974]. Ngay cả khi làm vợ Từ Hải, có được tình yêu, tình tri âm từ một người anh hùng mà tận đáy lòng nàng luôn ngưỡng mộ thì trong trái tim Kiều cũng chưa bao giờ nhạt phai hình bóng chàng Kim:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,  
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.  
Duyên em dù nói chỉ hồng,  
May ra khi đã tay bông tay mang.*

Nghĩ về người tình hiện tại là Thúc Sinh, Thúy Kiều không thấy hạnh phúc mà thường trực trong nàng là tâm trạng lo lắng:

*Sấn bìm chút phận cỏn con,  
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chẳng?*

Thúy Kiều không lo lắng sao được trước một người tình tính cách hời hợt, nhu nhược, nhút nhát như Thúc Sinh và một người vợ cả sắc sảo, cao tay như Hoạn Thư. Chính vì vậy, “*Ở với Thúc Sinh cuộc đời nàng Kiều tương đối yên, nhưng yên theo một thế quân bình bất ổn vì còn sợ Hoạn Thư*” [26, tr.1091]. Khi nhớ về Thúc Sinh, Thúy Kiều không có những cảm xúc tình yêu đôi lứa như đối với Kim Trọng, những điều đọng lại trong nàng là cái nghĩa đã cứu vớt cuộc đời nàng chứ đâu phải tình yêu:

*Lâm Truy chút nghĩa đèo bông,  
Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau!*

Thúc Sinh có ơn đối với Thúy Kiều vì đã cứu nàng ra khỏi chốn lầu xanh, cũng từ ơn nghĩa đó mà qua thời gian “*Tùng cay đắng lại mặn mà hơn xưa*”. Tuy nhiên, tình cảm của nàng với Thúc Sinh không thuần túy một tình yêu trong sáng, yêu vì tiếng nói của con tim mà là tình yêu có những tính toán, có mục đích. Điều mà Thúy Kiều nhận được từ Thúc Sinh là tình thương chứ đâu phải tình yêu lứa đôi:

Tình yêu của Thúy Kiều đối với Thúc Sinh là tình yêu của một kĩ nữ đối với khách làng chơi, tình yêu đó xây dựng trên căn bản tiền bạc chứ không thuần túy tình yêu như tình nàng đối với Kim Trọng. Tình yêu của nàng đối với Thúc Sinh là một tình yêu có tính toán, âm mưu, thủ đoạn, khác với tình yêu chân thật của nàng đối với Kim Trọng. Cuối cùng ta thấy tình yêu của nàng là một mối tình do tập quán tạo nên của một người đã từng trải, khác với mối tình ngây thơ mơ mộng của tuổi trẻ, yêu để mà yêu, yêu để tôn thờ trong trái tim.

[26, tr.971]

Thúc Sinh vừa có ơn cứu Thúy Kiều ra khỏi lầu xanh lần thứ nhất, nhưng tính cách “quen nét bóc rời”, hời hợt, nhu nhược của chàng Thúc cũng khiến Kiều phải chịu biết bao tủi nhục. Sau những đọa đầy trong thân phận kẻ hầu người hạ ở nhà Hoạn Thư, sau thời gian tìm đến cõi Phật khi đi tu ở Quan Âm các mà cơn sóng lòng chưa bao giờ lặng lại, Thúy Kiều lần thứ hai rơi vào chốn thanh lâu. Ở đây, một lần nữa Kiều lại gặp được người cứu rỗi cuộc đời nàng ra khỏi chốn bùn lầy của kiếp sống ong qua bướm lại. Nhưng khác với Thúc Sinh, Từ Hải là một người anh hùng, một người coi nàng là tri âm chứ không đến với nàng chỉ vì những ham muốn đời thường:

*Hai bên ý hợp tâm đầu,  
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.*

Có thể nói, với Từ Hải, Thúy Kiều yêu bằng một tâm lí trọng nhau, một cảm giác ngưỡng mộ đối với người anh hùng “đội trời đạp đất”. Chính vì vậy trong lúc cô đơn, Thúy Kiều nhớ về Từ Hải là nhớ về người anh hùng với chí hướng ngang dọc đất trời:

*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,  
Đã mòn con mắt phương trời dấm dẫm.*

Thúy Kiều yêu Từ Hải, trọng Từ Hải, nhưng tình yêu đó không giống với tình yêu Thúy Kiều dành cho Kim Trọng. Lê Đình Kỵ đã từng nhận xét:

Đúng là Từ Hải và Thúy Kiều có mối tình chân chính. Nhưng quan hệ Thúy Kiều – Từ Hải là một quan hệ khác với quan hệ Thúy Kiều – Kim Trọng. Cả hai người rất khác nhau, nhưng đều xứng đáng với Thúy Kiều, trên những bình diện khác nhau. Cả hai đều đáp lại ước mơ của Thúy Kiều, ở những đoạn đời khác nhau, không thể thay thế cho nhau, mà bổ sung cho nhau. Từ Hải không phải là người của tình yêu, nhưng nếu phải sống chỉ để yêu, thì Từ Hải sẽ là kiểu người hiến dâng tất cả cho tình yêu, như Kim Trọng. Kim Trọng không phải là một người anh hùng, nhưng nếu phải sống để phá tan mọi mối bất bằng cho Kiều thì Kim Trọng sẽ là người có cái khí phách của Từ Hải, ít ra cũng sẽ mơ ước có được cái khí phách của Từ Hải.

[26, tr.1101-1102]

Có thể nói, một cuộc đời mình, Thúy Kiều đã yêu ba người đàn ông: Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải. Nhưng trong tất cả những mối tình đó, mối tình cùng Kim Trọng là mối tình đẹp nhất, vô tư mà say đắm, không vụ lợi mà đậm sâu. Vì những hoàn cảnh khác nhau khiến Kiều phải vi phạm lời thề cùng Kim Trọng, nhưng nơi tận cùng sâu thẳm nhất của tình yêu, của trái tim Kiều vẫn là tình yêu dành cho chàng Kim. Giữa bốn bề cô đơn suốt mười lăm năm lưu lạc, những tình cảm ấy Kiều chỉ có thể tự nói với chính lòng mình. Bởi vậy, nghĩ về Kim Trọng là khi Thúy Kiều độc thoại nội tâm nhiều nhất và sâu sắc nhất, tha thiết, khắc khoải, suy tư nhất. Những độc thoại nội tâm của Thúy Kiều về tình yêu, đặc biệt khi nhớ về Kim Trọng là tiếng nói sâu thẳm từ trái tim nàng. Trải qua ba mối tình, tâm lý và tính cách Thúy Kiều có những thay đổi, nhiều khi tưởng chừng như mâu thuẫn. Nhưng tất cả đều hợp lí khi tính cách ấy được cắt nghĩa bằng sự quy định của hoàn cảnh.

### 2.2.2. Những độc thoại nội tâm về tình cảm gia đình

Tình cảm gia đình vốn là tình cảm luôn được coi trọng, đề cao. Đối với một đất nước thuộc nền văn hóa nông nghiệp điển hình như Việt Nam, gia đình càng là sợi dây gắn kết con người với con người. Thúy Kiều sinh ra trong một gia đình viên ngoại họ Vương được giới thiệu là “thường thường bậc trung” – tuy không giàu có nhưng đủ điều kiện để sống phong lưu, trang nhã. Bên cạnh đó, gia đình Vương viên ngoại còn có truyền thống học hành, “nói dòng Nho gia”. Sống trong hoàn cảnh ấy, Thúy Kiều có những điều kiện để vừa được hưởng một nền giáo dục nề nếp, gia phong, vừa có điều kiện phát huy tư chất thông minh vốn có. Tất cả góp phần làm nên một Thúy Kiều vừa thông minh, vừa sắc sảo với tâm hồn phong phú, thấu hiểu đạo lí ở đời.

Gia đình là nơi Thúy Kiều được hưởng hạnh phúc trọn vẹn, được sống trong “*Êm đềm trướng rủ màn che*”. Những tưởng không gian gia đình êm ấm sẽ che chở cuộc đời Kiều, nhưng cuộc sống yên bình ấy không được bao lâu thì tai họa ập xuống. Chính những thế lực trong xã hội phong kiến đã đẩy gia đình Kiều vào sóng gió, đẩy bản thân Thúy Kiều vào kiếp đoạn trường suốt mười lăm năm.

Xã hội phong kiến nhất là vào buổi suy tàn sinh ra đủ thứ xấu xa, từ những kẻ “đầu trâu mặt ngựa” đến bọn quan lại tàn bạo, cậy thế ức hiếp người. Gia đình Kiều bị thẳng bán tơ vu oan, một gia đình đang sống trong cảnh yên ấm bỗng nhiên bị đẩy vào bi kịch:

*Một nhà hoảng hốt ngán ngờ,  
Tiếng oan dậy đất án ngờ lòn mây.*

Thẳng bán tơ vu oan là dịp để bọn sai nha cậy thế ức hiếp, hành hạ gia đình họ Vương. Trong xã hội mà những người nắm trong tay công lý lại hành động không theo công lý, không cần luật pháp thì tất cả chỉ là cái cớ cho sự lạm dụng quyền lực vì mục đích đồng tiền. Công lý ở đây cũng là công lý của đồng tiền:

*Một ngày lạ thói sai nha,  
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.*

Có thể nói, quan lại phong kiến tàn bạo và đồng tiền là những thế lực chi phối, gây ra những bất công, tàn bạo trong xã hội. Giữa cảnh gia đình bị vu oan, cha và em

trai bị bọn sai nha hành hạ, Thúy Kiều phải đau đớn lựa chọn bán mình chuộc cha, cứu gia đình khỏi con gia biến bất ngờ. Trước hoàn cảnh đó, Thúy Kiều buộc phải lựa chọn. Những tâm sự ấy Thúy Kiều chỉ có thể nói với chính lòng mình:

*Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,  
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao?  
Duyên hội ngộ, đức cù lao,  
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?  
Đề lời thệ hải minh sơn,  
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.*

Trong cơn gia biến, Thúy Kiều lựa chọn hi sinh bản thân mình để cứu gia đình. Giữa tình cốt nhục và tình yêu, giữa sự sống chết của cha và lời thề nguyện với Kim Trọng, Thúy Kiều đã lựa chọn gia đình. Nhưng đó không phải một sự lựa chọn dễ dàng, vì dấu cho tình cốt nhục được đặt lên trên hết thì đó vẫn là quyết định đau đớn, xót xa.

Con gia biến đẩy một gia đình êm ấm vào nỗi đau sinh ly tử biệt. Giờ đây, đến thân mình Kiều còn phải hi sinh thì tình duyên kia sao được giữ cho trọn vẹn. Những dòng độc thoại nội tâm day dứt cho thấy cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt diễn ra trong thẳm sâu trái tim nàng:

*Đau lòng tử biệt sinh ly,  
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên?  
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,  
Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân.*

Trong nỗi đau đớn tột khi tình cốt nhục phải lìa xa nhau, tình yêu dang dở, Kiều nghĩ thân mình chỉ như hạt mưa, nhỏ bé, cô đơn mà lạc lõng. Hình ảnh “hạt mưa” gợi liên tưởng đến hạt mưa trong ca dao, cũng cô độc, yếu ớt, không biết tương lai, số phận sẽ về đâu. Nàng lựa chọn hi sinh tất cả để thực hiện cho trọn đạo làm con, trọn lòng hiếu thảo với cha mẹ vì cánh cánh trong lòng Kiều giờ đây là nỗi niềm đền ơn đáng sinh thành. Cũng từ đây, Kiều trải qua đủ mọi thăng trầm, biến cố, cuộc đời lưu lạc chìm nổi suốt mười lăm năm.



Thúy Kiều một mình ra đi đến nơi đất khách quê người, con người nhỏ bé bước ra khỏi không gian gia đình, bước vào một không gian xã hội rộng lớn bỗng trở nên cô đơn, lạc lõng. Trong thời khắc ấy, bức tranh không gian như thấm nỗi niềm li biệt:

*Trời hôm mây kéo tối rằm,  
Dầu dầu ngọn cỏ đăm đăm cảnh sương.*

Kẻ ở người đi trong khoảnh khắc chia ly đều đau lòng khôn xiết. Khi phải ra đi cùng Mã Giám Sinh, Thúy Kiều chệnh vênh, vô định trong những suy ngẫm về cuộc đời, số phận và tương lai của chính mình. Đã có lúc Kiều phải tự than với lòng mình vì gìn giữ phần “nhị đào” với Kim Trọng, để rồi giờ đây thân mình rơi vào tay một gã con buôn như Mã Giám Sinh. Tủi hờn và cay đắng, Kiều đã nghĩ đến quyền sinh để thoát khỏi cuộc đời. Nhưng trong giây phút tuyệt vọng ấy, ý nghĩ thôi thúc Kiều từ bỏ cái chết chính là trách nhiệm với gia đình:

*Nghĩ đi nghĩ lại một mình:  
Một mình thì chớ hai tình thì sao?  
Sau dầu sinh sự thế nào,  
Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.  
Nỗi mình âu cũng giãn dần,  
Kịp chầy thôi cũng một lần mà thôi!*

Khi phải ra đi cùng Mã Giám Sinh, Thúy Kiều đã thấy cuộc đời mình từ đây sẽ trải qua muôn vàn cay đắng. Kiều nghĩ đến cái chết “cho xong một đời” như sự giải thoát cho kiếp sống tủi nhục mà nàng lo sợ sẽ diễn ra. Nhưng chính trong sự tuyệt vọng niềm tin vào cuộc sống ấy, tình cảm gia đình, trách nhiệm chưa tròn với đáng sinh thành là ý thức thôi thúc Kiều tiếp tục sống. Thúy Kiều nhìn cảnh vật buổi tiễn đưa sao phũ phàng đến thế. Cuộc đời nàng từ nay bơ vơ, lạc lõng nơi đất khách quê người. Rời xa gia đình, lần đầu tiên Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều:

*Rừng thu từng biếc xen hồng,  
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn!*

Nhìn cảnh rừng vào mùa thu, những lá cây màu xanh biếc đang dần được nhuộm đỏ, nàng nghĩ về cha mẹ ở quê nhà đang từng ngày già đi. Kiều vừa thẹn vì lỗi hẹn cùng chàng Kim, vì day dứt vì “tám lòng thần hôn” chưa trọn vẹn.

Trên bước đường lưu lạc, Thúy Kiều đến Lâm Truy rồi rơi vào chốn lầu xanh của Tú Bà. Vừa mới đây thôi, nàng còn sống trong cảnh “*Tường đông ong bướm đi về mặc ai*” mà giờ đây phải bước vào chốn ong qua bướm lại đầy nhơ nhớp. Tủi nhục và xót xa khi bị bắt tiếp khách, nàng liều mình rút dao tự tử. Khi tỉnh dậy nghe Tú Bà lựa lời khuyên giải và hứa hẹn, hơn nữa trong cơn mê được Đạm Tiên báo mộng, Thúy Kiều cũng vui dần ý định tự tử mà theo lời Tú Bà ra ở lầu Ngưng Bích.

Một mình Thúy Kiều bơ vơ, cô đơn trong nỗi nhớ nhung, tủi hờn và buồn thương da diết: nhớ thương người yêu và xót thương cha mẹ. Cũng như khi ra đi cùng Mã Giám Sinh, khi ở lầu Ngưng Bích, Thúy Kiều cũng nhớ người yêu trước khi nghĩ về cha mẹ, nhưng tám lòng hiếu thảo của nàng chưa bao giờ dứt những nỗi lo toan khi cha mẹ ngày một già đi:

*Xót người tựa cửa hôm mai,  
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?  
Sân Lai cách mấy nắng mưa,  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Lần thứ ba Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều là khi nàng mắc lừa Sở Khanh, bị Tú Bà ép tiếp khách. Một con người luôn có ý thức giữ gìn nhân phẩm như Thúy Kiều dưới bàn tay tàn nhẫn của Tú Bà đã phải thốt lên đau đớn: “*Thân lươn bao quản lấm đầu/ Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa*”. Đón đau thay, Thúy Kiều phải xin chừa chính phẩm giá của mình. Nhìn từ nỗi đau nhân phẩm của nàng Kiều mới thấy hết được nỗi tủi nhục và tâm trạng xót xa, ê chề của nàng. Trong hoàn cảnh ấy, Thúy Kiều trước tiên nghĩ về gia đình:

*Nhớ ơn chín chữ cao sâu,  
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.  
Dặm nghìn nước thẳm non xa,  
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!  
Sân hòe đôi chút thơ ngây,  
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?*

Khi một mình đối diện với đêm khuya, đối diện với lòng mình, Thúy Kiều thấm thía hoàn cảnh thực tại của mình. Vào lúc cô đơn, buồn tủi nhất, đầu tiên Kiều nghĩ về gia đình – nơi đã cho nàng hạnh phúc trong quá khứ. Nàng nghĩ về cha mẹ tuổi già, nhớ ơn sinh thành nuôi dưỡng chưa báo đáp. Hơn thế nữa, nàng nghĩ về lo lắng của đấng song thân trong buổi tiễn đưa con ra đi, ước mong con có được cuộc sống yên ấm, thân con gái xa quê hương được “bóng tùng quân” che chở. Nhưng có ngờ đâu “*Dặm nghìn nước thăm non xa*”, cuộc đời Kiều giờ đây lại ra nỗi này! Tấm thân nàng đã chịu đủ mọi đọa đầy, có lẽ vì vậy mà giờ đây nàng nhớ về cha mẹ trước khi nghĩ về người yêu. Trình tự miêu tả tâm lý ấy cũng thể hiện sự thấu hiểu tâm lý nhân vật sâu sắc của Nguyễn Du.

Khi được Thúc Sinh cứu ra khỏi lầu xanh của Tú Bà lần thứ nhất, Thúy Kiều khi cô đơn vẫn hướng trái tim nghĩ về cha mẹ ở quê nhà:

*Bóng dâu đã xế ngang đầu,  
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.*

Nỗi nhớ của Thúy Kiều về gia đình vẫn là những lo lắng cha mẹ tuổi đã già mà không biết có ai đỡ đần chăm sóc, phụng dưỡng. Tình cảm đó không phải là mới, nhưng tâm sự ấy lại là nỗi day dứt chưa bao giờ nguôi trong lòng Thúy Kiều.

Thoát ra khỏi cuộc sống bị đè nén ở nhà Hoạn Thư, Thúy Kiều những tưởng mình có thể nương nhờ, tìm thấy sự bình yên nơi cửa Phật nhưng ngờ đâu một lần nữa nàng lại rơi vào lầu xanh của Bạc Hạnh. Cuộc đời “*Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha*” khiến nàng chịu đủ bề cay đắng. Lần thứ hai rơi vào lầu xanh, Thúy Kiều gặp Từ Hải – người anh hùng “*chọc trời khuấy nước*” làm chủ một cõi biên thù. Nếu Thúc Sinh yêu Thúy Kiều vì nhan sắc thì Từ Hải coi Kiều là tri kỷ của cuộc đời. Người anh hùng chí ở bốn phương, Từ Hải ra đi với khát vọng gây dựng cơ đồ, khi còn lại một mình Thúy Kiều trong đợi chờ, cô đơn cũng là lúc nàng nhớ nhà, nhớ về cha mẹ:

*Đoái trông muôn dặm tử phần  
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa  
Xót thay huyên cố xuân già,  
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?  
Chóc đà mười mấy năm trời,  
Còn ra khi đã da mồi tóc sưng.*

Mặc dù sống hạnh phúc cùng Từ Hải nhưng Thúy Kiều vẫn không thôi nghĩ về quê hương, gia đình. Khoảng cách không gian và thời gian khiến cho nỗi nhớ quê nhà càng trở nên da diết. Dù khổ đau hay hạnh phúc, chưa bao giờ Kiều thôi hướng trái tim mình về cha mẹ, quê hương.

Mười lăm năm cuộc đời chịu bao khổ ải, đắng cay của kiếp nhân sinh, Thúy Kiều nghĩ về quê hương như nơi lưu giữ phần bình yên trong tâm hồn. Tâm lí Thúy Kiều là tâm lí một người phụ nữ Á Đông trọng tình, trọng quê hương. Ngay cả khi khuyên Từ Hải ra hàng, Thúy Kiều cũng nghĩ về tấm lòng với cha mẹ, quê hương:

*Nghĩ mình mất nước cánh bèo,  
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.  
Bằng nay chịu tiếng vương thân,  
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!  
Công tư vẹn cả hai bề,  
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.  
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,  
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.*

Ở nơi đất khách quê người, cho dù có hạnh phúc cùng người yêu, người tri âm tri kỉ như Từ Hải thì Thúy Kiều vẫn không thoát khỏi nỗi lòng của người con xa xứ:

Quê hương nơi kết tụ những hình ảnh quý báu (cha mẹ, em thơ, người tình). Quê hương nơi ý nghĩ của Kiều luôn luôn hướng về để gửi gắm và đồng thời kết tinh mọi sầu hận đã qua khiến chúng chợt lung linh đẹp như những vì sao. Quê hương một linh dược khả dĩ xoa dịu mọi sầu hận hiện tại. Với tình quê muôn vàn tha thiết đó Kiều tin rằng sẽ được trở về quê là mọi sầu hận sẽ tan đi như ảo ảnh.

[26, tr.1092]

Cuộc đời Thúy Kiều sau bao lưu lạc, nổi chìm lênh xuống, cuối cùng ứng với lời báo mộng của Đạm Tiên bên sông Tiền Đường, nàng được đoàn tụ cùng gia đình và người yêu:

*Trông xem đủ mặt một nhà,  
Xuân già còn trẻ huyên già còn tươi.  
Hai em phương trưởng hòa hai,  
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!*

*Tưởng bây giờ là bao giờ,  
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!*

Trải qua bao sóng gió, đọa đầy, hạnh phúc đoàn tụ là điều Thúy Kiều chưa từng nghĩ tới và có lẽ không dám nghĩ tới. Tất cả những gì đang diễn ra trước mắt mà Kiều ngỡ ngàng tưởng như một giấc chiêm bao!

Mối quan hệ giữa tình yêu và tình cảm gia đình, “hiếu” và “tình” chưa bên nào trọn vẹn luôn là nỗi niềm giằng xé trong trái tim Kiều từ quyết định bán mình chuộc cha, và trong suốt mười lăm năm lưu lạc chưa bao giờ nguôi ngoai. Dõi theo bước chân Kiều trong suốt mười lăm năm lưu lạc, dù là lúc mới ra đi, trái tim Kiều còn vẹn nguyên dành cho Kim Trọng hay khi đã trải qua đủ mọi phong sương cuộc đời, khi lấy Thúc Sinh, khi làm vợ Từ Hải thì day dứt và ám ảnh trong lòng Kiều vẫn là nỗi nhớ gia đình. Có thể nói, trong bất cứ hoàn cảnh nào, nỗi nhớ cha mẹ vẫn luôn thường trực trong trái tim một con người nửa đời tha hương! Giữa lúc cô đơn, Thúy Kiều chỉ có thể nhớ về gia đình bằng những tâm sự với chính mình. Bao nhiêu lần độc thoại nội tâm khi nhớ về gia đình là bấy nhiêu lần Thúy Kiều dằn vặt, trăn trở về tấm lòng hiếu thảo của mình với cha mẹ chưa được trọn vẹn. Nói với chính mình là tiếng nói thành thật nhất, đồng thời cũng là những tâm sự khiến Kiều day dứt sâu sắc nhất.

### **2.2.3. Những độc thoại nội tâm về số phận và tương lai của Thúy Kiều**

*Truyện Kiều* không chỉ là câu chuyện về cuộc đời một nàng Thúy Kiều mà qua đó có thể tìm thấy cuộc đời biết bao con người tài hoa mà bạc mệnh, những con người là nạn nhân của chế độ xã hội đương thời – xã hội phong kiến vào buổi suy vi. Nguyễn Lộc đã từng nhận xét: “*Có thể nói Truyện Kiều là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại nhà thơ đang sống, trong đó Nguyễn Du muốn làm nổi bật sự đối lập gay gắt giữa quyền sống của con người, nhất là của người phụ nữ, với sự áp bức của chế độ phong kiến trong lúc suy tàn*” [27, tr.367]. Trong cảnh sống đó, Thúy Kiều của Nguyễn Du – một con người tài sắc, thông minh nhưng có một cuộc đời đầy bất hạnh với bao cay đắng, trầm luân suốt mười lăm năm đoạn trường – là người thấm thía hơn ai hết những đau đớn mà hiện thực xã hội, hiện thực cuộc đời như “xoay”, như “vào” vào cuộc đời nàng. Cũng từ đó, Nguyễn Du thông qua cuộc đời một Thúy Kiều đã nêu lên những triết lý nhân sinh, những nhận thức sâu sắc mà cũng

đầy đau đớn về số phận những người phụ nữ trong xã hội phong kiến, về “những điều trông thấy” ở thời đại nhà thơ đang sống.

Từ kết quả thống kê được trình bày trong *Bảng 2.1* (trang 33), có thể thấy số lượng độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* có nội dung về triết lý nhân sinh, hiện thực cuộc đời chiếm một số lượng áp đảo trong tổng số lời độc thoại nội tâm ( $126/238 = 53\%$ ). Từ những thống kê ban đầu về số lượng ấy có thể nhận thấy Nguyễn Du đã dành sự quan tâm rất lớn của mình cho nội dung triết lý nhân sinh, cuộc đời thể hiện qua những tâm sự sâu thẳm nhất, những suy nghĩ từ đáy sâu tâm hồn trong những độc thoại nội tâm của Thúy Kiều. Nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, tình yêu của Thúy Kiều tất nhiên cũng thấp thoáng trong đó tình cảm gia đình và tình yêu của người phụ nữ Việt Nam, nhưng về cơ bản đó vẫn là những phương diện có tính chất cá nhân; còn triết lý nhân sinh, cái nhìn hiện thực cuộc đời là nội dung xã hội có tính chất bao trùm, chi phối đến cuộc đời không chỉ một nàng Kiều mà còn biết bao người phụ nữ tài hoa. Nhưng chỉ nhìn vào số lượng áp đảo của những lời độc thoại nội tâm về số phận, cuộc đời để nhận định quan niệm, cái nhìn của Nguyễn Du là chưa đầy đủ. Muốn vậy cần đi sâu vào những nội dung mà nhà thơ đã phản ánh qua những lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều về nội dung được phản ánh này.

Trong cuộc du xuân vào tết thanh minh, điều gây ấn tượng với Thúy Kiều không chỉ có những rung động tình yêu với Kim Trọng mà ám ảnh nàng còn là nấm mồ vô chủ của người phụ nữ hồng nhan mà bạc phận – Đạm Tiên. Từ cuộc đời một nàng Đạm Tiên trong quá khứ, như vô hình có một sợi dây tương liên, Kiều có những linh cảm về cuộc đời nàng mai sau: “*Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, bởi vì qua cuộc đời Đạm Tiên, Thúy Kiều nhận ra một cái gì như một tất yếu nghiệt ngã đối với tất cả mọi phụ nữ, mặc dù nàng không biết được cái tất yếu ấy là gì*” [27, tr.370]. Những lo lắng băn khoăn vô hình ấy của Thúy Kiều được gia cố thêm bằng giấc mộng chiêm bao:

*Gió đâu sịch bức màn hình ảnh,  
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.*

Giác mộng gặp Đạm Tiên như sự khẳng định chắc chắn hơn cho những lo lắng không thể lí giải vẫn hiện hữu trong lòng Kiều. Trong tâm lí Kiều giờ đây xuất hiện những nỗi lo âu lênh đênh vô định về tương lai:

*Một mình lưỡng lự canh chầy,  
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh!  
Hoa trôi bèo dạt đã đành,  
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi!*

Qua giấc chiêm bao, Kiều như đã cảm nhận được cái “thanh khí xưa nay” giữa nàng và Đạm Tiên. Với trái tim thông minh và bản tính đa cảm, Kiều cảm nhận được sự đe dọa của định mệnh, của tạo hóa đối với cuộc đời nàng. Bóng ma Đạm Tiên trở thành nỗi ám ảnh đáng sợ theo suốt cuộc đời Thúy Kiều. Bao nhiêu lần Đạm Tiên báo mộng là bấy nhiêu lần những giấc chiêm bao ấy linh ứng vào cuộc đời Kiều. Bóng ma Đạm Tiên từ những ám ảnh vô định đã chi phối đến suy nghĩ, hành động của Thúy Kiều trong hiện thực:

*Vả trong thân mộng mấy lời,  
Túc nhân âu hẳn có trời ở trong.  
Kiếp này nợ trả chưa xong,  
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau!*

Cuộc đời Thúy Kiều bị ám ảnh bởi những giấc mơ, những lời báo mộng của Đạm Tiên. Nhân duyên ấy đã đeo đẳng vào cuộc đời nàng, khiến nàng không thể dứt ra, mà có muốn dứt ra cũng không được. Thúy Kiều có thể cầm dao tự tử vì bị Tú Bà bắt tiếp khách, nhưng nhớ về những lời báo mộng của Đạm Tiên, nàng lại thuận theo Tú Bà ra ở lầu Ngưng Bích.

Thúy Kiều thừa nhận cuộc đời nàng đã mang lấy một mối nợ, nàng thuận theo Tú Bà ra ở lầu Ngưng Bích cũng vì “*Kiếp này nợ trả chưa xong/ Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau!*”. Rõ ràng Kiều chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng luân hồi, nghiệp báo của nhà Phật: Phật giáo quan niệm, con người ở kiếp này là cái quả của con người kiếp trước và cái nhân quyết định con người ở kiếp sau. Thúy Kiều thuận theo sự sắp đặt của Tú Bà cũng vì cái nhân quả theo quan niệm nhà Phật. Trong suốt tác phẩm, có thể nhận thấy màu sắc Phật giáo đậm nét trong tư tưởng và cách ứng xử

của Thúy Kiều trước cuộc đời. Trong đoạn đời mười lăm năm lưu lạc, không hiếm những lần Thúy Kiều tìm đến Phật giáo để lí giải cho số phận chìm nổi của nàng. Khi mắc lừa Sở Khanh, bị Tú Bà hành hạ rồi bị bắt tiếp khách, Thúy Kiều nhìn nhận đó là do quan niệm nhân quả của Phật giáo. Kiều tự trách số phận mình:

*Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
Kiếp này chẳng kéo đên bù mới xuôi!*

Khi bị bắt về làm người hầu ở nhà quan Lại bộ, Thúy Kiều cũng chỉ biết tự mình trách số phận:

*Đã đành tức trái tiền oan,  
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi!*

Đối với tư tưởng Phật giáo, thái độ của Thúy Kiều chủ yếu là buông xuôi, chấp nhận sự sắp đặt của số phận. Kiều coi đó là cái nghiệp mà nàng phải mang theo ở kiếp này, và mọi đau khổ mà nàng trải qua là để trả hết phần nợ đời ấy. Còn đối với tư tưởng định mệnh của Nho giáo, Thúy Kiều lại thường tỏ ra oán trách, căm giận:

*Đầu xanh đã tội tình gì?  
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.  
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,  
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.*

Khi thì đay nghiến con tạo trêu ngươi cuộc đời nàng:

*Hóa nhi thật có nữ lòng,  
Làm chi giày tía vò hồng lắm nau!*

Thúy Kiều trách số phận, trách cuộc đời đẩy nàng vào bao đọa đầy chìm nổi, cay đắng trăm bề. Nàng sắc sảo khôn ngoan, ứng phó trước hoàn cảnh nhưng cuối cùng vẫn không thoát khỏi bàn tay nghiệt ngã của tạo hóa.

Cuộc đời Thúy Kiều trải qua thăng trầm, chìm nổi mà bước khởi đầu chính là sự ra đi cùng Mã Giám Sinh. Trong cái đêm người ta đáng lẽ ra phải hạnh phúc – sự khởi đầu của đời sống hôn nhân – lại là lúc Thúy Kiều độc thoại nội tâm thể hiện những suy ngẫm về cuộc đời của chính mình. Trong “đêm xuân”, bên ngọn “đuốc hoa”, lẽ ra người phụ nữ phải hướng về sự sum họp, về tình yêu, hạnh phúc lứa đôi nhưng Thúy Kiều lại thốt lên những lời độc thoại nội tâm chua xót về một cuộc đời



mai sau. Đâu có chút hạnh phúc nào mà chỉ thấy đọng lại một tâm trạng: “*Phân cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình*”. Qua dòng nước mắt “tầm tã tuôn mưa” nàng đã nhìn thấy trước một tương lai, thấy một kiếp người sẽ chẳng ra gì!

*Tuồng chi là giống hôi tanh,  
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng!  
Thôi còn chi nữa mà mong,  
Đời người thôi thế là xong một đời!*

Thúy Kiều gọi người mà nàng lấy là “khách”, là “giống hôi tanh”, vậy thì cuộc đời nàng rồi đây có ra gì. Như một sự báo trước, cuộc đời Kiều từ đây bước vào mười lăm năm chìm nổi, chịu đủ trăm bề cay đắng. Kiều tưởng rằng thất thân với Mã Giám Sinh, tẩm thân nghìn vàng lỗi hẹn cùng Kim Trọng đã là bi kịch, nhưng Kiều đâu ngờ nàng lại rơi vào lầu xanh của Tú Bà, rồi bị ép tiếp khách. Thúy Kiều lấy chính sự sống, sinh mạng mình để phản kháng và ít nhất trong trường hợp này, Tú Bà đã phải nhường bước trước Kiều. Dù thuận theo lời Tú Bà ra ở lầu Ngưng Bích nhưng dầu sao đó cũng không phải là tự do, vẫn không thể làm chủ cuộc đời mình, cánh cửa lầu xanh vẫn có thể đe dọa Kiều bất cứ lúc nào. Tâm lí thường tình của con người trong hoàn cảnh đó vẫn là tìm cho mình sự giải thoát thực sự, và Sở Khanh chính là sự cứu rỗi cho tình cảnh của Thúy Kiều lúc này. Thúy Kiều vốn thông minh nên nàng đã cảm thấy phần “sinh nghi” từ sự ngẫu nhiên ấy, nhưng nỗi ám ảnh về kiếp sống lầu xanh vẫn khiến nàng liều lĩnh hành động:

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân,  
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu!*

Và những điều trái tim thông minh của Kiều “sinh nghi” quả nhiên là mưu mô của Tú Bà! Không gian khi Thúy Kiều cùng Sở Khanh bỏ trốn được Nguyễn Du miêu tả thật lâm ly, mang đậm một nỗi sầu đến tê lương, ảo não. Khung cảnh đó đã không thể gọi cho người ta những liên tưởng tốt đẹp. Đến khi biết mình mắc mưu Sở Khanh, giữa cảnh rừng khuya, một mình cô độc và hãi hùng, Thúy Kiều chỉ còn biết cất tiếng than trách tạo hóa:

*Hóa nhi thật có nữ lòng,  
Làm chi giày tía vò hồng lấm nau!*

Thúy Kiều đã từng bước chân vào lầu xanh, nhưng từ đây nàng chính thức phải chịu kiếp sống như nhớp ấy. Kiều cố gắng vùng vẫy nhưng nàng biết không thể thoát ra khỏi định mệnh nghiệt ngã này:

*Tiếc thay trong giá trắng ngần,  
Đến phong trần cũng phong trần như ai!  
Tẻ vui cũng một kiếp người,  
Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!  
Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
Kiếp này chẳng kéo đến bù mới xuôi!  
Dấu sao bình đã vỡ rồi,  
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!*

Nhân vật nữ trong văn học trung đại nói chung thường coi trọng trên hết là phẩm giá, trinh tiết. Nghĩ về phần giá trị cao quý nhất của bản thân mình, Thúy Kiều chỉ còn biết ngậm ngùi. Vùng vẫy, tự tử, chạy trốn đều không xong, Kiều giờ đây phải mang tấm thân mình để “trả nợ đời cho xong”. Vẫn là một quan niệm nghiệp báo của Phật giáo, Kiều nghĩ rằng mình kiếp trước đã “vụng đường tu” nên kiếp này không thể thoát khỏi vòng cái nghiệp ở đời này. Kiều cố gắng gìn giữ phần phẩm giá của mình ngay cả trước người nàng yêu thương là Kim Trọng, nhưng nàng không ngờ tạo hóa trớ trêu lại khiến nàng phải chịu những đọa đầy đau đớn về cả thể xác và tinh thần, nhân phẩm đến thế. Đây dường như đã là định mệnh của cuộc đời mà Kiều không thể thoát được, nàng chỉ còn biết ngậm ngùi vì phẩm giá phải lùi bước trước định mệnh nghiệt ngã đã xoay vần. Từ trách tạo hóa, than trách cuộc đời, Thúy Kiều thấy thương cho chính bản thân nàng:

*Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,  
Giật mình mình lại thương mình xót xa.*

Cuộc sống chốn lầu xanh tấp nập ong qua bướm lại, với “*Cuộc say đầy tháng trạn cười suốt đêm*” khiến Kiều bị cuốn vào sự xô bồ ấy. Nhưng khi đêm đã về khuya, một mình đối diện với chính mình, giữa không gian vắng lặng ấy, Kiều thu mình vào nơi sâu thẳm nhất của trái tim, cất lên tiếng nói nội tâm đầy chua chát. Sự đối lập giữa quá khứ và hiện tại thật phũ phàng:

*Khi sao phong gấm rủ là,  
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.  
Mặt sao dày gió dạn sương,  
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?*

Lầu xanh của Tú Bà đã đủ đầy đọa Thúy Kiều với bao nỗi nhục nhã. Nhưng đau đớn thay, cuộc đời lại bắt Thúy Kiều lần thứ hai bước vào lầu xanh của Bạc Bà. Đến lúc này, Kiều đã phải cất lên tiếng nói như đay nghiến cuộc đời quá bạc bẽo với nàng :

*Thoắt trông nàng đã biết tình,  
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.  
Chém cha cái số hoa đào,  
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!  
Nghĩ đời mà ngán cho đời,  
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!*

Bước ra khỏi lầu xanh lần thứ nhất, những tương kiếp đời kĩ nữ từ nay sẽ buông tha nàng Kiều. Nhưng tạo hóa vẫn chưa chịu buông tay, vẫn chưa tha cho thân phận hồng nhan. Kiều muốn tìm một sự lí giải cho cuộc đời làm than của nàng, nhưng cuối cùng ngoài than trách trời xanh, Kiều không thể làm gì khác. Câu chuyện “tài mệnh tương đố” được đặt ra ở đầu tác phẩm giờ đây như được khẳng định bằng chính hiện thực cuộc đời Kiều. Tạo hóa đã ban tặng cho Kiều nhan sắc khiến “hoa ghen”, “liễu hờn” thì cả cuộc đời Kiều đang phải trả mỗi nợ trời xanh ấy. Cuối cùng, bất lực trước cuộc đời, Kiều ngậm ngùi buông xuôi, phó mặc cuộc đời mình cho tạo hóa xoay vần:

*Biết thân chạy chẳng khỏi trời,  
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.*

Mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều chịu không biết bao nhiêu cay đắng. Nỗi đau phủ lên tấm thân nàng trong mười lăm năm ấy chung đúc nỗi đau của biết bao số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Thúy Kiều của Nguyễn Du đã chịu đủ mọi nỗi thống khổ, đau đớn của nhân sinh, kiếp người. Nhưng điều đáng quý, đáng trân trọng ở Thúy Kiều là dù trong hoàn cảnh nào, nàng cũng không thôi ý thức

về nhân phẩm, đạo đức làm người, không thôi yêu thương những kiếp người bạc mệnh và khao khát hướng đến hạnh phúc.

Ý thức về cuộc sống, ý thức làm người luôn hiện hữu dù trong bất kì hoàn cảnh nào là một nét tính cách đặc trưng, nổi bật trong tính cách Thúy Kiều. Chính điều đó khiến cho cuộc đời Kiều dù trải qua biết bao “ong qua bướm lại”, dấu cho “*Nửa đời ném trái mọi mùi đắng cay*” nhưng vẫn khiến người ta yêu quý và trân trọng nàng:

Bên cạnh tài sắc, đặc trưng cho tính cách Thúy Kiều còn là cái ý thức làm người của nàng nữa. Có thể nói trong văn học quá khứ của Việt Nam, hiếm có một nhân vật thứ hai nào có ý thức về cuộc sống, ý thức làm người rõ rệt, sâu sắc như Thúy Kiều. Thúy Kiều là nhân vật luôn tự ý thức để nhận thức cho đúng mọi quan hệ xã hội, đồng thời không ngừng vươn lên ở những đỉnh cao của giá trị làm người.

[27, tr.369]

Ý thức làm người, ý thức về cuộc sống của Kiều được hình thành một phần chính nhờ bản tính thông minh vốn có của nàng.

Điều quan trọng nhất trong phẩm tính tâm hồn của Kiều là nàng biết yêu thương và trân trọng Con Người, đặc biệt là những người tài hoa mà bất hạnh. Có lẽ trong suốt thiên truyện mọi sự lựa chọn của Kiều đều xuất phát từ quan điểm sống mang tính nhân văn này. Sự lựa chọn đầu có thể không mang lại cho bản thân Kiều hạnh phúc, bình yên nhưng theo nàng đó là sự lựa chọn đúng.

[19]

Từ cuộc đời Thúy Kiều, Nguyễn Du đã nêu lên những triết lí nhân sinh có ý nghĩa khái quát cho số phận của bao người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Những người phụ nữ tài hoa như Thúy Kiều không thể có hạnh phúc khi sống dưới một chế độ xã hội mà bọn quan lại thối nát và đồng tiền là những thế lực chi phối trật tự xã hội, cùng với đó là sự lộng hành của các thế lực nhà chứa đẩy cuộc đời người phụ nữ có tài, có sắc vào những kiếp sống đọa đày, tủi nhục. “*Truyện Kiều đã phản ánh hiện thực của xã hội Việt Nam vào thời đại nhà thơ đang sống*” [27, tr.400]. Trước hiện thực xã hội ấy, Nguyễn Du băn khoăn đi tìm sự lí giải cho “những điều trông thấy” bằng những triết lí Nho – Phật – Đạo và cả những tín ngưỡng dân gian, nhưng tất cả đều chưa cho nhà thơ câu trả lời thích đáng. Sự băn khoăn, nhiều khi mâu thuẫn trong

tư tưởng ấy phản ánh những mâu thuẫn nội tại trong tư tưởng và hiện thực xã hội thời đại Nguyễn Du. Có thể nói, viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du “đã đưa nhân vật của mình vào đời sống xã hội, đặt Thúy Kiều trông chỉ trước vấn đề tình yêu, Thúy Kiều cũng không còn chỉ là giai nhân tài sắc mà là một con người chịu mọi tủ nhục, đặc biệt sắc sảo khôn ngoan, ứng phó với hoàn cảnh đau đớn để giành quyền sống mà vẫn không thoát được” [65, tr.213]. Qua *Truyện Kiều*, đặc biệt qua những độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều, Nguyễn Du đã cho người đọc thấy được hiện thực xã hội, hiện thực cuộc đời và một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc.

\* *Tiểu kết chương 2*

Trong *Hoa tiên kí*, độc thoại nội tâm của Dao Tiên thể hiện một Dao Tiên tình tứ, e lệ, kín đáo mà trái tim luôn khát khao yêu đương. Trong tình yêu, nàng cũng có những cảm xúc trần trọc, băng khuâng, có ước mơ hạnh phúc và có cả những căm giận, oán trách. Trải qua mọi biến cố, cuối cùng Dao Tiên đã có được hạnh phúc cùng Phương Châu.

Với *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm từ Trương Quỳnh Thư đến Thụy Châu đều góp phần thể hiện hình tượng nhân vật tự do, phong túng chạy theo tiếng gọi của tình yêu, bất chấp những quan niệm khắt khe của lễ giáo phong kiến nhưng trong kết tinh nét đẹp của tình yêu vẫn là lòng chung thủy với người mình yêu.

Đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm được sử dụng trong tác phẩm với mật độ dày đặc chưa từng có trong lịch sử truyện Nôm bác học, cả trước và sau không một tác phẩm nào có thể vượt qua. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều đã góp phần thể hiện những nội dung bao quát của hình tượng nhân vật nữ chính: một Thúy Kiều khao khát yêu đương nhưng luôn khắc khoải lo tình yêu tan vỡ, cuộc đời nàng yêu ba người vẫn không mang tiếng tà dâm; một Thúy Kiều hiếu thảo, bán mình chuộc cha, dẫu ở phương trời xa xôi nào cũng luôn lo lắng cho cha mẹ ở quê hương đang từng ngày già đi; một Thúy Kiều phải chịu đủ mọi cay đắng tủ nhục, nỗi đau của nàng chung đúc nỗi thống khổ của bao kiếp người.

Nghiên cứu về độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu, có thể thấy nội dung phản ánh của lời độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều (trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du) vượt qua lời độc

thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính Dao Tiên (trong *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy TỰ) và Trương Quỳnh Thư - Thụy Châu (trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái) cả về số lượng và chất lượng, cả chiều rộng và chiều sâu. Nếu như độc thoại nội tâm của các nhân vật Dao Tiên và Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu chỉ phản ánh nội dung về tình yêu thì độc thoại nội tâm của Thúy Kiều, bên cạnh tình yêu còn phản ánh cả những nội dung về tình cảm gia đình và cái nhìn về số phận, tương lai của chính nàng, rộng hơn là cái nhìn có ý nghĩa khái quát cho tình cảm gia đình đậm màu sắc truyền thống Việt Nam và cuộc đời những người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh ở thời đại Nguyễn Du.

### Chương 3

## ĐỘC THOẠI NỘI TÂM CỦA CÁC NHÂN VẬT NỮ CHÍNH TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÁC HỌC NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

### 3.1. Vai trò của độc thoại nội tâm trong việc xây dựng nhân vật có tính cách

Lịch sử Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII đã đánh dấu bước chuyển biến quan trọng của vận mệnh đất nước, cùng với đó là những thay đổi trong đời sống tư tưởng, đời sống văn học dân tộc. Tư tưởng nhân văn của thời đại là luồng sinh khí đã thấm đẫm trong mỗi sáng tác văn chương giai đoạn này. Điều đó cũng chi phối mạnh mẽ đến việc xây dựng hình tượng nhân vật và sự thay đổi trong quan niệm văn học. Nếu như ở những giai đoạn trước, người phụ nữ thường vắng bóng hoặc xuất hiện bị động thì đến giai đoạn này, nhân vật nữ xuất hiện nhiều hơn và xuất hiện như những con người chủ động, nói lên tiếng nói đấu tranh chống lễ giáo phong kiến và đòi quyền hưởng hạnh phúc cá nhân. Những dấu ấn của tư tưởng nhân văn thời đại được kết tinh đậm nét trong các truyện Nôm bác học tiêu biểu: *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều*. Qua hình tượng các nhân vật nữ chính từ Dao Tiên, Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu đến Thúy Kiều, các nhân vật nữ chính từng bước hiện lên như những con người cảm nghĩ, có tính cách, tâm lý rõ rệt thay cho kiểu nhân vật con người hành động trong truyền thống văn học trung đại.

*Hoa tiên kí* là tác phẩm mở đầu cho dòng truyện Nôm bác học, “là khúc dạo đầu trong hành khúc tự do của văn học trung đại” [65, tr.232]. Nhà nghiên cứu Đặng Thanh Lê nhận xét:

*Truyện Hoa tiên* có thể là một hiện tượng tiêu biểu cho bước mở đầu trong sự chuyển biến của thời kì văn học trung đại bởi sự kết hợp giữa hai yếu tố chính thống và phi chính thống trong sáng tác và hơn thế nữa, bởi khuynh hướng nhân văn dân chủ có khả năng giữ vị trí chủ đạo, là âm hưởng, là màu sắc chủ đạo trong tác phẩm.

[65, tr.218]

Khuynh hướng nhân văn là một nét đặc trưng trong tư tưởng của thời đại, cũng là đặc điểm nổi bật trong các tác phẩm văn chương đương thời. Ở một tác phẩm có ý nghĩa mở đầu cho dòng truyện Nôm bác học, *Hoa tiên kí* vừa mang đặc trưng tư tưởng của lễ giáo phong kiến chính thống, vừa có những mầm mống của tư tưởng tự do yêu đương trong thời đại mới. Nhân vật nữ chính Dao Tiên vừa là điển hình của

người con gái “kín cổng cao tường” trong xã hội phong kiến, vừa là người phụ nữ có ý thức về bản thân mình và luôn khao khát tình yêu. Mâu thuẫn ở Dao Tiên là “*xung đột giữa con người có ý thức cá nhân mang khát vọng tình yêu tự do với con người nghĩa vụ, con người của hôn nhân và lễ giáo*” [65, tr.254] trong con người nội tại của nhân vật. Mặc dù chỉ chiếm một phần rất hạn chế trong dung lượng tác phẩm nhưng ngôn ngữ độc thoại nội tâm đã góp phần thể hiện Dao Tiên như một nhân vật phụ nữ bước đầu có cá tính trong văn học.

Dao Tiên là nhân vật đến với tình yêu bằng những e ngại, rụt rè rất đặc trưng của người phụ nữ Việt Nam dưới thời phong kiến nhưng nàng luôn mang sẵn trong mình khát vọng yêu đương. Chính vì vậy, với ngôn ngữ đối thoại, nhân vật không dám bộc lộ những suy nghĩ, tâm sự thật của trái tim mình, nàng có thể phải trốn tránh, phải giấu đi những tâm sự của mình để ứng xử sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống ấy. Nhưng với ngôn ngữ độc thoại nội tâm, tâm lí nhân vật hiện ra như nó vốn có, nhân vật thực sự sống thật với những suy nghĩ, tâm trạng của chính mình. Chỉ khi đối diện với lòng mình, trái tim Dao Tiên mới rung lên những tình cảm chân thật nhất. Đó là lúc trái tim nàng cất lên tiếng nói cho những khát vọng tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

Ngay từ đầu, trái tim Dao Tiên đã thổn thức những rung động tình yêu trước chàng trai “*Gắm hoa tài mạo gồm hai*” nhưng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến khiến nội tâm nàng giằng co giữa tình cảm và lý trí. Theo thời gian, trước tình cảm chân thành của Phương Châu, Dao Tiên đã khát khao hạnh phúc, mong tìm thấy một cuộc tình duyên cho trái tim tìm thấy sự bình yên:

*Thà cho xong một bề nào,  
Chẳng thề giặc giờ hôm dao dờng này.*

Tình cảm của Phương Châu đã khiến trái tim Dao Tiên thổn thức theo tiếng gọi của tình yêu. Tự đáy lòng mình, Dao Tiên ước mong một cuộc tình duyên để xóa tan đi phần “giặc giở” đang xâm chiếm trong lòng nàng. Rõ ràng, phải là một khao khát tình yêu mãnh liệt mới khiến một người con gái vốn “kín cổng cao tường” như Dao Tiên cảm thấy lo lắng chưa yên khi tình yêu chưa được khẳng định, chưa có lời thề vàng đá để khắc ghi. Chỉ với ngôn ngữ độc thoại nội tâm, Dao Tiên mới dám



bước qua bức tường của lễ giáo phong kiến để đón nhận tình yêu từ Phương Châu. Tuy nhiên, đến khi nghĩ Phương Châu phụ tình mình, Dao Tiên đau lòng mà trút mọi tức giận vào kỉ vật. “*Dao Tiên yêu mãnh liệt nên căm giận cũng đến điều! Ngôn ngữ độc thoại đã thể hiện chân thực con người Dao Tiên với nỗi khát khao yêu đương mãnh liệt*” [65, tr.315].

Ngôn ngữ độc thoại nội tâm trong *Hoa tiên kí* mặc dù chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng nhân vật Dao Tiên, nó trở thành “*một phương tiện có hiệu quả để khám phá và thể hiện chiều sâu tâm tư ẩn giấu bên trong nhân vật*” [65, tr.315]. Có thể nói, những cung bậc cảm xúc trong tình yêu ở nhân vật Dao Tiên đã được Nguyễn Huy Tụ thể hiện sinh động một phần nhờ vai trò của ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Sự dằn vặt, phân vân khi trái tim khao khát yêu mà lý trí còn mang những ảnh hưởng sâu sắc của lễ giáo phong kiến; những ao ước về một cuộc tình duyên để tìm thấy sự bình yên trong tâm hồn; những đau khổ vì nghĩ rằng người yêu phụ bạc là những khoảnh khắc tâm lí được miêu tả tự nhiên và có ý nghĩa quan trọng trong tình yêu của Dao Tiên đều được thể hiện bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Phần cuối của tác phẩm, Nguyễn Huy Tụ đã lấy “quyền tác giả” để dẫn dắt tình yêu theo con đường của lễ giáo nên diễn biến câu chuyện có phần gượng gạo, thiếu nhất quán thì ở đó không hề có sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Qua đó, có thể thấy được vai trò của độc thoại nội tâm trong xây dựng nhân vật Dao Tiên bước đầu có tính cách. Nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu đã đưa ra những nhận xét có tính tổng kết về tình yêu của nhân vật Dao Tiên:

Tình yêu của Dao Tiên, theo tôi nghĩ, là tình yêu của một con người rất có ý thức về mình, rất nhân tình và cũng rất Việt Nam. Qua nhân vật Dao Tiên, Nguyễn Huy Tụ đã miêu tả được trọn vẹn một tình yêu, một người yêu từ những rung động băng khuâng chờ đợi, những trần trọc phân vân, khó quyết định, nỗi buồn tương tư đau khổ vì bị phụ bạc, lòng hi sinh vì nhau, sự sung sướng được đoàn tụ... Dao Tiên là hình ảnh một người yêu đẹp, có rất nhiều nét của dáng dấp người phụ nữ Việt Nam, người phụ nữ trong các gia đình nề nếp truyền thống.

[65, tr.215]

Ra đời sau *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* cũng là tác phẩm tiếp nối tư tưởng nhân văn của thời đại. Khác với nhân vật nữ chính trong tác phẩm của Nguyễn Huy

Tự, các nhân vật nữ chính trong *Sơ kính tân trang* đến với tình yêu mạnh dạn và táo bạo. Tình yêu trong tác phẩm của Phạm Thái tự do và phóng túng, không chịu sự ràng buộc của bất kì khuôn khổ chật hẹp nào.

Nét riêng biệt trong tình yêu của Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư là phương tiện nối liền tình cảm của đôi trai gái được thông qua những bài thơ, từ đối đáp qua lại với sự giúp đỡ bắc cầu đưa mối của nữ tỳ Hồng và tiểu đồng Yên. Trước lúc chia li vì Phạm Kim phải về quê, cảm xúc của Trương Quỳnh Thư không phải chỉ để nói cùng người yêu như trước đây mà cũng là nói với chính lòng mình, vì vậy tác giả để bài thơ của nàng ẩn chứa cả những tâm sự bằng lời độc thoại nội tâm:

*Hương lửa tình này dễ nói năng,  
Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng?*

Trong tình yêu, Trương Quỳnh Thư chủ động là vậy, nhưng bản thân một người con gái, trước khi phải chia xa với người yêu, nàng cũng không tránh khỏi những suy nghĩ lo lắng, băn khoăn. Nàng tự hỏi lòng mình, chẳng hay lòng chàng có thấu cùng nỗi niềm tâm sự ấy? Rồi đến khi bị ép gả cho viên Đô đốc, nàng cũng không biết làm gì ngoài than trách trời xanh, trách tạo hóa trở trêu, kiếp má hồng phận bạc. Đó vốn là những ứng xử cảm xúc thường tình của người phụ nữ trong tình yêu mà độc thoại nội tâm là hình thức phù hợp để diễn tả tâm trạng đó.

Với đặc điểm của mối tình tự do, phóng túng nên nhân vật nữ chính trong *Sơ kính tân trang* từ Trương Quỳnh Thư đến Thụy Châu ít thể hiện tình yêu bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Tuy ngôn ngữ độc thoại nội tâm trong tác phẩm xuất hiện với số lượng hạn chế và chưa đạt được những thành công thực sự nhưng qua đó cũng góp phần thể hiện hình tượng nhân vật Trương Quỳnh Thư, Thụy Châu như những người phụ nữ luôn khát khao yêu đương và vượt qua mọi rào cản của lễ giáo truyền thống để đến với tình yêu.

Nếu như ở *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang* số lượng lời độc thoại nội tâm chỉ chiếm một tỉ lệ rất hạn chế thì đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm xuất hiện với tần suất dày đặc, hầu như mọi nhân vật từ chính diện đến phản diện, từ nhân vật chính đến nhân vật phụ đều độc thoại nội tâm, trong đó thành công nhất phải kể đến ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật nữ chính Thúy Kiều. Khác với các nhân vật nữ

chính trong *Hoa tiên kí* và *Sơ kính tân trang*, ngôn ngữ độc thoại nội tâm của Thúy Kiều phản ánh những phương diện rộng lớn của đời sống, từ tình yêu, tình cảm gia đình đến những suy ngẫm về tương lai, số phận, cuộc đời; qua đó cho ta cái nhìn về một Thúy Kiều với tính cách sinh động, muôn màu muôn vẻ.

Thúy Kiều đến với tình yêu bằng những rung động, những cảm xúc thơ mộng trong tình yêu khi gặp gỡ Kim Trọng trong tiết thanh minh. Cùng mang trong mình khát vọng yêu đương, tài tử giai nhân gặp nhau mà “*Tình trong như đã mặt ngoài còn e*”. Vừa mới gặp gỡ, trái tim Thúy Kiều đã cất lên tiếng nói của tình yêu, nhưng cũng chính từ giây phút đó, Kiều lại cảm thấy những lo lắng về tương lai của tình yêu mới chớm nở:

*Người đâu gặp gỡ làm chi,  
Trăm năm biết có duyên gì hay không?*

Tại sao ngay từ cái thuở ban đầu băng khuâng trong hạnh phúc ấy, Kiều đã cảm thấy những lo lắng, bất an về tương lai? Đó là những suy nghĩ nội tâm sâu kín mà Kiều mới chỉ cảm thấy nhưng chưa thể lí giải. Những cảm xúc bất an cứ quẩn quanh, ám ảnh một trái tim vừa mới chạm ngưỡng cửa tình yêu ấy chỉ có thể được thể hiện bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Có lẽ một tâm hồn nhạy cảm, phong phú, một trái tim đa cảm, sâu sắc đã từng khóc thương cho số phận bạc mệnh của một người phụ nữ xa lạ như Đạm Tiên cũng cảm nhận được những điều sẽ xảy đến ở tương lai của chính mình? Đào Duy Anh từng nhận xét về tâm lí Thúy Kiều trong hoàn cảnh này:

Thúy Kiều đang lúc sung sướng về ái tình, giữa khi mới gần gũi tình nhân lần thứ nhất, thế mà bỗng cảm thấy phận mình mỏng manh là lo, đó là một điều nhận xét về tâm lí rất đúng. Thúy Kiều vốn là đa cảm đa tình, lại được ái tình tăng bội cảm giác, khiến mỗi linh cảm của nàng vốn có lại càng có thể thấy suốt tương lai, cho nên giữa cảnh hiện tại biết bao hạnh phúc mà nàng bỗng sợ hãi như biết rằng tạo hóa sẽ ghét ghen mà không để cho hạnh phúc của nàng được vẹn toàn.

[2, tr.56 – 57]

Thúy Kiều là con người thông minh, sắc sảo, một con người với trái tim đa cảm. Cuộc đời Kiều trải qua những hoàn cảnh phức tạp, chính vì vậy Thúy Kiều là một tính cách không đơn nhất. Tình yêu của Thúy Kiều dành cho Kim Trọng là thứ tình yêu trong sáng, không vụ lợi, không toan tính, xuất phát từ những rung cảm của

con tim. Trong tình yêu, Thúy Kiều hết lòng với Kim Trọng, không vi phạm những chuẩn mực chữ “trinh” của đạo đức, lễ giáo truyền thống. Ấy vậy mà khi phải ra đi cùng Mã Giám Sinh, Thúy Kiều lại có những suy nghĩ đầy mâu thuẫn:

*Phẩm tiên rơi đến tay hèn,  
Hoài công nấng giữ mưa gìn với ai!  
Nghĩ thân đến bước lạc loài,  
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.  
Vì ai ngăn đón gió đông,  
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.*

Thúy Kiều đến với Kim Trọng bằng một tình yêu trong sáng, giữ cho trọn vẹn đạo lí “*Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu*”. Vậy mà khi cuộc đời lênh đênh trôi dạt vào tay Mã Giám Sinh – một kẻ nàng đã nhận ra hình hài “con buôn”, Thúy Kiều lại có những suy nghĩ tưởng chừng như đầy mâu thuẫn với tấm lòng gìn giữ phẩm giá trước đây. Nhưng ngắm cho kĩ, những suy nghĩ ấy của Kiều không hề mâu thuẫn, tưởng chừng vô lí mà lại rất hợp lí. Càng ý thức sâu sắc giá trị con người bao nhiêu, càng một lòng gìn giữ cùng người yêu bấy nhiêu thì trong hoàn cảnh này, Thúy Kiều càng xót xa bấy nhiêu. Nàng phải cất lên tiếng than hồi tiếc khi một lòng gìn giữ để rồi đây phần “nhị đào” thanh cao ấy rơi vào tay kẻ buôn thịt bán người, “giống hồi tanh” như Mã Giám Sinh. Nàng nuối tiếc cho mình, mà cũng là nuối tiếc cùng Kim Trọng. Tâm lí Thúy Kiều không hề mâu thuẫn, bởi lẽ trong hoàn cảnh ấy, con người ta có quyền trân trọng điều quý giá ấy của bản thân, trân trọng giá trị con người. Thúy Kiều dám chủ động trong tình yêu, nhận thức được giá trị bản thân và dám cất lên tiếng nói bảo vệ giá trị, phẩm giá con người. Đó cũng là tiếng nói nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc và thấm thía của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* được thể hiện thấm thía dưới hình thức ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

Tình yêu cùng Kim Trọng, lời thề nguyện đôi lứa là điều quý giá mà Thúy Kiều luôn trân trọng. Kí ức về đêm thề nguyện “*Vàng trắng vắng vặc giữa trời/ Đình ninh hai miệng một lời song song*” là kỉ niệm tình yêu đầu đời Thúy Kiều mang theo trong trái tim mình suốt mười lăm năm lưu lạc. Khi rơi vào lầu xanh của Tú Bà, bị ép phải tiếp khách, nghĩ về hoàn cảnh của mình hiện tại, Thúy Kiều vừa xót xa, vừa lo

lắng. Xót xa vì tấm thân mình giờ đây đâu có ra gì: “*Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay*”; lo lắng vì không biết Thúy Vân đã thay nàng trả nghĩa cho Kim Trọng? Bao nhiêu câu hỏi, bao nỗi băn khoăn trong lòng còn để ngỏ như làm trĩu thêm tâm trạng của Thúy Kiều sau cuộc sống xô bồ chốn lầu xanh, giữa chốn nhộn nhịp mà con người cô đơn đến tột cùng.

Có thể nói, tình yêu của Thúy Kiều với Kim Trọng là mối tình tự nhiên, trong sáng, đôi lứa yêu nhau xuất phát từ cảm xúc của trái tim. Đó là mối tình đậm sâu, chung thủy, cũng là mối tình để lại trong trái tim Kiều những hạnh phúc ngọt ngào và cả những đau khổ, xót xa; mối tình để con tim Kiều yêu và được yêu thực sự, nhưng cũng lấy đi của nàng không biết bao nhiêu nước mắt. Cuộc đời Thúy Kiều chỉ muốn yêu một mình Kim Trọng, nhưng cuộc sống đã đẩy nàng vào những hoàn cảnh trớ trêu mà chính bản thân nàng không bao giờ ngờ đến. Chính trong những hoàn cảnh đó, Thúy Kiều đã bộc lộ một tính cách đa dạng, phức tạp mà thống nhất.

Cuộc sống nhơ nhớp ở chốn lầu xanh của Tú Bà đã khiến Thúy Kiều phải chịu biết bao nỗi cay đắng. Cũng vì tạo hóa trêu ngươi, tình yêu của Thúy Kiều không thuần nhất, giản đơn như tình yêu của Dao Tiên với Lương sinh hay của Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu đối với Phạm Kim. Vì sự đưa đẩy của hoàn cảnh, Kiều chấp nhận lấy lẽ Thúc Sinh – kẻ thương gia giàu có, người có thể cứu vớt cuộc đời nàng ra khỏi vũng bùn nhơ chốn lầu xanh. Đặng Thanh Lê nhận xét:

Thúc Sinh không “tài mạo tốt vời” như Kim Trọng và cũng chẳng phải là anh hùng kiệt xuất như Từ Hải, nhưng là một con người đã yêu thương và cứu vớt Thúy Kiều ra khỏi cuộc sống đáng sợ ở lầu xanh Tú Bà. Trải qua nhiều trắc trở, họ lại có một cuộc sống êm đềm “*Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa*”.

[24, tr.71]

Chính tính cách hời hợt của Thúc Sinh không đủ hiểu thấu một con người thông minh, đa cảm với nội tâm luôn chất chứa bao tâm sự như Thúy Kiều. Vì vậy, dẫu khi ở cùng Thúc Sinh, trái tim Kiều vẫn luôn nhớ về tình yêu thực sự của nàng – Kim Trọng. Có thể nói, mối tình Kim – Kiều là mối tình say đắm, mặn mà, đậm sâu, mối tình của lứa đôi mới lớn yêu nhau bằng cả trái tim. Mười lăm năm chịu đủ mọi đọa đầy của kiếp người, không nỗi đau nào Kiều chưa từng nếm trải, không nỗi nhục nhã ê chề nào Kiều chưa từng kinh qua. Một trái tim với bao nỗi đau chằng chéo,

nhưng Thúy Kiều vẫn giữ cho mình một phần kín đáo, riêng tư và trong sạch – nơi cất giữ tình yêu cùng Kim Trọng. Bởi vậy, dù trong bất kì hoàn cảnh nào, ngay cả khi yêu Từ Hải, hình bóng Kim Trọng trong trái tim Kiều vẫn chưa bao giờ phai mờ:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,  
Dấu lià ngó ý còn vương tơ lòng.  
Duyên em dù nói chỉ hồng,  
May ra khi đã tay bông tay mang.*

Khoảng cách không gian và thời gian không làm quên đi nỗi nhớ của Thúy Kiều về Kim Trọng. Nhưng khoảng cách không gian đủ lớn, thời gian đủ dài ấy cũng khiến cho sắc thái tình yêu với Kim Trọng có phần khác xưa. Nếu như trước đây khi nghĩ về Kim Trọng, Kiều thường nhớ về lời thề đôi lứa, ước mong được trùng phùng, nghĩ về phần “tình” thì giờ đây nàng lại nghĩ về phần “nghĩa”. Nàng không quên Kim Trọng, nhưng tâm thân đã trải đủ mọi ê chề “*Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần*” khiến tình yêu không còn trọn vẹn như xưa. Thúy Kiều không nghĩ về tình yêu của riêng mình, không còn ước ao hạnh phúc lứa đôi cùng Kim Trọng mà nàng chỉ còn biết mong cho Thúy Vân đã thay nàng trả nghĩa cho chàng Kim, mong cho những người nàng yêu thương được hạnh phúc “*tay bông tay mang*”. Dù cho hoàn cảnh vùi dập tâm thân nàng đến đâu thì trái tim Kiều vẫn không thôi yêu thương và luôn mong ước cho những người yêu thương của nàng được hạnh phúc.

Đối với Thúc Sinh, tình cảm của Thúy Kiều là ơn nghĩa đối với một người đã từng cứu vớt nàng. Với Từ Hải, Thúy Kiều yêu bằng lòng trân trọng và ngưỡng mộ tài năng chứ cũng không đơn thuần là một tình yêu đôi lứa khởi đầu bằng những rung động của trái tim như tình yêu đối với Kim Trọng. Nhớ về Thúc Sinh, Thúy Kiều luôn thường trực những lo lắng với người vợ cả Hoạn Thư, nàng chỉ mong ước “*Sấn bìn chút phận con con/ Khuôn duyên biết có vương tròn cho chăng?*”. Đối với Từ Hải, nỗi nhớ của Thúy Kiều khi phải chia xa là nỗi nhớ dành cho người anh hùng, nàng nhớ về chí hướng “*cánh hồng bay bổng*” khắp bốn phương. Riêng đối với Kim Trọng, lời thề đôi lứa – minh chứng của một tình yêu chân thành và thủy chung là điều Kiều luôn mang trong tim mình suốt mười lăm năm lưu lạc. Trong tình yêu, với

ba người tình từ Kim Trọng, Thúc Sinh đến Từ Hải, Thúy Kiều đã thể hiện một con người với nội tâm sâu sắc:

Thúy Kiều không bao giờ muốn yêu một người nào khác ngoài Kim Trọng. Nhưng thực tế cuộc đời lại bắt nàng phải chung chạ với Mã Giám Sinh, hứa hẹn với Sở Khanh, rồi sau đó lại lấy Thúc Sinh, lại yêu Từ Hải. Đối với Thúc Sinh, mối tình của Kiều không có bao nhiêu đắm thắm, đó là do tính cách của Thúc. Còn đối với Từ Hải, thì Thúy Kiều đã yêu với một tình yêu tha thiết không khác gì trước kia yêu Kim Trọng. Nhưng cả khi lấy Thúc Sinh cũng như khi làm vợ Từ Hải, từ sâu thẳm trong lòng Kiều vẫn có một chỗ cho hình bóng của Kim Trọng... Tất cả đều có lí do của nó.

[27, tr.441]

Đối với tình yêu là vậy, còn trong tình cảm gia đình, Thúy Kiều cũng thể hiện là một con người sâu sắc, một người con hiếu thảo dám hi sinh bản thân mình để giữ cho tròn chữ hiếu. Trước cơn gia biến bất ngờ đổ xuống gia đình nàng, Thúy Kiều đau đớn, xót xa khi phải lựa chọn hi sinh bản thân mình, hi sinh cả tình yêu để cứu gia đình. Không đau đớn sao cho được khi đó không chỉ là sự hi sinh tuổi trẻ, tương lai mà còn là sự hi sinh một tình yêu đẹp từ đây sẽ dang dở. Nhưng đỉnh cao của sự xót xa trước tình cảnh gia đình cũng khiến Kiều phải đưa ra quyết định của cuộc đời, của tương lai mình.

Xuyên suốt tác phẩm, có thể thấy Thúy Kiều thường độc thoại nội tâm khi một mình, cảm thấy cô đơn, thường là khi đêm đã về khuya. Nhưng trong cơn “ngộ biến” này, giữa lúc “bốn bề xôn xao”, khi “*Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh*”, trái tim và có lẽ cả lý trí nàng lại thu mình vào nơi sâu thẳm nhất, vào những suy nghĩ thầm kín nhất để đưa ra một quyết định xót xa. Kiều đứng giữa hai bề tình và hiếu, giữa gia đình và người yêu:

*Duyên hội ngộ, đức cù lao,  
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?*

Kiều tự hỏi mình, hỏi mình để rồi quyết định. Nguyễn Du đã không để Kiều đặt câu hỏi ấy trong một lời đối thoại để buộc nhân vật phải tự mình nói ra câu trả lời. Sự lựa chọn của Kiều là câu trả lời cho sự giằng xé ấy. Đó là lựa chọn của một người con giàu lòng hiếu thảo khi đứng trước ranh giới của sự sống và cái chết của những người ruột thịt trong gia đình. Kiều phải gác lại một bên tình yêu mới chớm nở nhưng

đã cùng nhau thề thốt trăm năm với Kim Trọng để trước hết làm tròn bổn phận và trách nhiệm của người con, hơn nữa còn là người chị cả: “*Làm con trước phải đền ơn sinh thành*”.

Trên bước đường lưu lạc đất khách trong lúc ra đi cùng Mã Giám Sinh, đã có lúc Thúy Kiều cay đắng khi nghĩ về thân phận mình mà muốn tìm đến cái chết. Nhưng ở nơi tận cùng tuyệt vọng ấy, trái tim Kiều lại thôi thúc nàng hướng về trách nhiệm với gia đình:

*Nghĩ đi nghĩ lại một mình:  
Một mình thì chớ hai tình thì sao?  
Sau dầu sinh sự thế nào,  
Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.  
Nỗi mình âu cũng giãn dần,  
Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi!*

Roi vào tay Mã Giám Sinh, Thúy Kiều đã thấy cuộc đời mình “thôi thế là xong một đời”. Dẫu biết rằng cuộc đời còn muôn bề cay đắng, dẫu cho bao trùm tâm trạng Kiều là nỗi niềm “*Phân cãm nỗi khách phân dơ nỗi mình*” nhưng niềm tin về sự sống trong ý thức Kiều được vực dậy khi nghĩ về gia đình. Nàng nghĩ về cha mẹ tình thâm, nghĩ về những sóng gió sẽ chưa dừng lại khi nàng lựa chọn cái chết. Kiều muốn tìm kiếm một sự giải thoát cho cảnh sống thực tại của mình, nhưng tình cảm gia đình là ý thức buộc nàng phải sống. Đến đây, ta như thấy một sự gặp gỡ giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa *Truyện Kiều* và *Vợ chồng A Phủ*, giữa một Thúy Kiều của Nguyễn Du và Mị của Tô Hoài có những tương đồng. Đó là sự gặp gỡ trong ý thức, gặp gỡ ở lòng hiếu thảo, sẵn sàng hi sinh bản thân, cuộc sống, hạnh phúc, tương lai của chính mình để cứu gia đình, báo đáp công ơn cha mẹ. Cả Thúy Kiều và Mị đều muốn tìm đến cái chết để giải thoát khỏi cảnh sống tủ nhục ở thực tại, nhưng gia đình, tình cốt nhục thôi thúc họ tiếp tục cuộc sống. Nếu như Kiều nhận thức được “*Sau dầu sinh sự thế nào/ Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân*” thì Mị cũng từ bỏ ý nghĩ về cái chết khi nhận ra sự thực: “*Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi!*”. Thúy Kiều cũng ngời



ngoại phần nào, cũng dụi bớt đi phần căm hờn với Mã Giám Sinh và tủi hổ cho chính mình khi ý thức được trách nhiệm với song thân buộc nàng phải sống, thì Mị cũng vút nắm là ngón và lựa chọn tiếp tục cuộc sống làm con dâu gạt nợ ở nhà thống lí. Sự gặp gỡ ấy cũng là điều dễ hiểu, bởi đó là nét đặc trưng của ý thức Việt Nam, từ cội nguồn tâm lý, tính cách của cư dân một nền văn hóa nông nghiệp trọng tình, ý thức cộng đồng luôn được coi trọng và đề cao. Sự khác nhau trong hai tác phẩm có lẽ chỉ ở sự lựa chọn phương thức nêu vấn đề. Nếu như ở tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài để Mị nhận ra hiện thực ấy qua lời đối thoại với cha thì trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du để Kiều tự ý thức qua những độc thoại nội tâm. Có thể nói, bằng hình thức độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã diễn tả tâm trạng Thúy Kiều trong sự cô đơn đến tột cùng. Sự ý thức trong Kiều khởi nguồn từ đáy sâu tâm hồn, khi con người nàng giằng xé trong giữa cuộc sống đầy tủi hờn ở hiện tại với tình máu mủ ruột thịt và trách nhiệm, lòng hiếu thảo với cha mẹ chưa bao giờ nguôi.

Khi phải ra đi cùng Mã Giám Sinh ra đi, trước cảnh ngộ chia ly, Kiều nhìn thấy một con đường đầy gập ghềnh, chông gai trước mắt. Cuộc đời nàng “*Từ đây góc bể bên trời/ Nắng mưa thui thui quê người một thân*” – một mình cô đơn, lạc lõng nơi đất khách quê người. Rời xa gia đình, lần đầu tiên Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều. Canh cánh trong lòng Kiều là lòng thương nhớ người yêu xen lẫn lòng hiếu thảo của người con xa xứ:

*Dặm khuya ngát tạnh mù khơi,  
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông!  
Rừng thu từng biếc xen hồng,  
Nghe chim như nhắc tấm lòng thân hôn!*

Kiều vừa thẹn vì lỗi hẹn cùng chàng Kim, vì day dứt vì “tấm lòng thân hôn” chưa trọn vẹn. Giờ đây trên bước đường lưu lạc cùng Mã Giám Sinh, Thúy Kiều trước hết nhớ về người yêu rồi mới nghĩ về ước mong chăm sóc, báo hiếu mẹ cha khi về già – thiết nghĩ cũng là công bằng cho một con người đã phải hi sinh cả tình yêu, hạnh phúc cuộc đời mình để cứu gia đình trong cơn gia biến. Trên con đường tha hương suốt mười lăm năm, mỗi lần Thúy Kiều nhớ nhung là một lần trái tim nàng chia làm hai nửa – cho tình yêu và cho gia đình. Sự đa dạng mà thống nhất trong tính

cách Thúy Kiều có thể nhìn nhận qua tâm trạng Thúy Kiều qua những lần nhớ nhà, nhớ người yêu trên bước đường mười lăm năm lưu lạc.

Trong những lần diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều, khi thì Nguyễn Du để nàng Kiều nhớ về gia đình trước rồi mới nhớ đến người yêu, khi thì trình tự ấy lại được đảo ngược. Có phải Nguyễn Du không nhất quán trong cách miêu tả tâm trạng nhân vật? Vừa phải đặt sự lựa chọn ấy vào từng hoàn cảnh, vừa phải nhìn nó trong tính chỉnh thể của cuộc đời Kiều mới có thể thấy được sự hợp lý của tâm lý Thúy Kiều, hơn nữa là sự sắc sảo, tài tình, tinh tế trong cách miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.

Lần thứ hai Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều khi nàng một mình sống trong cảnh cô đơn ở lầu Ngưng Bích. Bao trùm tâm trạng Kiều là nỗi nhớ người yêu, nỗi nhớ gia đình:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,  
Tin sương luống những rày trông mai chờ.  
Bên trời góc bể bơ vơ,  
Tám son gột rửa bao giờ cho phai.  
Xót người tựa cửa hôm mai,  
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?  
Sân Lai cách mấy nắng mưa,  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Cùng là nỗi nhớ thương nhưng sự tài tình của ngòi bút Nguyễn Du đã diễn tả được những sắc thái khác nhau của tâm trạng Thúy Kiều khi nghĩ về tình yêu và tình cảm gia đình trong tám dòng thơ độc thoại nội tâm. Nhớ về những người thân, trước hết Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng. Cũng giống như khi phải ra đi theo Mã Giám Sinh, Thúy Kiều cũng nhớ về người yêu trước khi nhớ về cha mẹ. Nhưng đến khi mắc mưu Sở Khanh đi trốn, bị Tú Bà bắt về và bị ép tiếp khách, những lần diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều sau đó, Nguyễn Du đều để nhân vật nhớ cha mẹ trước rồi sau đó mới nhớ về người yêu. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật tự nhiên tâm lý, vừa thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong miêu tả nội tâm nhân vật.

Sự hợp lý, sự tinh tế là ở chỗ, lúc ở lầu Ngưng Bích, Kiều đã thất thân với Mã Giám Sinh và đang bị ép phải tiếp khách làng chơi nên nỗi đau lớn nhất của Kiều là “*Tám*

*thân gột rửa bao giờ cho phai*”. Vì vậy người mà nàng thương và nhớ đến đầu tiên là Kim Trọng. Còn giờ đây, khi thân phận đã ra thế này, Kiều nhớ về cha mẹ trước.

[66, tr.268]

Nghĩ về gia đình, Kiều nhớ đến cha mẹ tuổi đã già vẫn từng ngày mong ngóng con nơi đất khách quê người, nghĩ đến đạo làm con vốn phải phụng dưỡng, chăm sóc, báo hiếu cha mẹ mà nàng chưa thể làm tròn. Thời gian qua đi, “cách mấy nắng mưa” khiến cảnh vật và con người nơi quê hương đều thay đổi. Kiều lo lắng cha mẹ già không ai chăm sóc sớm hôm, thương cha mẹ từng ngày già đi mà phận làm con không thể phụng dưỡng. Thúy Kiều nhớ thương cha mẹ cũng thương chính mình, cuộc đời bơ vơ không biết rồi sẽ đi về đâu.

*Bốn phương mây trắng một màu,  
Trông vờ có quốc biết đâu là nhà?*

Nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương là tình cảm ám ảnh, trở đi trở lại nhiều lần trong toàn bộ *Truyện Kiều*. Suốt mười lăm năm lưu lạc, tâm tình Thúy Kiều là tâm tình của một con người tha hương. Ở nhà Hoạn Thư, Thúy Kiều chỉ như một người xa lạ và cô độc. Kiều nhìn một màu mây trắng ở bốn phương mà nhớ về cha mẹ. Sống nơi đất khách, con mắt và trái tim nàng đều hướng về quê hương nhưng “biết đâu là nhà”. Không gian đất khách quê người là nơi kết tinh nỗi niềm thương nhớ và cô đơn đến tột cùng của Thúy Kiều.

Trong suốt mười lăm năm ròng lưu lạc tha hương, đau đáu trong tim Thúy Kiều luôn là nỗi nhớ nhà khôn nguôi. Tâm trạng Thúy Kiều qua mỗi lần nhớ nhà vừa có nét chung, lại vừa có những nét riêng biệt. Tâm trạng chung ám ảnh là nàng chưa làm tròn bổn phận chữ hiếu, xót thương khi cha mẹ ngày một già đi mà bản thân không được chăm sóc, phụng dưỡng đáng song thân. Sự khác biệt trong tâm trạng Thúy Kiều qua mỗi lần nhớ nhà là sự dịch chuyển những cảm nhận về không gian, thời gian. Lúc mới ra đi, Kiều nhớ về gia đình khi cảm nhận sự xa cách về không gian, một con người vừa bước ra từ không gian gia đình nhỏ bé bỗng cảm thấy lạc lõng giữa không gian mênh mông, rợn ngợp của nơi đất khách quê người, “bên trời góc bể”, “nước thăm non xa”. Về sau, nỗi nhớ của Kiều gắn với những cảm nhận về khoảng cách thời gian: “*Chốc đà mười mấy năm trời*”. Sự vận động trong nỗi nhớ nhà của Thúy Kiều không chỉ cho thấy sự phát triển logic khách quan của nhân vật

mà còn thể hiện sự tinh tế, sâu sắc của Nguyễn Du khi miêu tả tâm trạng nhân vật qua những lời độc thoại nội tâm.

Đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Thúy Kiều không chỉ hiện lên là con người với trái tim đa cảm, sâu sắc trong tình yêu, người con hiếu thảo đối với gia đình mà đó còn là một Thúy Kiều luôn trăn trở, day dứt, băn khoăn về số phận, tương lai của chính nàng; hơn thế nữa đó còn là những vấn đề xã hội, nhân sinh có tính chất khái quát, đại diện cho số phận của biết bao người phụ nữ trong xã hội. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều phản ánh những nội dung về số phận, cuộc đời là sự biểu hiện sinh động của con người Thúy Kiều với tính cách đa dạng mà thống nhất.

Với nhân vật Thúy Kiều, có thể nói trái tim đa cảm là một đặc điểm nổi bật chi phối sâu sắc đến tâm lí, hành động của nhân vật. Nỗi thương cảm với nắm mồ vô chủ, những run rẩy siêu hình về giấc mộng Đạm Tiên đều xuất phát từ một trái tim đa cảm giàu tình thương. Trong *Truyện Kiều*, không chỉ một lần mà nhiều lần Nguyễn Du nói về một cõi hư vô, một thế giới mộng mị, những giấc chiêm bao siêu hình mà ám ảnh. Hãy khoan nói về sự linh nghiệm đó thực sự là logic của một chủ nghĩa định mệnh hay là kết quả sự vận động khách quan và tất yếu của logic cuộc sống, nhưng rõ ràng những lời báo mộng của Đạm Tiên đều có vai trò chỉ dẫn trước những bước ngoặt quan trọng của cuộc đời Kiều. Cho dù có thừa nhận chủ nghĩa định mệnh trong *Truyện Kiều* hay không thì vẫn có một ám ảnh về định mệnh theo suốt cuộc đời nàng Thúy Kiều của Nguyễn Du.

Tính cách, tâm lí, cuộc đời Thúy Kiều chịu sự chi phối sâu sắc của một chủ nghĩa định mệnh. Trong tình yêu với Kim Trọng, Thúy Kiều có thể chủ động “*Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*” thì trước là bài định mệnh áp xuống cuộc đời nàng, Kiều hoàn toàn bất lực. Con người cố gắng chống đối, nhưng càng vùng vẫy chống đối càng lún sâu vào vũng bùn định mệnh, lún sâu vào những bi kịch cuộc đời. Cho đến cuối cùng, Kiều chỉ còn biết buông tay và chấp nhận số phận mà cuộc đời đưa đến. Định mệnh vốn là tư tưởng của Nho giáo và Nguyễn Du là một nhà nho nên phần ảnh hưởng Nho giáo đậm nét trong tư tưởng của tác giả là điều tất yếu. Đồng thời trong nhiều trường hợp, Nguyễn Du đã nhìn thấy “*dằng sau cái định mệnh siêu hình ấy, nhà thơ bị ám ảnh bởi một lực lượng xã hội cụ thể luôn luôn phụ họa cho*

nó” [27, tr.414]. Một thời đại với đủ những rối ren, những thăng trầm, những phen son hà đổi chủ, những đổi thay long trời lở đất, chỉ riêng tư tưởng Nho giáo không đủ để lí giải những mâu thuẫn của cuộc đời. Từ đó, Nguyễn Du tìm đến quan niệm nghiệp báo, luân hồi của Phật giáo, đến tinh thần lạc quan của Lão Trang và cả những triết lí trong dân gian mong tìm ra câu trả lời cho “những điều trông thấy” ở thời đại nhà thơ. Trong *Truyện Kiều*, đâu là Nho giáo, đâu là Phật giáo, đâu là những tín ngưỡng dân gian nhiều khi khó lòng xác định cho rạch ròi, phân minh. Nội dung triết lí trong *Truyện Kiều* phản ánh đặc trưng tư tưởng của thời đại.

Bên cạnh trái tim đa cảm, bản tính thông minh cũng là nét đặc trưng đã chi phối sâu sắc tới cuộc đời Thúy Kiều. Nhờ thông minh, Thúy Kiều nhận thức được những vấn đề xã hội, nhân sinh, đồng thời tư chất ấy cũng chi phối đến tính cách và cuộc đời nàng. Vì thông minh nên nàng nhận thức sâu sắc và thấm thía những bi kịch mà hiện thực cuộc đời đưa đến; thông minh cùng với bản tính đa cảm khiến nàng đón đầu trước “những điều trông thấy” của thời đại mình đang sống và trước cuộc đời riêng của chính mình. Khảo sát những lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều trong tác phẩm có thể nhận thấy, khi mới ra đi, lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều chủ yếu thể hiện những tình cảm, nỗi nhớ gia đình, tấm lòng hiếu thảo với cha mẹ và về tình yêu. Nhưng càng về sau, những suy ngẫm về triết lí nhân sinh, cuộc đời xuất hiện dày đặc, thay thế dần nội dung về tình cảm riêng tư và chiếm phần lớn những lời độc thoại nội tâm của nhân vật. Có thể nói, Thúy Kiều đã bước từ không gian gia đình “*Êm đềm trướng rủ màn che*” vào không gian xã hội đầy rẫy những lọc lừa, cạm bẫy; từ một không gian nhỏ sang một không gian rộng lớn nhưng đầy cô đơn. Chính ở đó, con người nhỏ bé, cô đơn thu mình lại trong những tâm sự thâm kín, những suy nghĩ nội tâm khiến cho càng về sau Thúy Kiều càng đau đầu những nhận thức, suy ngẫm về hiện thực xã hội và ý nghĩa cuộc đời.

Thúy Kiều thông minh nhưng xã hội mà nàng đang sống với biết bao những dối trá, trắng đen lẫn lộn khiến ngay cả con người thông minh cũng phải mắc lừa và khuất phục trước hoàn cảnh, trước hiện thực cuộc đời đưa đến. Thúy Kiều đủ thông minh để ý thức được tâm lí “sinh nghi” khi Sở Khanh gợi ý đưa nàng trốn khỏi lầu Ngưng Bích, nhưng cuối cùng Kiều vẫn đánh liều bỏ trốn:

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân,  
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Thúy Kiều liều lĩnh “nhắm mắt đưa chân” đi trốn cùng Sở Khanh để rồi cuối cùng phải nhận lấy nỗi ê chề khi bị Tú Bà bắt về, hành hạ và phải tiếp khách. Một Thúy Kiều thông minh lại hành động liều lĩnh như vậy phải chăng có phần mâu thuẫn, thiếu nhất quán? Nguyễn Du đã xử lý mâu thuẫn ấy bằng sự chuẩn bị tâm lý của Thúy Kiều từ khi ở lầu Ngưng Bích khiến tính cách Kiều trong hoàn cảnh này vẫn luôn thống nhất với con người nàng trong toàn bộ tác phẩm. Đoạn độc thoại nội tâm của Thúy Kiều về nỗi nhớ cha mẹ, nhớ người yêu khi ở lầu Ngưng Bích thể hiện tâm lý buồn thương, khủng hoảng, bế tắc trong tội cùng cô đơn, lạc lõng khi Thúy Kiều sống giữa cảnh “bốn bề xuân khóa”. Chính vì vậy, sự xuất hiện của Sở Khanh khiến một con người thông minh như Thúy Kiều cũng không thể làm trái với quy luật tất yếu của tâm lý: *“Một tâm trạng bế tắc như thế, lại gặp phải một người muốn cứu vớt mình như thế, Thúy Kiều mắc lừa cũng không có gì khó hiểu”* [27, tr.362]. Thúy Kiều lo sợ, nghi ngờ mà cuối cùng vẫn theo chân họ Sở bỏ trốn vì sự cô độc đến tội cùng và ám ảnh chôn lâu xanh khiến Kiều khó lòng chối bỏ sự giúp đỡ của Sở Khanh. Nhưng sự thấu hiểu tâm lý nhân vật của Nguyễn Du trong cách xử lý mâu thuẫn nội tại khiến *“nàng mắc lừa mà không ai trách nàng mù quáng, trái lại, ai cũng thấy xót thương cho cảnh ngộ của nàng, và căm phẫn cái cuộc đời tàn bạo bất công ấy”* [27, tr.362]. Đó là sự tài tình trong ngòi bút của Nguyễn Du, đồng thời thể hiện một Thúy Kiều với tâm lý, tính cách *đa dạng mà thống nhất*.

Khác với Nguyễn Du, cách xử lý của Thanh Tâm Tài Nhân trong hoàn cảnh này lại làm nên một Thúy Kiều đầy mâu thuẫn. Có thể dẫn ra tình huống này trong nguyên tác *Kim Vân Kiều truyện* để thấy rõ sự khác biệt đó:

*Sở Khanh nói:*

*- Gặp nhau buổi đầu, nếu không có sự hòa hợp, e công việc sau này không lợi!*

*Thúy Kiều đương muốn lấy lòng hắn ta để mong sự cứu vớt và nghĩ mình đã mất trinh rồi, không còn như xưa, liền trả lời:*

- *Xin chàng cứu vớt, dám đâu tiếc việc hậu hạ góit chẵn. Nhưng xin chàng thủy chung như nhất, chớ để thiếp phải có lời than “đầu bạc”.*

*Sở Khanh liền quỳ góit thề rằng:*

- *Sở Khanh này nếu phụ tình bữa nay của Vương Thúy Kiều thì xin bị kẻ cướp phanh thây trăm đoạn, cả nhà gặp nạn lửa binh...*

*Thúy Kiều vừa vội đỡ dậy, vừa nói:*

- *Chúc ai gặp vạ nên lành!*

*Rồi đó, trai tham gái mến dắt tay nhau lên giường cùng chung giấc mộng Vu Sơn, tới chừng mây tan mưa tạnh, thì đồng hồ đã chỉ canh tư. Thúy Kiều nói:*

- *Thiếp cảm lòng chàng nghĩa hiệp, đã đành theo vết Thôi Trượng, mong chàng mau định kế giải thoát cho thiếp để được suốt đời hậu hạ người quân tử, ấy là tâm nguyện của thiếp!*

*(Kim Vân Kiều truyện – Hồi thứ 9)*

Muốn thoát khỏi nhà chứa là tâm lí chung của hai nàng Kiều, nhưng nếu Vương Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân vì muốn lấy lòng Sở Khanh mà sẵn sàng trao thân, “*trai tham gái mến dắt tay nhau lên giường cùng chung giấc mộng Vu Sơn*” với ý nghĩ bản thân đã không còn trinh tiết thì gìn giữ làm gì. Từ đầu đến cuối Thanh Tâm Tài Nhân không biết bao lần để cho Vương Thúy Kiều của ông triết lí, nêu gương đạo đức thì lần này “*nhân vật của ông đã làm một việc, mà dù đứng trên quan điểm đạo đức nào cũng khó có thể biện hộ cho nàng*” [27, tr.361]. Khác với Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã bỏ toàn bộ những lời tán tỉnh qua lại và chi tiết cuộc mây mưa ấy, chỉ nhấn mạnh đến sự chi phối của hoàn cảnh khiến Kiều thông minh mà vẫn không thể hành động khác, vẫn mắc lừa họ Sở. Những lời tán tỉnh, những hứa hẹn ong bướm và cả cuộc mây mưa đến tận canh tư không hề được Nguyễn Du nhắc đến mà thay thế cho sự “báo ơn” bằng tấm thân của Vương Thúy Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* là lời hứa cảm tạ về sau của Thúy Kiều: “*Dám nhờ cốt nhục tử sinh/ Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau*”. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự đoan trang của tâm hồn, ý thức làm người cũng không cho phép Thúy Kiều buông lơi. Dầu rằng thất thân với Mã Giám Sinh nhưng ý thức làm người, ý thức phẩm giá

là điều Thúy Kiều luôn gìn giữ và không bao giờ từ bỏ. Tính cách Thúy Kiều đa dạng mà thống nhất vì luôn nằm trong sự chi phối của một xung đột nhất quán: Kiều luôn ám ảnh về số mệnh nhưng càng ám ảnh, lo âu bao nhiêu thì nàng càng khao khát vươn hạnh phúc và một cuộc sống tốt đẹp hơn bấy nhiêu. “*Con người tài sắc vẹn toàn ấy, dẫu bị đắm chìm trong bể khổ nhưng vẫn mang sức sống nồng nhiệt, mê say, khát khao hạnh phúc và luôn tìm cách vượt ra khỏi cảnh ngộ để vươn tới một cuộc sống xứng đáng hơn*” [55, tr.39].

Thúy Kiều tin lời Đạm Tiên báo mộng, suốt cuộc đời nàng luôn mang theo những ám ảnh, lo âu về tương lai nhưng càng nhận thức sâu sắc, linh cảm càng rõ nét bao nhiêu thì Kiều ý thức phản kháng và chống đối lại định mệnh cuộc đời định sẵn cho nàng lại càng rõ nét bấy nhiêu. Nàng “*Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*” vượt qua bức tường lễ giáo phong kiến để đến với tình yêu, nàng rút dao tự tử, nàng bỏ trốn khỏi lầu Ngưng Bích, lấy Thúc Sinh, bỏ trốn khỏi Quan Âm các của nhà Hoạn Thư... tất cả đều là sự phản kháng lại số mệnh, nhưng càng vùng vẫy Kiều càng lún sâu vào vũng bùn định mệnh nghiệt ngã.

Giữa cuộc đời rộng lớn mà Thúy Kiều luôn cô đơn, một mình Kiều cô đơn khóc thương cho chính mình. Mười lăm năm lưu lạc chốn giang hồ là mười lăm năm cuộc đời Kiều đầy nước mắt, tủi nhục, đau đớn ê chề; mười lăm năm trái tim Kiều không biết bao nhiêu lần tự độc thoại để gửi vào đó đủ mọi đắng cay của một kiếp người. Thúy Kiều đã bao lần mong muốn tìm được một sự bình yên cho tâm hồn đã trải bao sóng gió của nàng, nhưng chưa bao giờ nàng có được bình yên thật sự. Thúy Kiều đi tu, nhưng lần đi tu ở Quan Âm các chỉ là để tránh sự hành hạ của Hoạn Thư, để “*Khỏi điều thẹn phẫn tủi hồng thì thôi*” chứ trái tim Kiều không thể tìm thấy sự bình yên nơi cửa Phật. Thúy Kiều đi tu nhưng tâm hồn nàng vẫn vương vấn tình người, tình đời. Trước cửa Phật, những tưởng người ta sẽ rũ bỏ hết nợ trần duyên, không màng vật chất nhưng chính Thúy Kiều lại có những suy nghĩ rất đời thường:

*Thân ta ta phải lo âu,  
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.  
Vĩ chẳng chấp cánh cao bay,  
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa!*



*Phận bèo bao quản nước sa,  
Lệnh đênh đâu nữa cũng là lệnh đênh.  
Chín e quê khách một mình,  
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!*

Thúy Kiều giống như bao con người của cuộc sống, nàng cao thượng nhưng cũng có cả những toan tính rất đời thường. Ở chốn cửa Phật nhưng Kiều đâu có buông xuôi, tận tâm tâm Kiều chưa bao giờ có được sự thanh thản mà luôn có những toan tính cho tương lai: lấy trộm chuông vàng khánh bạc của nhà Hoạn Thư, lo âu khi nghĩ về hoàn cảnh thân gái dặm trường nơi đất mà “*Tay không chưa dễ tìm vành ấm no*”. Và sau này khi tìm đến Chiêu Ân am của Giác Duyên, Kiều cũng tự mình nghĩ ra câu chuyện “*Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh*” để hợp lí hóa hoàn cảnh của mình. Đó là những lo âu, những toan tính đời thường, rất con người. Điều đó làm nên một Thúy Kiều sinh động, hiện thực như con người bằng xương bằng thịt trong cuộc đời, khác hẳn nàng Vương Thúy Kiều luôn thuyết lí cho đạo đức phong kiến trong nguyên tác của Thanh Tâm Tài Nhân.

Xuyên suốt *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Thúy Kiều là một tính cách không giản đơn, có nhiều khi tưởng chừng như mâu thuẫn, vừa khẳng định vừa phủ định. Nếu không đặt tính cách ấy vào những hoàn cảnh riêng của cuộc đời nàng, không nhìn nhận đó là nét tâm lí của một trí tuệ thông minh và trái tim đa cảm thì không thể lí giải được những mâu thuẫn ấy. Nhìn riêng rẽ, tính cách nàng đầy mâu thuẫn, nhưng xét trong tổng thể, tính cách Kiều lại hoàn toàn thống nhất. Có được sự thành công ấy cũng phải nhờ đến việc vận dụng thành công độc thoại nội tâm trong miêu tả tính cách nhân vật Thúy Kiều. Có thể nói, Thúy Kiều đã trở thành một nhân vật điển hình với tính cách đa diện, phức tạp mà thống nhất. “*Chọn một nhân vật có số phận lên thác, xuống ghềnh cực kỳ éo le, khi tột đỉnh vinh quang, lúc tột cùng tủi nhục, cay đắng, Nguyễn Du đã xây dựng nên một Thúy Kiều có tính cách phong phú, phức tạp, một Thúy Kiều đầy ắp cảnh ngộ, đầy ắp tâm trạng, đầy ắp kinh nghiệm sống, khái quát nhiều phương diện và phẩm chất đạo đức của người phụ nữ Việt Nam và của dân tộc*” [30].

### **3.2. Vai trò của độc thoại nội tâm trong việc cách tân thể loại truyện Nôm**

Trước hết cần phải thấy rằng, truyện Nôm là hình thức kể chuyện bằng thơ nên đặc trưng tiêu biểu nhất của thể loại là sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình. Yếu tố tự sự thể hiện ở cốt truyện, xây dựng nhân vật và ngôn ngữ kể chuyện. Cốt truyện của truyện Nôm dựa trên mô hình: Gặp gỡ - Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ; nhân vật ở truyện Nôm đặc trưng với hệ thống nhân vật phân theo loại chính diện và phản diện, chủ yếu khắc họa nhân vật như những con người hành động; ngôn ngữ tự sự ở truyện Nôm đa phần là ngôn ngữ gián tiếp với điểm nhìn trần thuật từ bên ngoài nhân vật. Yếu tố trữ tình trong truyện Nôm thể hiện ở đặc trưng phương thức tự sự bằng thơ làm cho ngôn ngữ tự sự có vần điệu, có nhạc tính, lời kể đậm chất trữ tình và lắng đọng cảm xúc của tác giả.

Độc thoại nội tâm vốn là yếu tố rất ít xuất hiện trong văn học trung đại. Phải đến những tác phẩm truyện Nôm bác học từ *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* độc thoại nội tâm mới bước xuất hiện và đặc biệt là *Truyện Kiều* mới thực sự đậm nét. Từ những đặc trưng cơ bản của thể loại truyện Nôm như trên, có thể thấy sự có mặt của độc thoại nội tâm đã làm thay đổi một số nét đặc trưng của thể loại truyện Nôm truyền thống. Từ đó, có thể thấy được vai trò của độc thoại nội tâm trong việc cách tân thể loại truyện Nôm trên một số phương diện cơ bản.

#### **3.2.1. Góp phần đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện**

Trong truyện Nôm nói chung, ngôn ngữ tự sự trong tác phẩm chủ yếu là ngôn ngữ gián tiếp. Câu chuyện được kể lại theo quan điểm chủ quan của tác giả. Nhưng với sự xuất hiện của độc thoại nội tâm, nhân vật sống thật với chính mình, đối diện với chính mình nên tâm lí, tính cách nhân vật phát triển nằm ngoài ý muốn chủ quan của tác giả mà tuân theo quy luật khách quan của tâm lí con người dưới sự chi phối của hoàn cảnh. Vì vậy, ngôn ngữ kể chuyện trong truyện Nôm với sự xuất hiện của độc thoại nội tâm không chỉ đơn nhất là ngôn ngữ gián tiếp mà phong phú, đa dạng hơn với ngôn ngữ trực tiếp (lời nhân vật) và ngôn ngữ nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng thể hiện giọng điệu, cảm xúc của nhân vật).

Cũng như đa số các truyện Nôm, ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại, phần ngôn ngữ độc thoại chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. Trong *Hoa tiên kí*, độc thoại nội tâm mới bước đầu xuất hiện và chủ yếu xuất hiện dưới hình thái

ngôn ngữ trực tiếp. Qua *Phụ lục 1* có thể thấy, trong toàn bộ tác phẩm, nhân vật Dao Tiên độc thoại nội tâm ba lần, gồm 34 câu thơ, chiếm tỷ lệ 2,2% tổng số dung lượng tác phẩm. Đó không phải là một tỷ lệ lớn, nhưng sự xuất hiện bước đầu của ngôn ngữ độc thoại nội tâm ở một tác phẩm có ý nghĩa mở đầu cho dòng truyện Nôm bác học như *Hoa tiên kí* có ý nghĩa quan trọng trong việc đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện của tác phẩm.

Trong lời độc thoại nội tâm của Dao Tiên có nỗi băn khoăn nuôi tiếc khi tuổi xuân đang từng ngày trôi đi. Thời gian vẫn từng ngày trôi chảy, “hoa kia quấn”, “bóng kia xoay” vốn vẫn từng ngày diễn ra. Nhưng khi trong trái tim Dao Tiên có những rung động tình yêu, nàng bỗng cảm thấy sự vận động vốn có của thiên nhiên ấy mang trong nó bước đi nghiệt ngã của thời gian. Vì trái tim Dao Tiên đã vang lên những rung động trong tình yêu nên sự trôi chảy của thời gian, những vận động vốn có của tự nhiên mới khiến con tim thổn thức và lo sợ tuổi trẻ đang từng ngày trôi đi. Trong sự băn khoăn ấy, Dao Tiên thấy cả sự xót xa cho Phương Châu vì nàng mà “liều gầy trắng lạnh”. Đó là những rung động đầu tiên của Dao Tiên trước tình yêu, và từ đây, trái tim nàng cũng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

Trong *Hoa tiên kí*, Nguyễn Huy Tụ đã thể hiện nhân vật vừa điển hình cho mẫu hình người phụ nữ truyền thống, vừa đại diện cho những khát vọng yêu đương tự do mang tư tưởng nhân văn của thời đại. Nếu chỉ bằng ngôn ngữ gián tiếp, tác giả đứng bên ngoài quan sát và miêu tả thì không thể thể hiện một Dao Tiên với thế giới nội tâm giằng co giữa tình cảm và lý trí, giữa khát vọng yêu đương và những rào cản của lễ giáo phong kiến trong tình yêu và hôn nhân đã ăn sâu trong nhận thức của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Dao Tiên vừa mắng tỳ nữ vì “*Đặt bày phong nguyệt gièm pha cương thường*”, tự dưng dục phát ngôn cho quan niệm lễ giáo:

*Tụ ta đóng nguyệt cài mây,  
Buồng thom chớ lọt mảy may gió tà.  
Buông rèm dao cách bóng hoa,  
Tường đông ong lại bướm qua mặc lòng.*

Nhưng cũng khát khao một cuộc tình duyên:

*Thà cho xong một bề nào,  
Chẳng thể giấc giờ hôm nao đường này.*

Mâu thuẫn tư tưởng trong con người Dao Tiên được thể hiện sâu sắc hơn nhờ ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Nhân vật vừa muốn giữ cho mình cái vẻ đoan trang, nề nếp của người phụ nữ phong kiến, vừa khao khát tình yêu; vừa muốn đến với tình yêu, vừa e ngại bước qua bức tường của lễ giáo. Và sau này khi nghĩ Phương Châu phụ mình, bao oán hờn, căm giận cũng được thể hiện bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Có thể nói, chỉ khi đối diện với chính mình, nhân vật mới dám cất lên tiếng nói từ đáy lòng mình để giao tiếp với chính mình. Đó là khi con người sống thật nhất, cũng là phương diện để hoàn chỉnh con người với tất cả những tính cách sinh động.

Với *Sơ kính tân trang*, nghệ thuật tác phẩm còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, ngôn ngữ độc thoại nội tâm cũng đã góp phần thể hiện hình tượng nhân vật nữ chính với những với những cảm xúc trong tình yêu. Khi bị ép gả cho viên Đô đốc, từ điểm nhìn bên trong của nhân vật, Trương Quỳnh Thư hiện lên với những trăn trở, suy tư:

*Cũng toan giếng thăm cho xong,  
Nhưng còn nghĩ lại tâm lòng chưa an.  
Thà rằng được thấy mặt chàng,  
Tỏ bày tâm sự thở than ân tình.  
Rồi mình sẽ tính phận mình,  
Cho toàn một ước, cho mình một nguyện.*

Nhân vật nữ chính trong *Sơ kính tân trang* đến với tình yêu mạnh dạn và táo bạo, nhưng trước hoàn cảnh, số phận mà cuộc đời đưa đến, nàng cũng không thể làm gì khác ngoài trách tào hóa trở trêu khiến tình yêu dang dở. Nét riêng biệt ở Trương Quỳnh Thư so với các nhân vật nữ chính trong *Hoa tiên kí* và *Truyện Kiều* là ngôn ngữ độc thoại nội tâm được thể hiện chủ yếu dưới hình thức những bài thơ trữ tình do nhân vật viết ra. Tuy chưa đạt được những thành công rõ rệt nhưng ngôn ngữ độc thoại nội tâm qua điểm nhìn nhân vật trong tác phẩm cũng bước đầu đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện và thể hiện nhân vật với nét tính cách riêng.

Thành công của ngôn ngữ nghệ thuật trong *Truyện Kiều* còn phải kể đến thành công của ngôn ngữ nửa trực tiếp. Trong nhiều hoàn cảnh, lời tác giả và lời nhân vật đan xen vào nhau khó lòng tách bạch, phát ngôn của tác giả nhưng lại mang tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật: “*Với ngôn ngữ nửa trực tiếp, ngôn ngữ tự sự ở*

*Truyện Kiều là ngôn ngữ đa thanh, nhiều giọng điệu, tạo nên sự đồng cảm giữa nhà văn – nhân vật – người đọc*” [66, tr.244].

Có thể nói, sự xuất hiện của độc thoại nội tâm có ý nghĩa quan trọng trong việc đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện của thể loại truyện Nôm. Từ *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và đặc biệt là đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm đã từng bước góp phần tạo nên ngôn ngữ đa thanh, đa giọng điệu, khắc họa nhân vật với nội tâm sâu sắc và tính cách phong phú, đa dạng.

### **3.2.2. Góp phần đa dạng hóa điểm nhìn trần thuật**

Trong hầu hết các truyện Nôm bác học, tác giả thường đứng bên ngoài để quan sát và kể lại câu chuyện. Do đó, điểm nhìn trần thuật trong tác phẩm thường là điểm nhìn bên ngoài. Nhưng với những tác phẩm truyện Nôm bác học từ *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang* và đặc biệt là đến *Truyện Kiều*, nhờ ngôn ngữ độc thoại nội tâm, điểm nhìn trần thuật đã có sự đa dạng, bao gồm cả điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Trần Đình Sử đã đưa ra nhận xét: “*Cái bên ngoài không phải là cái ở bên ngoài, mà là cái có thể quan sát từ bên ngoài, còn cái bên trong là cái tự cảm thấy, không thể quan sát từ bên ngoài được. Hai mặt này không phải bao giờ cũng nhất trí với nhau, do đó phải có điểm nhìn bên trong mới thể hiện con người hoàn chỉnh*” [49, tr.152]. Kể lại câu chuyện từ điểm nhìn bên trong là một trong những nét mới của truyện Nôm bác học. Việc xác lập điểm nhìn trần thuật bên trong phải kể đến vai trò quan trọng của ngôn ngữ độc thoại nội tâm, vì đó là hình thức điển hình để nhân vật tự bộc lộ sâu sắc đời sống tình cảm, suy nghĩ từ đáy sâu tâm hồn mình.

Trong *Hoa tiên kí*, từ điểm nhìn bên trong, tác giả để nhân vật Dao Tiên tự nói lên tiếng nói của cảm xúc, của trái tim khao khát tình yêu. Những lời tâm sự của Vân Hương, Bích Nguyệt tác động đến tâm lí nàng nhưng những cảm xúc ấy là tiếng nói của chính trái tim nàng bày tỏ:

*Lân la mười sáu xuân chầy,  
Tơ kia quấn, bóng kia xoay, mấy mà?  
Xót thay cho kẻ vì ta,  
Liều gầy trắng lạnh, sa đà bấy lâu.  
Giá nào, nào dễ mấy đâu,  
Duyên nào, nào biết về sau nường nào?*

Những câu hỏi khắc khoải trong trái tim Dao Tiên: “*Tơ kia quán, bóng kia xoay, mấy mà?*”, “*Duyên nào, nào biết về sau nhưong nào?*” là tâm sự của một trái tim luôn khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Điểm nhìn bên trong góp phần tạo nên một Dao Tiên đầy những suy tư, trăn trở, thể hiện nhân vật trong những mâu thuẫn giữa khát vọng tình yêu thực tại trước những khuôn khổ chật hẹp của lễ giáo phong kiến truyền thống.

Ở *Sơ kính tân trang*, khi bị ép hôn với tên Đô đốc, Trương Quỳnh Thu viết thư gửi cho Phạm Kim, trong đó chứa đựng những tâm sự từ đáy sâu trái tim nàng:

*Vì ai thèo đánh khơi trêu,  
Khiến hồng nhan gặp lắm điều gian truân.  
Ngán ngẩm thay phận hồng quần,  
Thù gì con tạo, tiếc xuân riêng mình.*

Với điểm nhìn bên trong, những tâm sự, nổi lòng cay đắng của Trương Quỳnh Thu trước thực tại trở trêu được thể hiện sâu sắc. Tiếng than trách tạo hóa trở trêu, phận hồng quần bạc bẽo nàng chỉ có thể tự nói với lòng mình, tự soi thấu trái tim mình.

Cuộc đời Thúy Kiều chịu không biết bao nhiêu đắng cay nhưng trong con người nàng luôn tiềm tàng một khao khát mãnh liệt vươn tới cuộc sống đáng sống hơn. Cuộc đời càng vùi dập, Thúy Kiều càng khao khát vươn tới hạnh phúc nhưng càng vùng vẫy càng lún sâu vào vũng bùn nghiệt ngã của cuộc đời. Cuối cùng, “*Qua bao lần giông tố dập vùi, qua bao lần vươn lên rồi thất bại, sức sống của Kiều lụi tàn dần. Trên cơ sở mệt mỏi ấy, những quan niệm về công đức nhà vua, về vinh hoa phú quý... đã có cơ hội xui Kiều khuyên Từ Hải ra hàng. Đây là lần vùi dập cuối cùng, bất ngờ, đau đớn hơn bao giờ hết*” [55, tr.41]:

*Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,  
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.  
Bằng nay chịu tiếng vương thân,  
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!  
Công tư vẹn cả hai bề,  
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.  
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,  
Nở nang mày mặt rỡ ràng mẹ cha.*

*Trên vì nước dưới vì nhà,  
Một là đắc hiếu hai là đắc trung.  
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,  
E dè sóng vỗ hãi hùng nước sa.*

Trong cuốn *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Phan Ngọc đã chỉ ra nghệ thuật phân tích tâm lí tàn nhẫn của Nguyễn Du qua đoạn Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng. Phan Ngọc chứng minh lí lẽ mà Thúy Kiều đưa ra để thuyết phục Từ Hải là hiện thân của chủ nghĩa cơ hội mà theo đó bao gồm 7 yếu tố: thứ nhất là ngu “thật dạ tin người”, thứ hai là tham “lẽ nhiều”, thứ ba là mất cảnh giác “nói ngọt, nghe lời dễ xiêu”, thứ tư là sợ gian khổ “*Nghĩ mình mặt nước cánh bèo/ Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân*”, thứ năm là hi sinh cái mình đang có và chắc chắn để chạy theo một ảo tưởng, thứ sáu là tự lừa dối mình bằng những ảo tưởng “*Công tu vẹn cả hai bề*”, thứ bảy và cuối cùng mới đưa ra một lí do chính trị “*Một là đắc hiếu, hai là đắc trung*” để biện hộ cho hành động của đầu hàng, phản bội của mình [dẫn ý theo 32, tr.147 – 148]. Qua đó thấy được một Thúy Kiều không chỉ là con người biết hi sinh, vị tha mà cũng là con người với biết bao lo toan vật chất rất đời thường, từ tham lẽ nhiều, sợ gian khổ đến ảo tưởng mà vẫn tìm lí do trung, hiếu để biện hộ cho mình. Thúy Kiều trong hoàn cảnh này vừa đáng thương – vì đã chịu quá nhiều đọa đầy, gian khổ và tâm lí luôn khao khát bình yên, hạnh phúc nhưng không phải Thúy Kiều không đáng trách. Nhưng đó mới chính là con người trong cuộc sống hiện thực, dù cao thượng, vị tha, hi sinh đến đâu thì cũng không tránh khỏi những toan tính, cầu danh lợi, phú quý, bình yên cho bản thân mình giữa cuộc đời. Trong hoàn cảnh này, Nguyễn Du không cố gắng bào chữa cho hành động sai lầm của nhân vật mà tác giả để chính Thúy Kiều tự nhận thức hành động mù quáng của nàng trước khi gieo mình xuống sông Tiền Đường:

*Rằng: “Từ công hậu đãi ta,  
Chút vì việc nước mà ta phụ lòng.  
Giết chồng mà lại lấy chồng,  
Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?  
Thôi thì một thác cho rồi,*

*Tám lòng phó mặc trên trời dưới sông!*

Tận trong thâm tâm, Thúy Kiều coi hành động khuyên Từ Hải ra hàng của nàng là hành động “giết chồng”. Điểm nhìn trần thuật của tác giả là từ bên trong nhân vật, để Thúy Kiều tự ý thức sự sai lầm của nàng đã dẫn đến cái chết đứng của Từ Hải nhưng đồng thời Nguyễn Du cũng đứng từ bên ngoài, tách mình ra khỏi nhân vật để lên tiếng phê phán sai lầm của Thúy Kiều. Sự đa dạng trong điểm nhìn trần thuật đã tạo nên tính đa thanh, đa giọng điệu cho tác phẩm. Cái nhìn về nhân vật không hề đơn nhất mà trong đó luôn bao hàm những phương diện khác nhau, đôi khi còn đối lập nhau. Đứng từ những điểm nhìn khác nhau, xuất phát từ những nền tảng tư tưởng, đạo đức khác nhau lại nhìn thấy một Thúy Kiều với những nét khác biệt. Chính bởi vậy, suốt hai trăm năm từ khi tác phẩm ra đời cho đến nay, những tranh luận xoay quanh *Truyện Kiều* chưa bao giờ dừng lại, khen có, chê có, thậm chí người khen hết lời, người chê hết mức. Mỗi cách đọc, mỗi điểm nhìn tác phẩm cho ta một cảm nhận riêng. Phan Ngọc nhận xét:

Người ta đã tranh cãi nhau về nhân vật trong *Truyện Kiều*, nhưng lẽ ra cái điều phải xét đầu tiên đó là tại sao người ta chỉ tranh cãi nhau về các nhân vật này, mà không tranh cãi nhau về các nhân vật của *Hoa tiên*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Lục Vân Tiên*, cũng như về mọi nhân vật trong truyện Nôm khác? Chính câu hỏi này mới quan trọng, vì nó là lí do của mọi lí do. Đã chơi lối phân tích tàn nhẫn này, thì nhất định nhân vật sẽ là một thao trường tranh cãi. [...] Đã đi con đường này thì nhân vật không thể nào nằm gọn trong bất kì khung đạo lí nào có sẵn, và ta có thể lấy bất cứ khung đạo lí nào cũng được để khen cũng như để chê, để thán phục cũng như để mạt sát.

[32, tr.150 – 151]

Ngôn ngữ độc thoại nội tâm trong *Truyện Kiều* thực sự đạt đến đỉnh cao với trình độ nghệ thuật xuất sắc. Bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, Thúy Kiều hiện lên là một con người đa diện, phức tạp, tính cách vừa mâu thuẫn lại vừa thống nhất. Ngay từ khi con gia biến ập xuống gia đình Kiều, nàng đã phải băn khoăn giữa “*Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn*”, mặc dù cuối cùng Kiều chọn bán mình, hi sinh chữ tình để vẹn toàn chữ hiếu nhưng đấn đo giữa tình – hiếu nổi dấn vật, day dứt mà Kiều mang theo mình suốt quãng đường mười lăm năm lưu lạc. Từ quan điểm đạo đức phong kiến, hành động bán mình cứu gia đình của Thúy Kiều được tôn vinh là một



biểu hiện cao đẹp của lòng hiếu thảo của con cái đối với đấng sinh thành; nhưng hành động đó nhìn từ phương diện tình yêu lại là sự phụ tình đối với Kim Trọng. Dẫu biết rằng “ngộ biến tông quyền” là đạo lí thường tình ở đời, nhưng từ mỗi điểm nhìn khác nhau lại cho ta những Thúy Kiều không hoàn toàn trùng khít, muôn màu muôn vẻ. Đối với nhân vật Thúy Kiều, còn vô vàn những trường hợp nếu đứng từ những điểm nhìn khác nhau sẽ có những hình dung khác nhau về nhân vật: người phụ nữ một lòng gìn giữ trinh tiết nhưng lại từng mong ước được trao nó cho Kim Trọng: “*Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*”; Kiều vừa muốn tìm sự bình yên nơi cửa Phật nhưng vừa không thể dứt được mối duyên nợ với cuộc đời; Kiều vừa được ngợi ca là người có công nhưng lại mang tiếng giết chồng... Bao nhiêu sự mâu thuẫn ấy cùng tồn tại trong nhân vật Thúy Kiều, khiến nhân vật là một tính cách đa dạng, nhiều khi mâu thuẫn. Nhưng đặt những tính cách đó vào hoàn cảnh cụ thể có thể nhận thấy sự thống nhất, sự hoàn chỉnh của một con người đúng nghĩa.

Đó chính là cơ sở cho những tranh luận, những quan điểm khen chê đối lập nhau trong nghiên cứu *Truyện Kiều* nói chung và nghiên cứu về nhân vật Thúy Kiều nói riêng. Đa dạng hóa điểm nhìn trần thuật bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm góp phần tạo nên cái nhìn đa dạng, phong phú, nhiều chiều về nhân vật và tác phẩm.

### **3.2.3. Góp phần gia tăng yếu tố trữ tình và bước đầu biến đổi mô hình kết cấu truyện Nôm**

Truyện Nôm trước hết là tác phẩm sáng tác theo phương thức tự sự nên yếu tố tự sự - kể lại câu chuyện, thuật lại sự kiện, nhân vật chiếm phần chủ đạo. Tuy nhiên, đó lại là hình thức tự sự bằng thơ nên câu chuyện được kể mang âm hưởng trữ tình – thể hiện ở sự bộc lộ những tâm tư, tình cảm của tác giả trước cuộc đời. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm vốn là sự phản ánh quá trình tâm lí nội tâm sâu sắc, dòng cảm xúc, suy tư trong đáy sâu tâm hồn, tình cảm con người nên sự xuất hiện của độc thoại nội tâm trong tác phẩm truyện Nôm là biểu hiện đậm nét trong việc gia tăng yếu tố trữ tình của thể loại.

Trong *Hoa tiên kí*, sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại nội tâm thể hiện sự chú ý của ngòi bút tác giả đối với đời sống tâm hồn của nhân vật. Nguyễn Huy Tự đã miêu tả những cảm xúc băng khuâng tiếc nuối của Dao Tiên khi tuổi xuân của nàng đang từng ngày qua đi. Con đường đến với tình yêu của Dao Tiên là quá trình đấu

tranh với những ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân phong kiến. Nhưng khát vọng yêu đương là tình cảm vốn có trong mỗi con người, đặc biệt là tuổi trẻ, nên qua thời gian, sự rung động trong trái tim đã đưa nàng đi theo tiếng gọi của tình yêu. Tất cả những diễn biến của đời sống tâm hồn chỉ có thể được miêu tả bằng phương thức trữ tình mà sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại nội tâm trong tác phẩm là một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên chiều sâu tâm lí nhân vật. Với *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính chưa thực sự đậm nét nhưng cũng đã bước đầu góp phần tạo nên tính trữ tình của tác phẩm.

Đến *Truyện Kiều*, Thúy Kiều là con người với bản tính đa cảm luôn sống với nội tâm đầy ắp những tâm tư, tình cảm, khát khao hạnh phúc và cả những rạo rức trong tình yêu. Với đặc trưng tâm lí đó, ngôn ngữ tự sự để kể lại, thuật lại câu chuyện không thể diễn đạt hết đời sống nội tâm phong phú của nàng. Trong tác phẩm, Thúy Kiều hiện lên với muôn vàn tâm trạng khác nhau, với đời sống tâm tư, tình cảm diễn biến vô cùng phong phú, phức tạp. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm càng sâu sắc bao nhiêu thì đời sống tâm lí nhân vật phong phú bấy nhiêu. Vì vậy, trải qua hơn hai trăm năm, *Truyện Kiều* không đọng lại trong lòng mỗi người không phải là một câu chuyện tình khổ như nguyên tác về cuộc đời Thúy Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* mà ám ảnh người đọc là những âm thanh, cung bậc thăng trầm của cung đàn bạc mệnh, là tiếng kêu đứt ruột về một kiếp người tài hoa mà bạc mệnh.

Cũng giống như đa phần các truyện Nôm khác, cốt truyện dựa trên mô hình cơ bản: Gặp gỡ - Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ. Xét về hình thức, *Truyện Kiều* vẫn tuân theo mô hình cốt truyện cơ bản của thể loại, nhưng thực chất xét về chiều sâu, sự đoàn tụ trong tác phẩm đã không còn tính chất có hậu nguyên vẹn như nó vốn có. Thúy Kiều đoàn tụ với gia đình nhưng không bao giờ có được sự đoàn tụ thực sự cùng Kim Trọng:

*Trông xem đủ mặt một nhà,  
Xuân già còn trẻ huyên già còn tươi.  
Hai em phương trưởng hòa hai,  
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!  
Tưởng bây giờ là bao giờ,  
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!*

Thúy Kiều gặp lại Kim Trọng nhưng chỉ coi chàng Kim là “người ngày xưa”. Thúy Kiều chỉ gặp lại con người Kim Trọng giữa cuộc đời nhưng đó không phải Kim Trọng trong tình yêu. Không có được tình yêu như lời hẹn ước không phải vì Thúy Kiều “*Nửa đời ném trái đu mùi đắng cay*”, đã trải qua kiếp phong trần “*Ong qua buồm lại đã thừa xấu xa*” mà chính bởi Thúy Kiều là một con người với nội tâm sâu sắc. Nguyễn Du đã xây dựng Thúy Kiều với đời sống tâm hồn, tình cảm phong phú, đã để nàng tự soi thấu trái tim mình bằng biết bao lần độc thoại nội tâm. Một con người với trái tim thông minh và trái tim đa cảm, đã tự nhìn thấy phần sâu sắc nhất trong con người mình qua mười lăm năm bị cuộc đời “*xoay đến thế còn vắn chưa tha*” khiến trái tim nàng không còn nguyên vẹn để đón nhận sự đoàn tụ cùng Kim Trọng. Con người Thúy Kiều trong toàn bộ tác phẩm luôn mâu thuẫn giữa khát vọng hạnh phúc và hiện thực cuộc đời trớ trêu. Suốt mười lăm năm Thúy Kiều luôn khắc ghi lời thề đôi lứa, khao khát đoàn tụ nhưng đến khi gặp lại chỉ có thể “*Dem tình cầm sắt đổi ra cầm kì*”. Thúy Kiều vốn là một tính cách đầy mâu thuẫn, và sự lựa chọn của nàng khi đoàn tụ cũng là một sự mâu thuẫn trong tính thống nhất. Nguyễn Du đã thể hiện một Thúy Kiều sâu sắc, hiểu mình, hiểu đời bằng những đoạn độc thoại nội tâm suốt mười lăm năm lưu lạc, nên dù muốn tuân thủ cốt truyện của thể loại nhưng chính con người sâu sắc của Thúy Kiều đã phá vỡ mô hình truyền thống đó. Có thể nói:

Sâu trong bản chất, kết thúc *Truyện Kiều* là một kết thúc không có hậu như nhiều truyện Nôm khác mà là một kết thúc bi kịch. Chính cách kết thúc này cho thấy cái nhìn hiện thực sâu sắc của Nguyễn Du. Chính cách kết thúc này càng làm sâu sắc thêm giá trị nhân đạo của tác phẩm: bên cạnh tiếng nói cảm thương là “*bản cáo trạng cuối cùng trong Truyện Kiều*” (Xuân Diệu), con người sống trong đau khổ thật còn hơn sống trong mặc cảm, lừa dối.

[66, tr.239]

### \* *Tiểu kết chương 3*

Trong các truyện Nôm bác học từ *Hoa tiên kí*, *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm đã bước đầu xuất hiện thì đến *Truyện Kiều* thực sự xuất hiện đậm nét và đạt đến đỉnh cao nghệ thuật. Có thể thấy sự chi phối của độc thoại nội tâm đối với phương diện nghệ thuật của tác phẩm trên hai phương diện cơ bản: trong việc xây dựng nhân vật có tính cách và trong việc cách tân thể loại truyện thơ Nôm.

Trên phương diện xây dựng nhân vật có tính cách, độc thoại nội tâm đã góp phần xây dựng nhân vật như những con người cảm nghĩ thay thế cho con người hành động trong văn học trung đại. Nhân vật Dao Tiên trong *Hoa tiên kí* là con người sống với những cảm xúc băng khuâng chờ đợi, trần trọc phân vân, ước mong bình yên và cả căm giận, oán trách, đau khổ trong tình yêu, một con người yêu sâu sắc nhưng căm giận cũng đến điều. Ở *Sơ kính tân trang*, nét độc đáo của độc thoại nội tâm trong tác phẩm là được thể hiện dưới hình thức những bài thơ trữ tình đối đáp do nhân vật viết góp phần thể hiện nhân vật nữ chính một trong tình yêu tự do của các nhân vật nữ chính. Đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm thực sự đậm nét và đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ. Độc thoại nội tâm đã làm nên một Thúy Kiều cá tính, có đời sống nội tâm phức tạp, đa dạng mà thống nhất. Và độc thoại nội tâm góp phần làm cho những nét tính cách nhân vật có chiều sâu, để Thúy Kiều trở thành nhân vật điển hình với tính cách đa diện, sâu sắc trong văn học Việt Nam.

Trên phương diện cách tân thể loại, độc thoại nội tâm góp phần đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện, điểm nhìn trần thuật, góp phần gia tăng yếu tố trữ tình của thể loại, khiến các tác phẩm truyện Nôm, đặc biệt là *Truyện Kiều* không chỉ là một câu chuyện kể khô khan mà một câu chuyện đầy ắp những tình cảm đau đớn, xót xa, cảm thương. Riêng ở kiệt tác *Truyện Kiều*, sự chi phối sâu sắc của độc thoại nội tâm việc xây dựng hình tượng nhân vật đã bước đầu tạo nên sự biến đổi mô hình kết cấu của truyện Nôm, để câu chuyện phát triển theo quy luật của hiện thực cuộc sống chứ không tuân theo mô hình kết thúc có hậu như trong truyền thống.

## KẾT LUẬN

1. Độc thoại nội tâm vốn ít xuất hiện trong văn học trung đại và nghiên cứu về độc thoại nội tâm, nhìn nhận, đánh giá nó trong sự phát triển thể loại truyện Nôm qua hệ thống các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu là vấn đề chưa được đặt ra trong bất kì công trình nghiên cứu nào. Luận văn này đã đi sâu nghiên cứu độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính: Dao Tiên trong *Hoa tiên kí* của Nguyễn Huy Tự; Trương Quỳnh Thư – Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái và Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du trong cái nhìn hệ thống ấy.

2. Về phương diện nội dung, độc thoại nội tâm trong *Hoa tiên kí* mặc dù chỉ xuất hiện với một số lượng rất hạn chế nhưng có ý nghĩa đánh dấu bước khởi đầu mới cho việc xây dựng nhân vật có tính cách trong truyện Nôm bác học. Trong *Sơ kính tân trang*, tình yêu luôn mang màu sắc tự do, phóng túng, không chịu bất kì sự ràng buộc nào của quan niệm lễ giáo truyền thống. Những con người trẻ tuổi trong tác phẩm đã chạy theo tiếng gọi của cảm xúc, của trái tim, bất chấp những khuôn khổ chật hẹp của lễ giáo phong kiến. Đặc biệt, nét độc đáo trong lời độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong tác phẩm chính là hình thức thể hiện qua các bài thơ trữ tình do nhân vật viết ra, là phương tiện kết nối giữa đôi trai gái trong tình yêu.

Đến *Truyện Kiều*, với ngôn ngữ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã xây dựng một nhân vật Thúy Kiều với nội tâm đa dạng và phức tạp, con người nàng cũng đầy mâu thuẫn: Thúy Kiều ngay từ giây phút chớm nở của tình yêu đã luôn khắc khoải lo sợ tình yêu tan vỡ, đến khi cuộc đời nàng trải qua bao sóng gió, yêu ba người mà vẫn không mang tiếng tà dâm; một Thúy Kiều luôn hết lòng hiếu thảo, chấp nhận hi sinh tình yêu để bán mình chuộc cha, suốt mười lăm năm lưu lạc trái tim nàng vẫn hướng về quê hương, lo lắng cho cha mẹ đang từng ngày già đi mà bản thân nàng không được phụng dưỡng, chăm sóc ; một Thúy Kiều trải qua bao đắng cay, khổ ải nhưng vẫn luôn khao khát vươn lên, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Nghiên cứu về độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong một số truyện Nôm bác học tiêu biểu, có thể thấy nội dung phản ánh của lời độc thoại nội tâm của nhân vật Thúy Kiều là độc đáo, sâu sắc hơn cả. Không chỉ đơn thuần phản ánh nội dung về tình yêu như độc thoại nội tâm của các nhân vật nữ chính trong *Hoa*

*tiên kí* và *Sơ kính tân trang*, độc thoại nội tâm của Thúy Kiều, bên cạnh tình yêu còn phản ánh cả những nội dung về tình cảm gia đình và cái nhìn về số phận, tương lai của chính nàng. Từ cuộc đời nhân vật Thúy Kiều, Nguyễn Du đã có cái nhìn khái quát về cuộc đời dưới thời đại nhà thơ.

3. Về phương diện xây dựng nhân vật có tính cách, độc thoại nội tâm đã tạo nên sự chuyển biến cơ bản trong việc xây dựng hình tượng nhân vật từ con hành động truyền thống trong văn học trung đại sang con người cảm nghĩ có tâm lí, cá tính riêng. Trong *Hoa tiên kí*, Nguyễn Huy Tụ đã xây dựng nhân vật Dao Tiên với những cảm xúc băng khuâng chờ đợi, trần trọc phân vân, ước mong bình yên và cả căm giận, oán trách, đau khổ trong tình yêu, một con người yêu sâu sắc nhưng căm giận cũng đến điều. Đối với *Sơ kính tân trang*, nghệ thuật tác phẩm còn nhiều hạn chế nhưng sự xuất hiện của độc thoại nội tâm dưới hình thức những bài thơ trữ tình đối đáp do nhân vật viết ra đã tạo nên nét riêng biệt cho câu chuyện tình yêu trong tác phẩm, góp phần thể hiện các nhân vật nữ chính với nét táo bạo, sự tự do trong tình yêu. Đến *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm thực sự đậm nét và đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ. Độc thoại nội tâm đã làm nên một Thúy Kiều cá tính, có đời sống tâm hồn phong phú, sâu sắc. Nhìn riêng rẽ, tính cách Thúy Kiều đôi khi mâu thuẫn nhưng trong tổng thể, tính cách ấy lại thống nhất trong sự đa dạng. Và độc thoại nội tâm góp phần làm cho những nét tính cách ấy thêm đậm nét, sâu sắc, để Thúy Kiều trở thành nhân vật điển hình với tính cách đa diện, phức tạp trong văn học Việt Nam.

Trên phương diện cách tân thể loại, độc thoại nội tâm góp phần đa dạng hóa ngôn ngữ kể chuyện, điểm nhìn trần thuật. Hơn thế nữa, độc thoại nội tâm còn là biểu hiện đậm nét của việc gia tăng yếu tố trữ tình của thể loại, khiến các tác phẩm truyện Nôm, đặc biệt là *Truyện Kiều* đọng lại trong tâm trí người đọc không chỉ là một câu chuyện kể về tình yêu mà là dư vị của cảm xúc. Đặc biệt ở *Truyện Kiều*, độc thoại nội tâm còn góp phần tạo nên sự cách tân mô hình truyền thống của thể loại, để câu chuyện phát triển như quy luật vốn có của nó.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2005), *Nghiên cứu văn hóa và ngữ văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đào Duy Anh (2007), *Khảo luận về Truyện Thúy Kiều*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Đào Duy Anh (2009), *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Lại Nguyên Ân (1998), *Đọc lại người trước, đọc lại người xưa*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Nguyễn Tài Căn (2002), *Tư liệu Truyện Kiều: Bản Duy Minh Thị 1872*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Tài Căn (2004), *Tư liệu Truyện Kiều: Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học & Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
7. Nguyễn Tài Căn (2008), *Tư liệu Truyện Kiều: Thử tìm hiểu bản sơ thảo Đoạn trường tân thanh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Xuân Diệu (1966), *Thi hào dân tộc Nguyễn Du*, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Nguyễn Du (2015), *Truyện Kiều*, Ban văn bản Hội Kiều học Việt Nam hiệu khảo, chú giải, Nxb Trẻ, TP HCM.
10. Đặng Anh Đào (2001), *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Phan Cự Đệ (2009), *Văn học Việt Nam 1900 – 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Hữu Sơn, Hoài Thanh tuyển chọn, giới thiệu (2007), *Nguyễn Du về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Đoàn Lê Giang, Huỳnh Như Phương tuyển chọn (2015), *Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa Nguyễn Du*, Nxb Đại học Quốc gia, TP HCM.
14. Hà Huy Giáp (2001), *Truyện Kiều của Nguyễn Du*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
15. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Thích Nhất Hạnh (2007), *Thả một bè lau – Truyện Kiều dưới cái nhìn thiền quán*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, TP HCM.
17. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

18. Kiều Thu Hoạch (1992), *Truyện Nôm nguồn gốc và bản chất thể loại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
19. Cao Thị Hồng (2015), *Tình yêu Thúy Kiều – Kim Trọng: từ góc nhìn nữ quyền*, <http://vannghehainguyen.vn>, ngày 13/11/2015.
20. Nguyễn Phạm Hùng (2011), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XX*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Đinh Gia Khánh (1998), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Nguyễn Lân (2007), *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nxb Văn học, Hà Nội.
24. Đặng Thanh Lê (2006), *Giảng văn Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
25. Lê Xuân Lít (2001), *Tìm hiểu từ ngữ Truyện Kiều*, Nxb Đại học Quốc gia, TP HCM.
26. Lê Xuân Lít (Sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), (2007), *200 năm nghiên cứu – bàn luận Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Nguyễn Lộc (2009), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. Phương Lựu (2002), *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
29. Phương Lựu (Chủ biên), (2006), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
30. Lê Thị Hồng Minh (2010), *Ngôn ngữ và tính cách Thúy Kiều*, <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>, ngày 1/7/2010.
31. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
32. Phan Ngọc (2009), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb Lao động, Hà Nội.
33. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2006), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
34. Trần Ích Nguyên (2004), *Nghiên cứu câu chuyện Vương Thúy Kiều*, Nxb Lao động – Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.



35. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học* (bộ mới), Nxb Thế giới, Hà Nội.
36. Hoàng Phê (Chủ biên), (2009), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.
37. Hoài Phương (tuyển chọn và biên soạn), (2003), *Truyện Kiều những lời bình*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
38. Phạm Đan Quế (2000), *Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều*, Nxb Văn học, Hà Nội.
39. Phạm Đan Quế (2000), *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX*, Nxb Văn học, Hà Nội.
40. Phạm Đan Quế (2000), *Truyện Kiều và Kim Vân Kiều truyện*, Nxb Văn học, Hà Nội.
41. Phạm Đan Quế (2002), *Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
42. Phạm Đan Quế (2002), *Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
43. Phạm Đan Quế (2003), *Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
44. Phạm Đan Quế (2005), *Thế giới nhân vật Truyện Kiều*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
45. Phạm Đan Quế (2006), *Những giai thoại hay về Nguyễn Du và Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
46. Phạm Đan Quế (2007), *Những điển tích hay trong Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
47. Phạm Đan Quế (2007), *Truyện Kiều – Những bài viết lạ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
48. Phạm Đan Quế (2013), *Thế giới Nghệ thuật Truyện Kiều*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
49. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
50. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
51. Trần Đình Sử (2001), *Văn học và thời gian*, Nxb Văn học, Hà Nội.
52. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
53. Trần Đình Sử (Chủ biên), (2009), *Giáo trình Lí luận văn học* (tập II), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
54. Phạm Thái (2002), *Sơ kính tân trang*, Hoàng Hữu Yên hiệu đính và chú giải, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

55. Nguyễn Hằng Thanh (2003), *Nghệ thuật tái tạo nhân vật Kiều trong Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
56. Thanh Tâm Tài Nhân (2008), *Kim Vân Kiều truyện* (Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hanh dịch), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
57. Tuấn Thành, Vũ Nguyễn tuyển chọn (2007), *Truyện Kiều tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học, Hà Nội.
58. Trần Ngọc Thêm (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
59. Nguyễn Ngọc Thiện (biên soạn, sưu tầm) (2003), *Tranh luận Truyện Kiều thế kỷ XX*, Nxb Lao động, Hà Nội.
60. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
61. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
62. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
63. Phan Trọng Thường, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Hữu Sơn (Biên soạn và giới thiệu), (1999), *Tuyển tập 40 năm tạp chí văn học (1960 – 1999), Tập 2 – Văn học cổ - cận đại Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
64. Nguyễn Trí Tích (2001), *Viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
65. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia – Viện Văn học (1997), *Nguyễn Huy Tụ và Truyện Hoa tiên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Trần Ngọc Hồ Trường (2015), Không gian siêu hình trong Truyện Kiều, <http://tapchisonghuong.com.vn>, ngày 21/7/2015.
67. Đỗ Minh Tuấn (1995), *Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
68. Nguyễn Huy Tụ (1961), *Truyện Hoa tiên*, Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu, Nxb Văn hóa - Viện văn học, Hà Nội.
69. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

70. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Văn học (2015), *Di sản văn chương Đại thi hào Nguyễn Du: 250 năm nhìn lại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
71. Trần Ngọc Vương (1999), *Văn học Việt Nam – Dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

## PHỤ LỤC

*Phụ lục 1: Bảng thống kê các đoạn độc thoại nội tâm của Dao Tiên trong Hoa tiên kí (Nguyễn Huy Tự)*

STT	STT câu thơ	Câu/đoạn độc thoại nội tâm	Hoàn cảnh xuất hiện độc thoại nội tâm
1	593 – 600	<p><i>Bàn riêng những chuyện mới rồi: “Mấy lời Hương Nguyệt thực lời nói ngay. Lân la mười sáu xuân chầy, Tơ kia quấn, bóng kia xoay, mấy mà? Xót thay cho kẻ vì ta, Liều gầy trắng lạnh, sa đà bấy lâu. Giá nào, nào để mấy đầu, Duyên nào, nào biết về sau nường nào?”</i></p>	<p>Nghe lời tâm sự của hai tỳ nữ Vân Hương, Bích Nguyệt, Dao Tiên thấy trần trọc, xót xa cho Phương Châu và bâng khuâng tiếc nuối vì tuổi xuân của nàng đang từng ngày trôi đi</p>
2	659 – 668	<p><i>Thảo nào Nguyệt nói Hương bày, Thấy tình thực cũng thiết thay là tình. Dừng dung nước vốn xuôi dòng, Hoa sao hoa khéo vẫn ghènh chiều xuân. Lời đâu quyến luyến thanh tân, Rủ rê gió Sở mây Tần bởi ai? Nói chi phong vị lâu dài, Trách chi lũ hươg khách hoài khiến sao. Thà cho xong một bề nào, Chẳng thể giấc giờ hôm dao đường này.</i></p>	<p>Tâm sự của Dao Tiên sau khi gặp lại Lương sinh ở vườn hoa. Nàng ao ước có một cuộc duyên tình để tâm hồn được bình yên</p>
3	945 – 960	<p><i>Nàng nghe ngán ngọc thắm bào, Phận đành là thế, dù sao cũng đành. Rối lòng tính quẩn toan quanh, Lẽ gì mình tỏ cho mình chút vay. Buồng riêng thức thức phô bày,</i></p>	<p>Khi nghe tin Phương Châu đã hứa hôn, Dao Tiên nghĩ Phương Châu phụ tình mình nên</p>

	<p><i>Lòng nào vui những vật này với ai.  Cầm nào kẻ biện thiêng tai,  Dù say, ai với ai nài điều say?  Cờ nào kẻ đấu ngang tay,  Dù mê, ai với ai vầy cuộc mê?  Thơ nào kẻ họa vắn quê,  Giấy kia dù xướng nên đề ai liên?  Vẽ nào kẻ nhận nét truyền,  Bút kia dù trạng nên phiên ai xem?  Nào gương, nào chỉ, nào kim,  Nào ai mà để chi thêm bận bùng.</i></p>	đốt hết kỉ vật
--	--	----------------

Phụ lục 2: Bảng thống kê các đoạn độc thoại nội tâm của Trương Quỳnh Thu  
– Thụy Châu trong *Sơ kính tân trang* (Phạm Thái)

STT	STT câu thơ	Câu/đoạn độc thoại nội tâm	Hoàn cảnh xuất hiện độc thoại nội tâm
1	569 - 570	<i>Hương lửa tình này dễ nói năng, Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng?</i>	Thơ của Trương Quỳnh Thu gửi Phạm Kim khi chàng phải về quê mà chưa kịp cầu hôn
2	631 - 640	<i>Quỳnh nương thấy nói hỡi hùng, Than rằng: “Phận bạc má hồng góm thay! Lời nguyện vãng vãng còn đây, Kim lang biết nổi nước này hay không?” Cũng toan giếng thăm cho xong, Nhưng còn nghĩ lại tấm lòng chưa an. Thà rằng được thấy mặt chàng, Tỏ bày tâm sự thở than ân tình. Rồi mình sẽ tính phận mình, Cho toàn một ước, cho mình một nguyện.</i>	Tâm trạng Trương Quỳnh Thu khi nghe tin tên quan Đô đốc ép hôn
3	649 - 650	<i>Đội ơn công tử lòng như một, Bồ liễu duyên sao khéo bẽ bàng?</i>	Thơ của Trương Quỳnh Thu gửi Phạm Kim khi bị ép hôn với tên Đô đốc
4	651 - 664	<i>Bẽ bàng thân phận liễu bồ, Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu ủ chiều. Vì ai thèo đánh khơi trêu, Khiến hồng nhan gặp lắm điều gian truân.</i>	Thơ của Trương Quỳnh Thu gửi Phạm Kim khi bị ép hôn với tên Đô đốc

		<p><i>Ngán ngấm thay phận hồng quần,  Thù gì con tạo, tiếc xuân riêng mình.  Ngỡ rằng dì gió cũng bênh,  Mà van vỉ nói rằng tình bấy nay.  Ai ngờ nên nổi nước này,  Nào bà Nguyệt lão? Nào thầy Thiên tiên?  Long đong ngán nhẽ phận duyên,  Nợ nần này phải đĩnh nguyên kiếp sau.  Gửi đưa một bức về hầu,  Chữ tình xin gỡ cho nhau kéo mà.</i></p>	
5	1291 - 1292	<p><i>Nhân duyên khéo ngán ngơ thay,  Chẳng hay dì gió quấy rầy làm sao?</i></p>	Tâm trạng của Thụy Châu khi đánh đàn

Phụ lục 3: Bảng thống kê các đoạn độc thoại nội tâm của n Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)

STT	STT câu thơ	Câu/đoạn độc thoại nội tâm	Hoàn cảnh xuất hiện độc thoại nội tâm
1	179 - 182	<i>Người mà đến thế thì thôi, Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi! Người đâu gặp gỡ làm chi, Trăm năm biết có duyên gì hay không?</i>	Kiều tương tư sau khi gặp Kim Trọng
2	217 - 220	<i>Một mình lưỡng lự canh chầy, Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh! Hoa trôi bèo dạt đã đành, Biết duyên mình biết phận mình thế thôi!</i>	Lần đầu tiên Đạm Tiên báo mộng, Thúy Kiều nghĩ về giấc mơ
3	599 - 606	<i>Sao cho cốt nhục vẹn tuyền, Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao? Duyên hội ngộ, đức cù lao, Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn? Để lời thệ hải minh sơn, Làm con trước phải đền ơn sinh thành. Quyết tình nàng mới hạ tình Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha!</i>	Gia đình bị thằng bán tơ vu oan, Thúy Kiều quyết định bán mình chuộc cha
4	617 - 620	<i>Đau lòng tử biệt sinh ly, Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên? Hạt mưa sá nghĩ phận hèn, Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân.</i>	Thúy Kiều nghĩ về việc bán mình
5	697 - 710	<i>Phận dầu dầu vậy cũng dầu, Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời! Công trình kẻ xiết mấy mươi, Vì ta khăng khít cho người dở dang. Thẻ hoa chưa ráo chén vàng, Lỗi thẻ thôi đã phụ phàng với hoa!</i>	Sau khi lo xong việc nhà, Thúy Kiều nghĩ về tình yêu dang dở với Kim Trọng



		<p><i>Trời Liêu non nước bao xa, Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi! Biết bao duyên nợ thế bồi, Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì? Tái sinh chưa dứt hương thề, Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai. Nợ tình chưa trả cho ai, Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan!</i></p>	
6	789 - 798	<p><i>Phẩm tiên rơi đến tay hèn, Hoài công nặng giữ mưa gìn với ai! Nghĩ thân đến bước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung. Vì ai ngăn đón gió đông, Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi. Trùng phùng dù họa có khi, Thân này thôi có ra gì mà mong. Đã sinh ra số long đong, Còn mang láy kiếp má hồng được sao?</i></p>	Mã Giám Sinh đón Kiều đến trú phường, Kiều nghĩ về thân phận mình
7	853 - 856	<p><i>Tuồng chi là giống hôi tanh, Thân nghìn vàng để ô danh má hồng! Thôi còn chi nữa mà mong, Đời người thôi thế là xong một đời!</i></p>	Tâm sự của Thúy Kiều khi bị thất thân với Mã Giám Sinh
8	859 - 864	<p><i>Nghĩ đi nghĩ lại một mình, Một mình thì chớ hai tình thì sao? Sau dầu sinh sự thế nào, Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân. Nỗi mình âu cũng giãn dần, Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi!</i></p>	Thúy Kiều định tự tử nhưng khi nghĩ về cha mẹ, nàng từ bỏ ý định đó

9	915 - 918	<i>Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi, Thấy trăng mà thẹn những lời non sông! Rừng thu từng biếc xen hồng, Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn!</i>	Thúy Kiều theo Mã Giám Sinh đến Lâm Truy
10	1017 - 1020	<i>Vả trong thân mộng mấy lời, Túc nhân âu hẳn có trời ở trong. Kiếp này nợ trả chưa xong, Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau!</i>	Thúy Kiều sau khi tự tử, nghe lời hứa của Tú Bà ra ở lầu Ngưng Bích
11	1039 - 1046	<i>Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, Tin sương luống những rày trông mai chờ. Bên trời góc bể bơ vơ, Tấm son gột rửa bao giờ cho phai. Xót người tựa cửa hôm mai, Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ? Sân Lai cách mấy nắng mưa, Có khi gốc tử đã vừa người ôm.</i>	Tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích
12	1075 - 1078	<i>Nghĩ người thôi lại nghĩ mình, Cảm lòng chua xót lại tình bơ vơ. Những là lần lửa nắng mưa, Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi?</i>	Tâm sự Thúy Kiều trước khi mắc mưu đi trốn cùng Sở Khanh
13	1115 - 1116	<i>Cũng liều nhắm mắt đưa chân, Mà xem con tạo xoay vần đến đâu!</i>	Thúy Kiều dù hoài nghi nhưng vẫn cùng Sở Khanh bỏ trốn
14	1129 - 1130	<i>Hóa nhi thật có nữ lòng, Làm chi giày tía vò hồng lấm nau!</i>	Thúy Kiều nhận ra mình mắc mưu Sở Khanh, trách tạo hóa
15	1191 - 1198	<i>Tiết thay trong giá trắng ngần,</i>	Thúy Kiều bị bắt về

		<p><i>Đến phong trần cũng phong trần như ai! Tẻ vui cũng một kiếp người, Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru! Kiếp xưa đã vụng đường tu, Kiếp này chẳng kéo đến bù mới xuôi! Dấu sao bình đã vỡ rồi, Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!</i></p>	<p>lầu xanh của Tú Bà, từ đây Kiều phải chịu tiếp khách</p>
16	1219 - 1226	<p><i>Những nghe nói đã thẹn thùng, Nước đời lăm nổi lạ lòng khắt khe! Xót mình cửa các buông khuê, Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay! Khéo là mặt dạn mày dày, Kiếp người đã đến thế này thì thôi! Thương thay thân phận lạc loài, Dấu sao cũng ở tay người biết sao?</i></p>	<p>Tâm sự của Thúy Kiều sau khi nghe Tú Bà dạy nghề tiếp khách</p>
17	1233 - 1240	<p><i>Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, Giật mình mình lại thương mình xót xa. Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường. Mặt sao dày gió dạn sương, Thân sao bướm chán ong chường bấy thân? Mặc người mưa Sở mây Tần, Những mình nào biết có xuân là gì?</i></p>	<p>Tâm sự “thương mình” của Thúy Kiều về đêm sau khi phải tiếp khách</p>
18	1253 - 1268	<p><i>Nhớ ơn chín chữ cao sâu, Một ngày một ngả bóng dâu tà tà. Dặm nghìn nước thẳm non xa, Nghĩ đâu thân phận con ra thế này! Sân hòe đôi chút thơ ngây, Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?</i></p>	<p>Tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều khi ở lầu xanh của Tú Bà</p>

		<p>Nhớ lời nguyện ước ba sinh,          Xa xôi ai có biết tình chẳng ai?          Khi về hỏi liễu Chương Đài,          Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!          Tình sâu mong trả nghĩa dày,          Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?          Mối tình đòi đoạn vò tơ,          Giác hương quan luống lẫn mơ canh dài.          Song sa vò võ phương trời,          Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.</p>	
19	1627 - 1634	<p>Nàng từ chiếc bóng song the,          Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.          Bóng dâu đã xế ngang đầu,          Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.          Tóc thề đã chắm ngang vai,          Nào lời non nước, nào lời sắt son.          Sấn bìm chút phận cỏn con,          Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng?</p>	<p>Tâm trạng nhớ          nhung của Thúc          Kiêu khi Thúc Sinh          về thưa chuyện với          Hoạn Thư</p>
20	1761 - 1766	<p>Phong trần kiếp chịu đã đầy,          Lành than lại có thứ này bằng hai.          Phận sao bạc chẳng vừa thôi,          Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.          Đã đành tức trái tiền oan,          Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi!</p>	<p>Thúc Kiêu khi đi ở          nhà quan Lại bộ</p>
21	1785 - 1794	<p>Lâm Truy chút nghĩa đèo bông,          Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau!          Bốn phương mây trắng một màu,</p>	<p>Tâm trạng nhớ          nhung của Thúc          Kiêu khi ở nhà</p>

		<i>Trông vòì cồ quốc biết đầu là nhà?</i>	Hoạn Thư
22	1807 - 1822	<i>Phải rằng nắng quáng đèn lòà, Rõ ràng ngòì đố chẳng là Thúc Sinh? Bây giờ tình mới tỏ tình, Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai! Chước đầu có chước lạ đời, Người đầu mà lại có người tình ma! Rõ ràng thật lừa đôi ta, Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi. Bề ngoài thơn thớt nói cười, Mà trong nham hiểm giết người không dao. Bây giờ đất thấp trời cao, Ăn làm sao nói làm sao bây giờ? Càng trông mặt càng ngẩn ngơ, Ruột tằm đòi đoạן như tơ rối bời. Sợ uy dám chẳng vâng lời, Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.</i>	Thúy Kiều gặp Thúc Sinh ở nhà Hoạn Thư, lúc này nàng mới biết sự tình
23	1927 - 1928	<i>Nhân duyên đầu lại còn mong, Khỏi điều thẹn phẩn tui hồng thì thôi.</i>	Thúy Kiều đi tu ở Quan Âm các
24	2003 - 2022	<i>Nghe thôi kinh hãi xiết đầu, Đàn bà thế ấy thấy đầu một người! Ấy mới gan ấy mới tài, Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời! Người đầu sâu sắc nước đời, Mà chàng Thúc phải ra người bó tay! Thực tang bắt đượç đường này, Máu ghen ai cũng chau mày nghiên răng. Thế mà im chẳng đấi đầng,</i>	Thúy Kiều nói về cái ghen của Hoạn Thư, nàng tìm cách bỏ trốn khỏi Quan Âm các

		<p>Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng. Giận dẫu ra dạ thể thường, Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu! Thân ta ta phải lo âu, Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này. Ví chằng chấp cánh cao bay, Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa! Phận bèo bao quản nước sa, Lệnh đênh đâu nữa cũng là lệnh đênh. Chín e quê khách một mình, Tay không chưa dễ tìm vành ám no!</p>	
25	2149 - 2164	<p>Thoắt trông nàng đã biết tình, Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao. Chém cha cái số hoa đào, Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi! Nghĩ đời mà ngán cho đời, Tài tình chi lắm cho trời đất ghen! Tiếc thay nước đã đánh phèn, Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần! Hồng quân với khách hồng quân, Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha. Lỡ từ lạc bước bước ra, Cái thân liệu những từ nhà liệu đi. Đầu xanh đã tội tình gì? Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi. Biết thân chạy chẳng khỏi trời, Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.</p>	Tâm sự của Thúy Kiều khi vào lầu xanh lần thứ hai
26	2235 - 2248	<p>Đoái trông muôn dặm tử phần Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa Xót thay huyên cố xuân già,</p>	Tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều khi Từ Hải ra

		<p>Tấm lòng thương nhớ biết là có người?  Chóc đà mười mấy năm trời,  Còn ra khi đã da mồi tóc sương.  Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,  Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.  Duyên em dù nói chỉ hồng,  May ra khi đã tay bông tay mang.  Tấc lòng cố quốc tha hương,  Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.  Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,  Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.</p>	trận
27	2475 - 2486	<p>Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,  Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.  Bằng nay chịu tiếng vương thân,  Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp  gì!  Công tư vẹn cả hai bề,  Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.  Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,  Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.  Trên vì nước dưới vì nhà,  Một là đặc hiếu hai là đặc trung.  Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,  E dè sóng vỗ hãi hùng nước sa.</p>	Tâm sự của Thúy Kiều khi khuyên Từ Hải ra hàng
28	2603 - 2616	<p>Nàng càng ủ liễu phai đào,  Trăm phần nào có phần nào phần tươi?  Đành thân cát lấp sóng vùi,  Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh!  Chân trời mặt bể lênh đênh,  Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào?</p>	Tâm sự của Thúy Kiều khi bị gả cho viên Thổ quan

		<p><i>Duyên đâu ai dứt tơ đào, Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay! Thân sao thân đến thế này? Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi! Đã không biết sống là vui, Tắm thân nào biết thiệt thòi là thương! Một mình cay đắng trăm đường, Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!</i></p>	
29	2629 - 2634	<p><i>Rằng: “Từ công hậu đãi ta, Chút vì việc nước mà ta phụ lòng. Giết chồng mà lại lấy chồng, Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời? Thôi thì một thác cho rồi, Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông!</i></p>	<p>Tâm sự của Thúy Kiều trước khi nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử</p>
30	3009 - 3014	<p><i>Trông xem đủ mặt một nhà, Xuân già còn trẻ huyên già còn tươi. Hai em phương trưởng hòa hai, Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa! Tưởng bây giờ là bao giờ, Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!</i></p>	<p>Thúy Kiều được đoàn tụ cùng gia đình và người yêu</p>